

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG  
KHOA KINH TẾ - BỘ MÔN KẾ TOÁN**



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**ĐỀ TÀI**

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH  
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY  
TNHH TM&DV AN ĐỒNG THỊNH MT**

|                      |                         |
|----------------------|-------------------------|
| Giảng viên hướng dẫn | : ThS. Lê Thị Cẩm Giang |
| Sinh viên thực hiện  | : Nguyễn Thị Cẩm Linh   |
| Mã số sinh viên      | : 2254010049            |
| Khóa học             | : 2022 - 2026           |
| Lớp                  | : 22KH1                 |

*Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026*

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG  
KHOA KINH TẾ - BỘ MÔN KẾ TOÁN**



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**ĐỀ TÀI**

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH  
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY  
TNHH TM&DV AN ĐỒNG THỊNH MT**

|                      |                         |
|----------------------|-------------------------|
| Giảng viên hướng dẫn | : ThS. Lê Thị Cẩm Giang |
| Sinh viên thực hiện  | : Nguyễn Thị Cẩm Linh   |
| Mã số sinh viên      | : 2254010049            |
| Khóa học             | : 2022 - 2026           |
| Lớp                  | : 22KH1                 |

*Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026*

*Đà Nẵng, ngày ..... tháng ..... năm 2026*

## **GIAO NHIỆM VỤ KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP**

### **NĂM HỌC 2025 - 2026**

**1. Thông tin tác giả thực hiện**

- Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Cẩm Linh
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khoá học: 2022 - 2026

**2. Tên đề tài khoá luận tốt nghiệp**

“KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM&DV AN ĐỒNG THỊNH MT”

**3. Các số liệu ban đầu thực hiện khoá luận tốt nghiệp**

- Giáo trình, tài liệu và các nghiên cứu liên quan
- Báo cáo tài chính (Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ) của Công ty
- Sổ kế toán tổng hợp và chi tiết (Sổ cái, sổ chi tiết các tài khoản)
- Chứng từ kế toán: hóa đơn, phiếu thu, phiếu chi, phiếu nhập - xuất kho,...
- Các tài liệu nội bộ liên quan đến công tác kế toán tại Công ty

**4. Các bảng biểu**

- Các bảng biểu được đính kèm trong phụ lục

**5. Cán bộ hướng dẫn**

- ThS. Lê Thị Cẩm Giang

**6. Ngày giao nhiệm vụ làm khoá luận tốt nghiệp**

- 02/03/2026

**7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khoá luận**

- 25/05/2026

**Giảng viên hướng dẫn**

## MỤC LỤC

### DANH MỤC SƠ ĐỒ

### DANH MỤC HÌNH ẢNH

### DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

|                                                                                         |    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|----|
| LỜI CẢM ƠN.....                                                                         | 1  |
| LỜI MỞ ĐẦU.....                                                                         | 1  |
| CHƯƠNG I.....                                                                           | 1  |
| CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....         | 1  |
| 1.1. Khái quát chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. .... | 1  |
| 1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ....             | 1  |
| 1.1.2. Các phương thức bán hàng và phương thức thanh toán .....                         | 1  |
| 1.1.2.1. <i>Phương thức bán hàng.</i> ....                                              | 1  |
| 1.1.2.2. <i>Phương thức thanh toán.</i> .....                                           | 2  |
| 1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....      | 2  |
| 1.1.4. Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ....      | 3  |
| 1.2. Kế toán doanh thu và thu nhập khác. ....                                           | 3  |
| 1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. ....                             | 3  |
| 1.2.1.1. <i>Đặc điểm</i> .....                                                          | 3  |
| 1.2.1.2. <i>Chứng từ - Tài khoản sử dụng</i> .....                                      | 4  |
| 1.2.1.3. <i>Phương pháp hạch toán.</i> .....                                            | 5  |
| 1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu. ....                                       | 8  |
| 1.2.2.1. <i>Đặc điểm</i> .....                                                          | 8  |
| 1.2.2.2. <i>Chứng từ - Tài khoản sử dụng</i> .....                                      | 8  |
| 1.2.2.3. <i>Phương pháp hạch toán.</i> .....                                            | 8  |
| 1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính. ....                                      | 9  |
| 1.2.3.1. <i>Đặc điểm</i> .....                                                          | 9  |
| 1.2.3.2. <i>Chứng từ - Tài khoản sử dụng</i> .....                                      | 9  |
| 1.2.3.3. <i>Phương pháp hạch toán.</i> .....                                            | 10 |
| 1.2.4. Kế toán thu nhập khác. ....                                                      | 11 |
| 1.2.4.1. <i>Đặc điểm</i> .....                                                          | 11 |
| 1.2.4.2. <i>Chứng từ - Tài khoản sử dụng</i> .....                                      | 11 |
| 1.2.4.3. <i>Phương pháp hạch toán.</i> .....                                            | 12 |

|                                                                                                                               |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1.3. Kế toán chi phí. ....</b>                                                                                             | <b>12</b> |
| <b>1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....</b>                                                                                   | <b>12</b> |
| <i>1.3.1.1 Đặc điểm.....</i>                                                                                                  | <i>12</i> |
| <i>1.3.1.2. Các phương pháp tính giá xuất kho.....</i>                                                                        | <i>12</i> |
| <i>1.3.1.3. Chứng từ - Tài khoản sử dụng.....</i>                                                                             | <i>14</i> |
| <i>1.3.1.4. Phương pháp hạch toán.....</i>                                                                                    | <i>15</i> |
| <b>1.3.2. Kế toán chi phí tài chính. ....</b>                                                                                 | <b>16</b> |
| <i>1.3.2.1. Đặc điểm.....</i>                                                                                                 | <i>16</i> |
| <i>1.3.2.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng.....</i>                                                                             | <i>16</i> |
| <i>1.3.2.3. Phương pháp hạch toán.....</i>                                                                                    | <i>17</i> |
| <b>1.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....</b>                                                                         | <b>17</b> |
| <i>1.3.3.1. Đặc điểm.....</i>                                                                                                 | <i>17</i> |
| <i>1.3.3.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng.....</i>                                                                             | <i>18</i> |
| <i>1.3.3.3. Phương pháp hạch toán.....</i>                                                                                    | <i>19</i> |
| <b>1.3.4. Kế toán chi phí khác. ....</b>                                                                                      | <b>20</b> |
| <i>1.3.4.1. Đặc điểm.....</i>                                                                                                 | <i>20</i> |
| <i>1.3.4.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng.....</i>                                                                             | <i>20</i> |
| <i>1.3.4.3. Phương pháp hạch toán.....</i>                                                                                    | <i>21</i> |
| <b>1.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. ....</b>                                                                | <b>21</b> |
| <i>1.3.5.1. Đặc điểm.....</i>                                                                                                 | <i>21</i> |
| <i>1.3.5.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng.....</i>                                                                             | <i>22</i> |
| <i>1.3.5.3. Phương pháp hạch toán.....</i>                                                                                    | <i>23</i> |
| <b>1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh. ....</b>                                                                         | <b>23</b> |
| <b>1.4.1. Đặc điểm.....</b>                                                                                                   | <b>23</b> |
| <b>1.4.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng. ....</b>                                                                              | <b>24</b> |
| <b>1.4.3. Phương pháp hạch toán.....</b>                                                                                      | <b>25</b> |
| <b>CHƯƠNG II .....</b>                                                                                                        | <b>26</b> |
| <b>THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM&amp;DV AN ĐỒNG THỊNH MT. ....</b> | <b>26</b> |
| <b>2.1. Giới thiệu khái quát về Công ty TNHH TM&amp;DV An Đồng Thịnh MT. .</b>                                                | <b>26</b> |
| <b>2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.....</b>                                                             | <b>26</b> |
| <i>2.1.1.1. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty.....</i>                                                                        | <i>26</i> |
| <i>2.1.1.2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty.....</i>                                                                          | <i>27</i> |
| <b>2.1.2. Phương thức bán hàng và thanh toán của Công ty. ....</b>                                                            | <b>27</b> |
| <b>2.1.3. Bộ máy quản lý của Công ty.....</b>                                                                                 | <b>27</b> |
| <b>2.1.4. Bộ máy kế toán của Công ty.....</b>                                                                                 | <b>28</b> |

|                                                                                                                                                  |    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 2.1.5. Chính sách kế toán áp dụng.....                                                                                                           | 29 |
| 2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán.....                                                                                                             | 29 |
| 2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT.....                           | 31 |
| 2.2.1. Kế toán các khoản doanh thu và thu nhập tại Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT. ....                                                     | 31 |
| 2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty.....                                                                          | 31 |
| 2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....                                                                                               | 42 |
| 2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....                                                                                              | 42 |
| 2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác. ....                                                                                                             | 45 |
| 2.2.2. Kế toán các khoản chi phí tại Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT.....                                                                    | 45 |
| 2.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán.....                                                                                                            | 45 |
| 2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính. ....                                                                                                         | 51 |
| 2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh. ....                                                                                                | 51 |
| 2.2.2.4. Kế toán chi phí khác.....                                                                                                               | 62 |
| 2.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....                                                                                         | 66 |
| 2.2.3. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....                                                                                        | 71 |
| CHƯƠNG III.....                                                                                                                                  | 76 |
| NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM&DV AN ĐỒNG THỊNH MT..... | 76 |
| 3.1. Nhận xét về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT.....                          | 76 |
| 3.1.1. Ưu điểm.....                                                                                                                              | 76 |
| 3.1.2. Hạn chế.....                                                                                                                              | 77 |
| 3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT.....     | 77 |
| KẾT LUẬN                                                                                                                                         |    |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO                                                                                                                               |    |
| PHỤ LỤC                                                                                                                                          |    |

## **DANH MỤC SƠ ĐỒ**

|                                                                                                                         |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Sơ đồ 1. Trình tự hạch toán doanh thu theo phương pháp bán trực tiếp .....                                              | 6  |
| Sơ đồ 2. Trình tự hạch toán doanh thu theo phương pháp bán hàng thông qua đại lý<br>( ở đơn vị giao hàng đại lý ) ..... | 6  |
| Sơ đồ 3. Trình tự hạch toán doanh thu theo phương pháp bán hàng thông qua đại lý<br>( ở đơn vị nhận đại lý ) .....      | 7  |
| Sơ đồ 4. Trình tự hạch toán doanh thu theo phương thức bán.....                                                         | 7  |
| Sơ đồ 5. Trình tự hạch toán đối với doanh nghiệp tính thuế theo.....                                                    | 8  |
| Sơ đồ 6. Trình tự hạch toán đối với doanh nghiệp tính thuế theo.....                                                    | 9  |
| Sơ đồ 7. Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....                                                          | 10 |
| Sơ đồ 8. Trình tự hạch toán thu nhập khác .....                                                                         | 12 |
| Sơ đồ 9. Trình tự hạch toán GVHB theo phương pháp kê khai thường xuyên .....                                            | 15 |
| Sơ đồ 10. Trình tự hạch toán GVHB theo phương pháp kiểm kê định kỳ .....                                                | 15 |
| Sơ đồ 11. Trình tự hạch toán chi phí tài chính.....                                                                     | 17 |
| Sơ đồ 12. Trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh .....                                                           | 19 |
| Sơ đồ 13. Trình tự hạch toán chi phí khác .....                                                                         | 21 |
| Sơ đồ 14. Trình tự hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp .....                                                   | 23 |
| Sơ đồ 15. Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh .....                                                          | 25 |
| Sơ đồ 16. Bộ máy quản lý tại Công ty .....                                                                              | 27 |
| Sơ đồ 17. Bộ máy kế toán tại Công ty.....                                                                               | 28 |
| Sơ đồ 18. Trình tự ghi sổ kế toán .....                                                                                 | 30 |
| Sơ đồ 19. Trình tự ghi sổ tại Công ty .....                                                                             | 30 |

## DANH MỤC HÌNH ẢNH

|                                                                                                                         |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Hình 1. Giao diện phần mềm kế toán Misa .....                                                                           | 31 |
| Hình 2. Trích hóa đơn GTGT số 92 .....                                                                                  | 34 |
| Hình 3. Giao diện hóa đơn số 92 trên phần mềm Misa.....                                                                 | 35 |
| Hình 4. Trích hóa đơn GTGT số 98 .....                                                                                  | 36 |
| Hình 5. Giao diện hóa đơn số 98 trên phần mềm Misa.....                                                                 | 37 |
| Hình 6. Trích sổ chi tiết tài khoản 5111 .....                                                                          | 37 |
| Hình 7. Trích hóa đơn GTGT số 96 .....                                                                                  | 38 |
| Hình 8. Giao diện hóa đơn số 96 trên phần mềm Misa.....                                                                 | 39 |
| Hình 9. Trích sổ chi tiết tài khoản 5113 .....                                                                          | 39 |
| Hình 10. Trích sổ nhật ký chung .....                                                                                   | 40 |
| Hình 11. Trích sổ cái tài khoản 511 .....                                                                               | 41 |
| Hình 12. Trích sao kê ngân hàng.....                                                                                    | 43 |
| Hình 13. Phiếu thu tiền gửi.....                                                                                        | 43 |
| Hình 14. Trích sổ chi tiết TK 515 .....                                                                                 | 44 |
| Hình 15. Trích sổ Nhật ký chung .....                                                                                   | 44 |
| Hình 16. Trích sổ cái tài khoản 515 .....                                                                               | 45 |
| Hình 17. Phiếu xuất kho .....                                                                                           | 47 |
| Hình 18. Giao diện phiếu xuất trên phần mềm Misa .....                                                                  | 47 |
| Hình 19. Phiếu xuất kho .....                                                                                           | 48 |
| Hình 20. Phiếu xuất kho .....                                                                                           | 48 |
| Hình 21. Trích sổ chi tiết TK 632 .....                                                                                 | 49 |
| Hình 22. Trích sổ Nhật ký chung .....                                                                                   | 50 |
| Hình 23. Trích sổ cái TK 632.....                                                                                       | 51 |
| Hình 24. Trích bảng chấm công nhân viên Tháng 12 .....                                                                  | 53 |
| Hình 25. Trích bảng thanh toán lương Tháng 12 .....                                                                     | 53 |
| Hình 26. Chứng từ nghiệp vụ khác hạch toán lương tháng 12 của bộ phận bán hàng.<br>.....                                | 54 |
| Hình 27. Trích sổ chi tiết TK 6421.....                                                                                 | 54 |
| Hình 28. Trích bảng chi tiết các khoản trích theo lương Tháng 12 .....                                                  | 55 |
| Hình 29. Chứng từ nghiệp vụ khác hạch toán lương tháng 12 của bộ phận văn phòng.<br>.....                               | 55 |
| Hình 30. Chứng từ nghiệp vụ khác hạch toán các khoản trích theo lương tháng 12 của<br>nhân viên Nguyễn Anh Phương ..... | 56 |
| Hình 31. Trích hóa đơn GTGT số 544171.....                                                                              | 57 |
| Hình 32. Phiếu chi mua hàng tại phần mềm misa.....                                                                      | 58 |

|                                                                    |    |
|--------------------------------------------------------------------|----|
| Hình 33. Hóa đơn mua hàng hóa .....                                | 58 |
| Hình 34. Trích sổ chi tiết TK 642.....                             | 59 |
| Hình 35. Trích sổ Nhật ký chung .....                              | 60 |
| Hình 36. Trích sổ cái tài khoản 642 .....                          | 61 |
| Hình 37. Thông báo của cơ quan thuế.....                           | 63 |
| Hình 38. Phiếu ủy nhiệm chi .....                                  | 63 |
| Hình 39. Trích sổ chi tiết TK 811 .....                            | 64 |
| Hình 40. Trích sổ Nhật ký chung .....                              | 65 |
| Hình 41. Trích sổ cái TK 811.....                                  | 65 |
| Hình 42. Trích tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp ..... | 68 |
| Hình 43. Chứng từ nghiệp vụ khác hạch toán thuế TNDN .....         | 69 |
| Hình 44. Trích sổ chi tiết TK 821 .....                            | 69 |
| Hình 45. Trích sổ Nhật ký chung .....                              | 70 |
| Hình 46. Trích sổ cái TK 821.....                                  | 71 |
| Hình 47. Chứng từ nghiệp vụ khác .....                             | 72 |
| Hình 48. Trích sổ chi tiết TK 911 .....                            | 73 |
| Hình 49. Trích sổ Nhật ký chung. ....                              | 74 |
| Hình 50. Trích sổ cái tài khoản 911 .....                          | 75 |
| Hình 51. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh .....                | 75 |

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

|        |                         |
|--------|-------------------------|
| GTGT   | Giá trị gia tăng        |
| CKTM   | Chiết khấu thương mại   |
| TSCĐ   | Tài sản cố định         |
| GVHB   | Giá vốn hàng bán        |
| KC     | Kết chuyển              |
| BHXH   | Bảo hiểm xã hội         |
| QLDN   | Quản lý doanh nghiệp    |
| TNDN   | Thu nhập doanh nghiệp   |
| DTT    | Doanh thu thuần         |
| BTC    | Bộ Tài chính            |
| TK     | Tài khoản               |
| TT-BTC | Thông tư – Bộ Tài chính |
| BCTC   | Báo cáo tài chính       |
| TNHH   | Trách nhiệm hữu hạn     |
| TM&DV  | Thương mại và Dịch vụ   |

## LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình học tập và thực hiện khóa luận tốt nghiệp, em đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ và động viên quý báu từ quý thầy cô, gia đình, bạn bè và đơn vị thực tập.

Trước tiên, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Giám hiệu Trường Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, quý thầy cô Khoa Kế toán đã tận tình giảng dạy, truyền đạt cho em những kiến thức chuyên môn cùng những kinh nghiệm thực tiễn quý báu trong suốt thời gian học tập tại trường. Những kiến thức đó là nền tảng quan trọng giúp em hoàn thành khóa luận này.

Đặc biệt, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến cô Lê Thị Cẩm Giang đã luôn tận tình hướng dẫn, chỉ bảo và đóng góp nhiều ý kiến quý báu để em có thể hoàn thiện đề tài một cách tốt nhất.

Em cũng xin chân thành cảm ơn các anh chị tại Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT, đặc biệt là phòng Kế toán, đã tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ cung cấp số liệu và chia sẻ kinh nghiệm thực tế trong thời gian em thực tập và nghiên cứu tại công ty.

Bên cạnh đó, em xin gửi lời cảm ơn đến gia đình và bạn bè đã luôn bên cạnh động viên, hỗ trợ và tạo điều kiện cho em cả về tinh thần lẫn vật chất trong suốt quá trình học tập và hoàn thành khóa luận.

Mặc dù đã rất cố gắng, nhưng do hạn chế về kiến thức chuyên môn cũng như kinh nghiệm thực tiễn, bài khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ quý thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

## **LỜI MỞ ĐẦU**

### **1. Lý do chọn đề tài.**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, công tác kế toán giữ vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin tài chính phục vụ cho quá trình quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Đặc biệt, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một trong những nội dung trọng tâm, giúp doanh nghiệp đánh giá hiệu quả hoạt động, kiểm soát tình hình tài chính và xây dựng các chiến lược phát triển phù hợp.

Đối với doanh nghiệp thương mại và dịch vụ, doanh thu và chi phí phát sinh thường xuyên với nhiều nghiệp vụ khác nhau, vì vậy việc tổ chức hạch toán chính xác, đầy đủ và kịp thời là yêu cầu cần thiết. Công tác kế toán không chỉ giúp doanh nghiệp xác định đúng kết quả kinh doanh mà còn là căn cứ để thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước cũng như nâng cao hiệu quả quản lý trong doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT, em nhận thấy bộ máy kế toán của công ty được tổ chức khá hợp lý và đáp ứng được yêu cầu quản lý hiện nay. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn còn một số vấn đề cần được xem xét và hoàn thiện để nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Nhận thấy tầm quan trọng của nội dung này cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn, em đã lựa chọn đề tài: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Thông qua đề tài, em mong muốn có cơ hội vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế, đồng thời tìm hiểu sâu hơn về công tác kế toán tại doanh nghiệp để từ đó đề xuất một số ý kiến góp phần hoàn thiện công tác kế toán tại đơn vị.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài, nhưng do hạn chế về kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn nên bài khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự đóng góp ý kiến từ quý thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

### **2. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu.**

- Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Phạm vi không gian: Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT.

+ Phạm vi thời gian: Các số liệu và tài liệu nghiên cứu được thu thập trong giai đoạn năm 2025.

### **3. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Tiến hành tham khảo các giáo trình, chuẩn mực kế toán, thông tư hướng dẫn, sách chuyên ngành cùng các tài liệu liên quan đến kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời thu thập các chứng từ, sổ sách và báo cáo do công ty cung cấp để phục vụ cho quá trình nghiên cứu đề tài.
- Phương pháp quan sát và phỏng vấn: Thông qua quá trình thực tập tại công ty, em trực tiếp quan sát quy trình làm việc của bộ phận kế toán và trao đổi với các anh chị nhân viên kế toán để tìm hiểu thực tế công tác hạch toán tại đơn vị.
- Phương pháp thu thập và xử lý số liệu: Thu thập các số liệu liên quan từ chứng từ kế toán, sổ chi tiết, sổ cái và báo cáo tài chính của công ty; sau đó tiến hành tổng hợp, phân loại và xử lý nhằm phục vụ cho việc phân tích nội dung nghiên cứu.
- Phương pháp phân tích, so sánh và tổng hợp: Dựa trên các số liệu đã thu thập để tiến hành phân tích, đối chiếu và đánh giá tình hình doanh thu, chi phí cũng như kết quả kinh doanh của công ty, từ đó đưa ra các nhận xét và đề xuất phù hợp.

### **4. Cấu trúc của đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và phụ lục, nội dung khóa luận được trình bày gồm 3 chương như sau:

**Chương I:** Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

**Chương II:** Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT.

**Chương III:** Nhận xét và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT.

# CHƯƠNG I

## CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.

**Nội dung theo Thông tư 133/2016/TT-BTC**

### **1.1. Khái quát chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

#### **1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

*a. Khái niệm doanh thu, chi phí.*

- Khái niệm doanh thu: Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp trừ phần vốn góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

- Khái niệm chi phí: Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

*b. Khái niệm xác định kết quả kinh doanh.*

➤ *Trích theo Điều 68, Thông tư 133/2016/TT-BTC*

- Xác định kết quả kinh doanh dùng để xác định và phản ánh kết quả kinh doanh trong một kỳ kế toán. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

+ Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

#### **1.1.2. Các phương thức bán hàng và phương thức thanh toán**

##### **1.1.2.1. Phương thức bán hàng.**

*a. Phương thức bán hàng hóa trực tiếp:*

+ Phương thức bán hàng hóa trực tiếp là hình thức mà doanh nghiệp bán trực tiếp sản phẩm, hàng hóa cho khách hàng, không thông qua trung gian. Theo phương thức này, doanh nghiệp giao hàng trực tiếp tại kho hoặc tại địa điểm kinh doanh cho khách hàng.

*b. Phương thức bán hàng qua đại lý, ký gửi:*

+ Bán hàng qua đại lý, ký gửi là phương thức mà doanh nghiệp giao hàng cho đại lý hoặc bên nhận ký gửi để bán. Trong suốt thời gian gửi bán, hàng hóa vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp.

*c. Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:*

+ Bán hàng trả chậm, trả góp là phương thức mà doanh nghiệp cho phép khách hàng thanh toán tiền hàng trong nhiều kỳ theo thỏa thuận. Theo đó, khách hàng nhận hàng và sử dụng ngay nhưng chưa phải thanh toán toàn bộ giá trị hàng hóa tại thời điểm mua.

**1.1.2.2. Phương thức thanh toán.**

*a. Phương thức thanh toán bằng tiền mặt:*

+ Thanh toán bằng tiền mặt là phương thức mà khách hàng trực tiếp chi trả bằng tiền mặt cho doanh nghiệp khi mua hàng hóa hoặc sử dụng dịch vụ. Phương thức này thường được áp dụng đối với các giao dịch có giá trị nhỏ, thời gian thanh toán ngắn và không phát sinh công nợ.

**Lưu ý:** Theo Nghị định 181/2025/NĐ-CP, từ ngày 01/07/2025, đối với hóa đơn khi mua hàng từ 5 triệu trở lên (đã bao gồm thuế GTGT) cần phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt mới được khấu trừ thuế GTGT.

*b. Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt:*

+ Thanh toán không dùng tiền mặt là hình thức thanh toán thông qua ngân hàng hoặc các tổ chức trung gian thanh toán, bao gồm các hình thức như chuyển khoản, ủy nhiệm chi, séc, thẻ ngân hàng và các phương tiện thanh toán điện tử khác. Phương thức này giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro về tiền mặt, nâng cao tính an toàn và minh bạch trong hoạt động tài chính.

*c. Phương thức thanh toán trả góp:*

+ Thanh toán trả góp là phương thức mà khách hàng thanh toán tiền hàng theo nhiều kỳ trong một khoảng thời gian nhất định theo thỏa thuận đã ký kết. Phương thức này thường áp dụng đối với các sản phẩm, hàng hóa hoặc dịch vụ có giá trị lớn.

**1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Một doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển thì không thể thiếu bộ phận kế toán. Đối với kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh chính xác, đầy đủ và kịp thời kết quả tiêu thụ của từng mặt hàng, từng sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ.
- Tổ chức theo dõi chính xác, trung thực và đầy đủ các khoản chi phí, các khoản phải thu, các khoản giảm trừ doanh thu như chiết khấu, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả

lại và thu nhập trong kỳ nhằm xác định đúng kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Đây là cơ sở để doanh nghiệp hoạch định chiến lược kinh doanh trong tương lai.

- Thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện các hợp đồng bán hàng, tình hình thanh toán tiền hàng; đồng thời phản ánh, theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

- Cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, đồng thời giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

#### **1.1.4. Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Doanh nghiệp là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế. Để nền kinh tế phát triển mạnh mẽ cần có sự nỗ lực của các doanh nghiệp, trong đó bộ phận kế toán đóng vai trò hết sức quan trọng.

- *Đối với doanh nghiệp:* Thông qua việc phản ánh, thu thập và xử lý các thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh, giúp các nhà quản trị xác định được hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, từ đó phát huy các điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu và đề ra các phương án, chiến lược phù hợp nhằm thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp.

- *Đối với nhà đầu tư:* Thông qua các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, nhà đầu tư có cơ sở để đánh giá năng lực của doanh nghiệp, từ đó đưa ra quyết định đầu tư phù hợp.

- *Đối với nhà cung cấp:* Căn cứ vào các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính, nhà cung cấp có thể xem xét và đưa ra quyết định có nên tiếp tục cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho doanh nghiệp hay không, đồng thời xác định các rủi ro trong quá trình bán hàng như: xuất bán nhưng doanh nghiệp không nhận được hàng hoặc không thu hồi được tiền khi bán hàng,...

- *Đối với Nhà nước:* Công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh giúp Nhà nước thu đúng, thu đủ các khoản thuế theo quy định, đảm bảo quyền lợi cho cả doanh nghiệp và Nhà nước. Đồng thời, còn giúp Nhà nước nắm bắt được tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để có các chính sách điều chỉnh phù hợp

- *Đối với nền kinh tế:* Góp phần cung cấp thông tin tổng hợp, phục vụ việc đánh giá và điều hành nền kinh tế vĩ mô.

### **1.2. Kế toán doanh thu và thu nhập khác.**

#### **1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

##### **1.2.1.1. Đặc điểm.**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là khoản doanh thu mà doanh nghiệp thu được từ các hoạt động kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất hoặc các dịch vụ doanh nghiệp mua vào sau đó bán ra. Trong đó:

Doanh thu bán hàng: là bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: là doanh thu thực hiện công việc đã thỏa mãn theo hợp đồng trong một hay nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê tài sản cố định theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng,...

$$\text{Doanh thu} = \text{Số lượng hàng hóa} \times \text{Đơn giá bán}$$

- Điều kiện ghi nhận doanh thu:

**a) Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại lấy hàng hóa, dịch vụ khác)
- + Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- + Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**b) Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- + Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **1.2.1.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng.**

- a. Chứng từ sử dụng.
- Hóa đơn giá trị gia tăng
  - Hóa đơn bán hàng

- Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi
- Thẻ quầy hàng
- Các chứng từ thanh

b. Tài khoản sử dụng

**TK 511**

**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT)</li> <li>- Các khoản giảm trừ doanh thu.</li> <li>- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.</li> </ul> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

**Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.**

***Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:***

- *Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư, lương thực,...

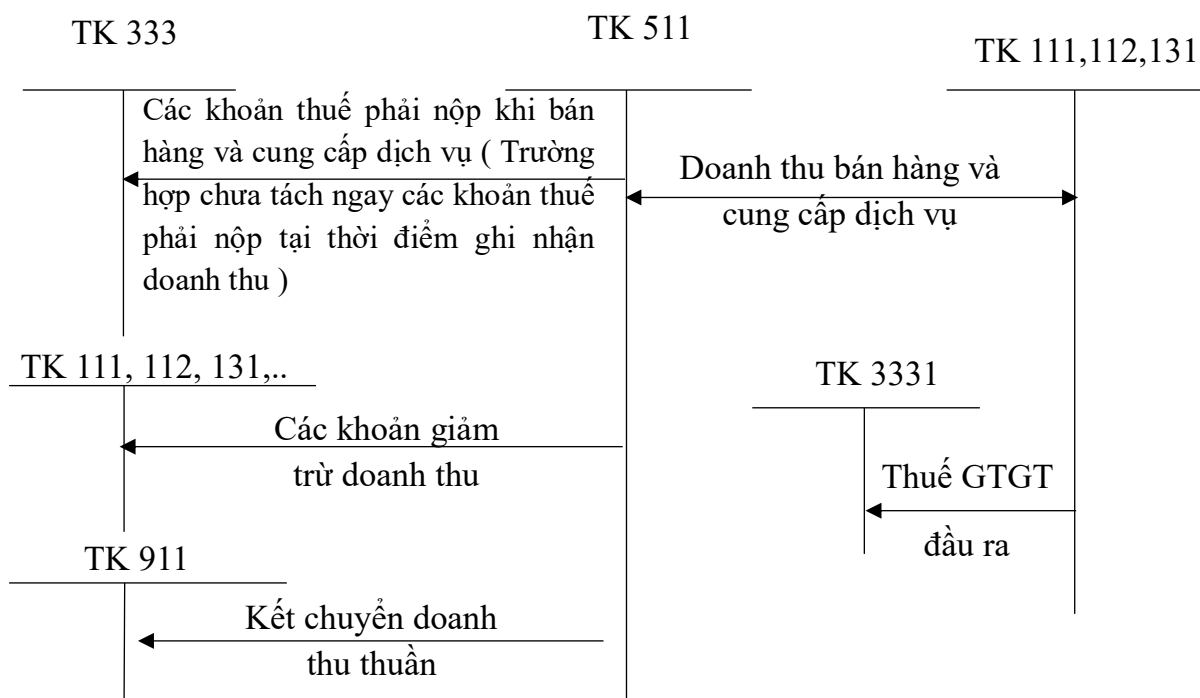
- *Tài khoản 5112 - Doanh thu bán thành phẩm:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp,...

- *Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ:* Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán,...

- *Tài khoản 5118 - Doanh thu khác:* Tài khoản này dùng để phản ánh về doanh thu nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước...

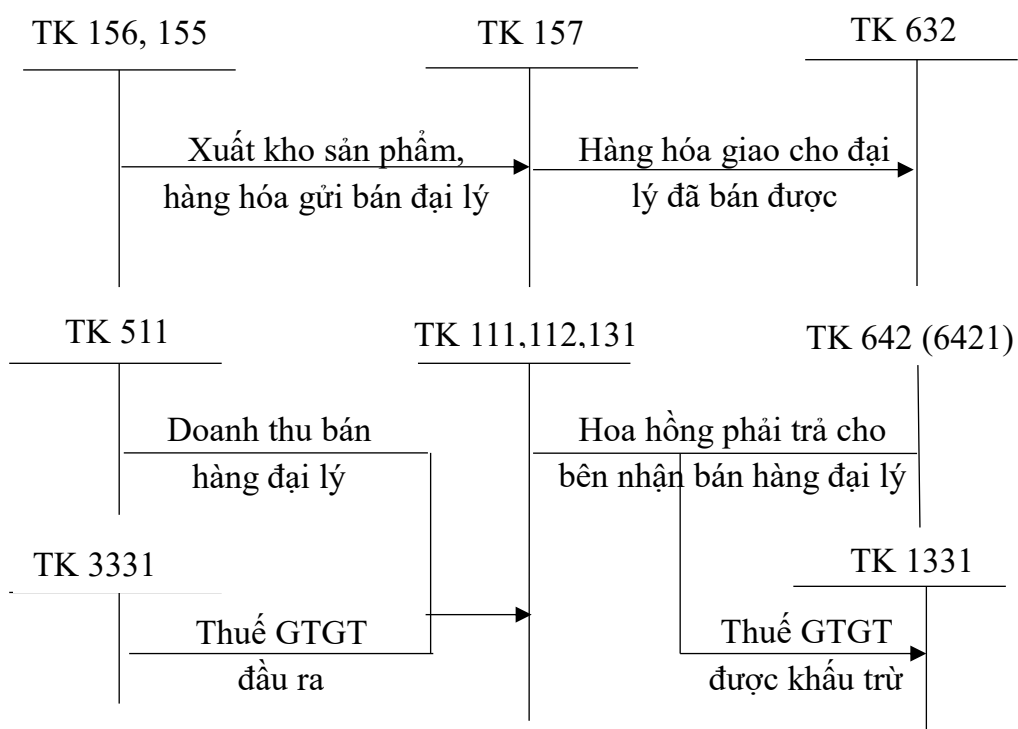
**1.2.1.3. Phương pháp hạch toán.**

**\* Hạch toán doanh thu theo phương pháp bán trực tiếp**



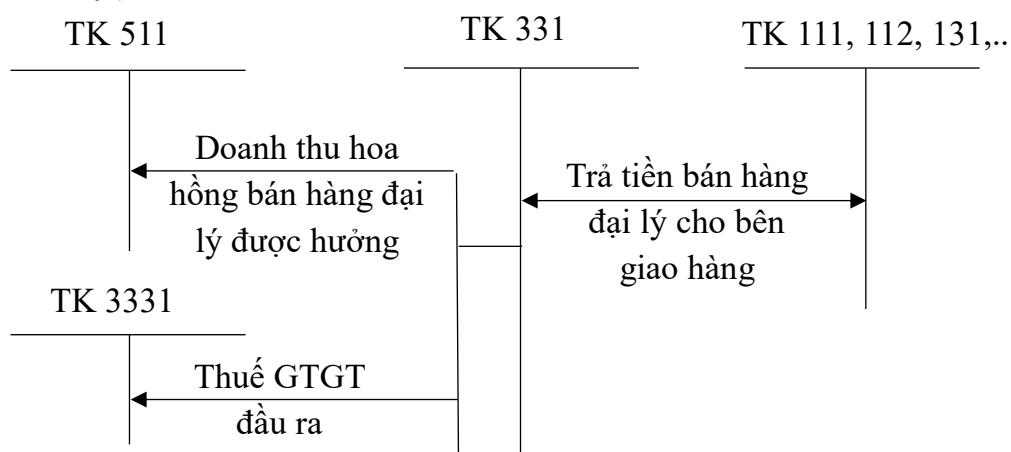
**Sơ đồ 1. Trình tự hạch toán doanh thu theo phương pháp bán trực tiếp**

**\* Hạch toán doanh thu theo phương pháp bán hàng thông qua đại lý ( ở đơn vị giao hàng đại lý**



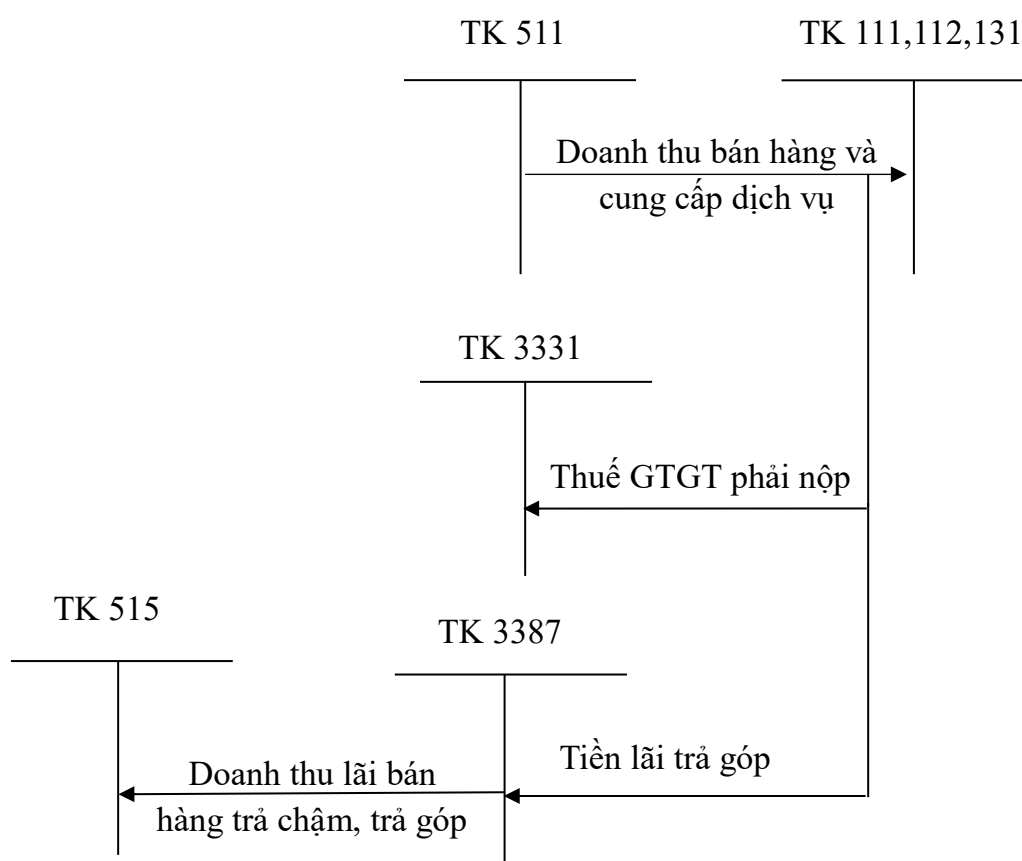
**Sơ đồ 2. Trình tự hạch toán doanh thu theo phương pháp bán hàng thông qua đại lý ( ở đơn vị giao hàng đại lý )**

**\* Hạch toán doanh thu theo phương pháp bán hàng thông qua đại lý ( ở đơn vị nhận đại lý )**



**Sơ đồ 3. Trình tự hạch toán doanh thu theo phương pháp bán hàng thông qua đại lý ( ở đơn vị nhận đại lý )**

**\* Hạch toán doanh thu theo phương thức bán trả chậm, trả góp**



**Sơ đồ 4. Trình tự hạch toán doanh thu theo phương thức bán trả chậm, trả góp**

## 1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

### 1.2.2.1. Đặc điểm.

Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản được trừ ra khỏi tổng doanh thu, làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đã ghi nhận trong kỳ. Việc hạch toán các khoản này nhằm xác định doanh thu thuần, phản ánh đúng kết quả tiêu thụ của doanh nghiệp. Các khoản này thường bao gồm:

- **Chiết khấu thương mại:** Là khoản giảm giá mà doanh nghiệp cung cấp cho khách hàng khi mua số lượng lớn hoặc trong các chương trình khuyến mãi.
- **Hàng bán bị trả lại:** Là giá trị của những hàng hóa mà khách hàng đã mua nhưng trả lại vì lý do không hài lòng hoặc không đúng như yêu cầu.
- **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm giá mà doanh nghiệp áp dụng cho khách hàng trong trường hợp hàng hóa bị lỗi, không đúng chất lượng hoặc vì lý do khác.

### 1.2.2.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng.

a. Chứng từ sử dụng.

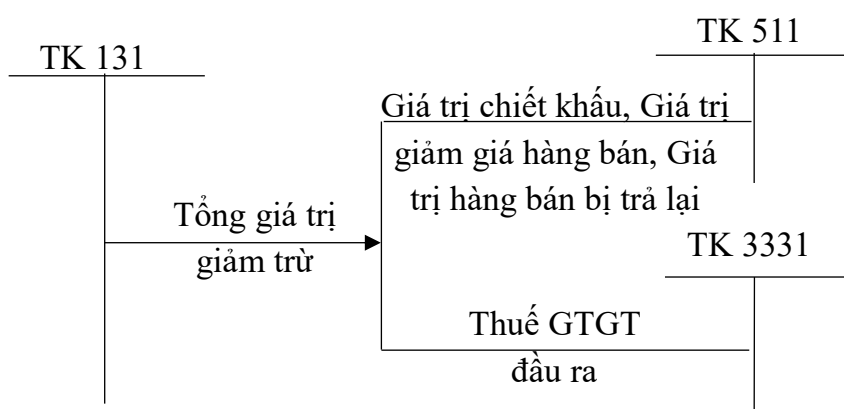
- Hóa đơn điều chỉnh giảm doanh thu
- Biên bản giảm giá hàng bán
- Phiếu nhập kho (đối với hàng bán bị trả lại)
- Phiếu chi, giấy báo Nợ ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác theo quy định.

b. Tài khoản sử dụng.

Nằm bên Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

### 1.2.2.3. Phương pháp hạch toán.

\* Hạch toán đối với doanh nghiệp tính thuế theo Phương pháp khấu trừ



**Sơ đồ 5. Trình tự hạch toán đối với doanh nghiệp tính thuế theo Phương pháp khấu trừ**

**\* Hạch toán đối với doanh nghiệp tính thuế theo Phương pháp trực tiếp**

| TK 131                                                                                                           | TK 511 |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
|                                                                                                                  |        |
| <p>Giá trị chiết khấu, Giá trị giảm giá hàng bán, Giá trị hàng bán bị trả lại<br/>( Chưa bao gồm Thuế GTGT )</p> |        |

**Sơ đồ 6. Trình tự hạch toán đối với doanh nghiệp tính thuế theo**

### *Phương pháp trực tiếp*

### 1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

#### 1.2.3.1. Đặc điểm.

Doanh thu hoạt động tài chính để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm: Tiền lãi (Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ,...). Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư. Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác. Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, lãi do bán ngoại tệ. Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

#### 1.2.3.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng.

a. Chúng tôi sử dụng.

- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Chứng từ kế toán,....

b. Tài khoản sử dụng.

## Tài khoản 515

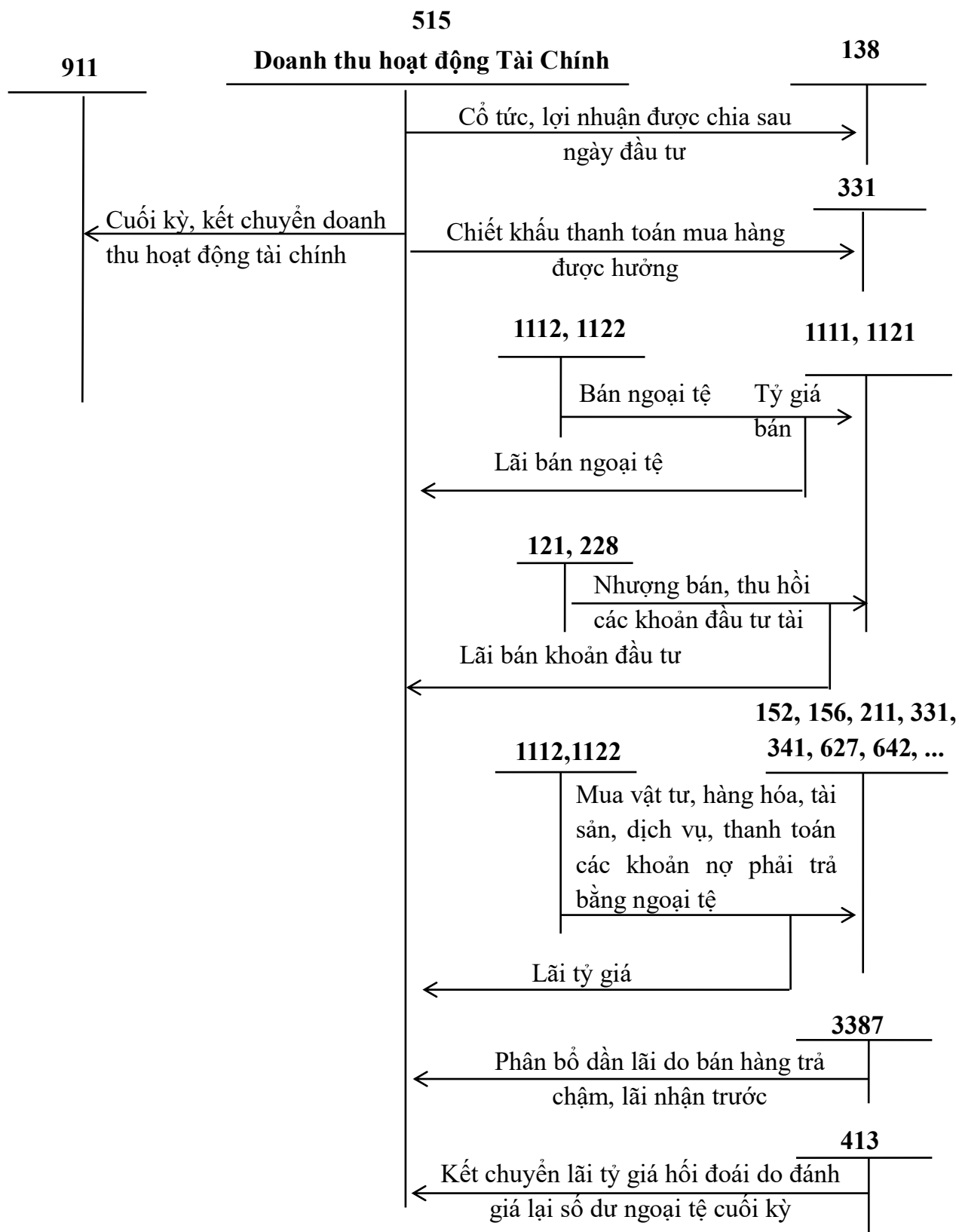
## Doanh thu hoạt động tài chính

|                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)</li> <li>- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.</li> </ul> |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

**Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.**

### 1.2.3.3. Phương pháp hạch toán.

#### \* Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 7. Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

## 1.2.4. Kế toán thu nhập khác.

### 1.2.4.1. Đặc điểm.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Đây là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp.

Các khoản thu nhập khác bao gồm nhiều loại, chẳng hạn như thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác, các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm), thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (như tiền bảo hiểm được bồi thường), thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ, các khoản tiền thưởng của khách hàng không tính trong doanh thu; thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật, giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất và các khoản thu nhập khác.

### 1.2.4.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng.

a. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu thu
- Giấy báo Có của ngân hàng
- Biên bản thanh lý tài sản cố định
- Hóa đơn bán tài sản hoặc bán phế liệu
- Biên bản xử phạt, bồi thường hợp đồng
- Biên bản xác nhận khoản nợ đã xóa nhưng thu hồi lại
- Chứng từ khác có liên quan (hợp đồng, biên bản thỏa thuận...)

b. Tài khoản sử dụng.

#### Tài khoản 711 – Thu nhập khác

|                                                                                                                                                                                                                                                       |                                               |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| + Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.<br>+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911-Xác định kết quả kinh doanh. | + Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ. |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|

**Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.**

### 1.2.4.3. Phương pháp hạch toán.

#### \* Hạch toán thu nhập khác

| 333                                    | 711 - Thu nhập khác                                                                | 111, 112, 131 |
|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| ← Các khoản thuế trừ vào thu nhập khác | Thu phạt khách hàng vi phạm hợp đồng kinh tế, tiền các bảo hiểm tổ chức bồi thường | →             |
|                                        | Thu được khoản phải thu khó đòi đã xử lý xóa sổ                                    | →             |
| 911                                    | Các khoản nợ không xác định và quyết định xóa nợ                                   | 331, 338<br>→ |
| ← Kết chuyển thu nhập khác vào TK 911  | Các khoản thuế Xuất nhập khẩu, Tiêu thụ đặc biệt, được giảm được hoàn.             | 333<br>→      |

### Sơ đồ 8. Trình tự hạch toán thu nhập khác

## 1.3. Kế toán chi phí.

### 1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán.

#### 1.3.1.1 Đặc điểm.

Giá vốn hàng bán dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí cho thuê BĐSĐT theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT,...

#### 1.3.1.2. Các phương pháp tính giá xuất kho.

##### a) Phương pháp tính theo giá đích danh

Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng thứ hàng hoá mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng, mặt hàng ổn định và nhận diện được hoặc những doanh nghiệp cần kiểm soát tồn kho theo hạn sử dụng nên cần kiểm soát chặt chẽ xuất kho theo từng lô,...

##### b) Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn

kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

+ Giá trị trung bình tính theo từng kỳ, còn được gọi là phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

+ Giá trị trung bình tính sau từng lô hàng nhập về, còn được gọi là phương pháp bình quân tức thời

***\*Phương pháp tính theo giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:***

Khi áp dụng phương pháp này, đến cuối kỳ kế toán, căn cứ trên số hàng tồn đầu kỳ và tập hợp các lần nhập hàng trong kỳ của từng loại hàng tồn kho để tính giá hàng xuất kho trong kỳ. Phương pháp này thường áp dụng cho các đơn vị có nhiều chủng loại mặt hàng, giá cả ít biến động hoặc những đơn vị mà không cần biết ngay giá trị khi xuất kho.

*Công thức tính:*

|                                                                  |          |                                                                                                                                                   |
|------------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Đơn giá xuất kho bình quân trong kỳ của một loại sản phẩm</b> | <b>=</b> | $\frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$ |
|------------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

***\*Phương pháp tính theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:***

Khi áp dụng phương pháp tính giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập, kế toán cần xác định lại giá trị tồn kho sau mỗi lần nhập hàng với từng loại hàng tồn kho, theo đó giá trị xuất kho mỗi lần xuất có thể khác nhau. Phương pháp này thường áp dụng cho những đơn vị có ít chủng loại hàng tồn kho, biến động nhập xuất hàng ít.

*Công thức tính:*

|                                   |          |                                                                                                                                                                                                                 |
|-----------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Đơn giá xuất kho lần thứ i</b> | <b>=</b> | $\frac{\text{Trị giá vật tư hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vật tư, hàng hóa nhập trước lần xuất thứ i}}{\text{Số lượng vật tư, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng vật tư, hàng hóa nhập trước lần thứ i}}$ |
|-----------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

***c) Phương pháp tính theo giá nhập trước, xuất trước (FIFO)***

Phương pháp nhập trước, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước, và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm,

những đơn vị có quản lý hạn sử dụng nên xuất trước những hàng nhập trước như các đơn vị kinh doanh về dược phẩm, hóa mỹ phẩm, thực phẩm.

**\* Nguyên tắc kế toán Giá vốn hàng bán:** là việc ghi nhận giá vốn hàng bán phải tuân thủ theo nguyên tắc phù hợp: Đây là nguyên tắc quan trọng nhất, giá vốn hàng bán phải được ghi nhận phù hợp với doanh thu tạo ra nó. Tức là, khi một khoản doanh thu được ghi nhận từ việc bán sản phẩm, hàng hóa thì một khoản chi phí tương ứng (chính là giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đó) cũng phải được ghi nhận trong cùng kỳ kế toán.

### 1.3.1.3. Chứng từ - Tài khoản sử dụng.

a. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn bán hàng (GTGT)
- Biên bản kiểm kê hàng hóa
- Các chứng từ liên quan khác

b. Tài khoản sử dụng.

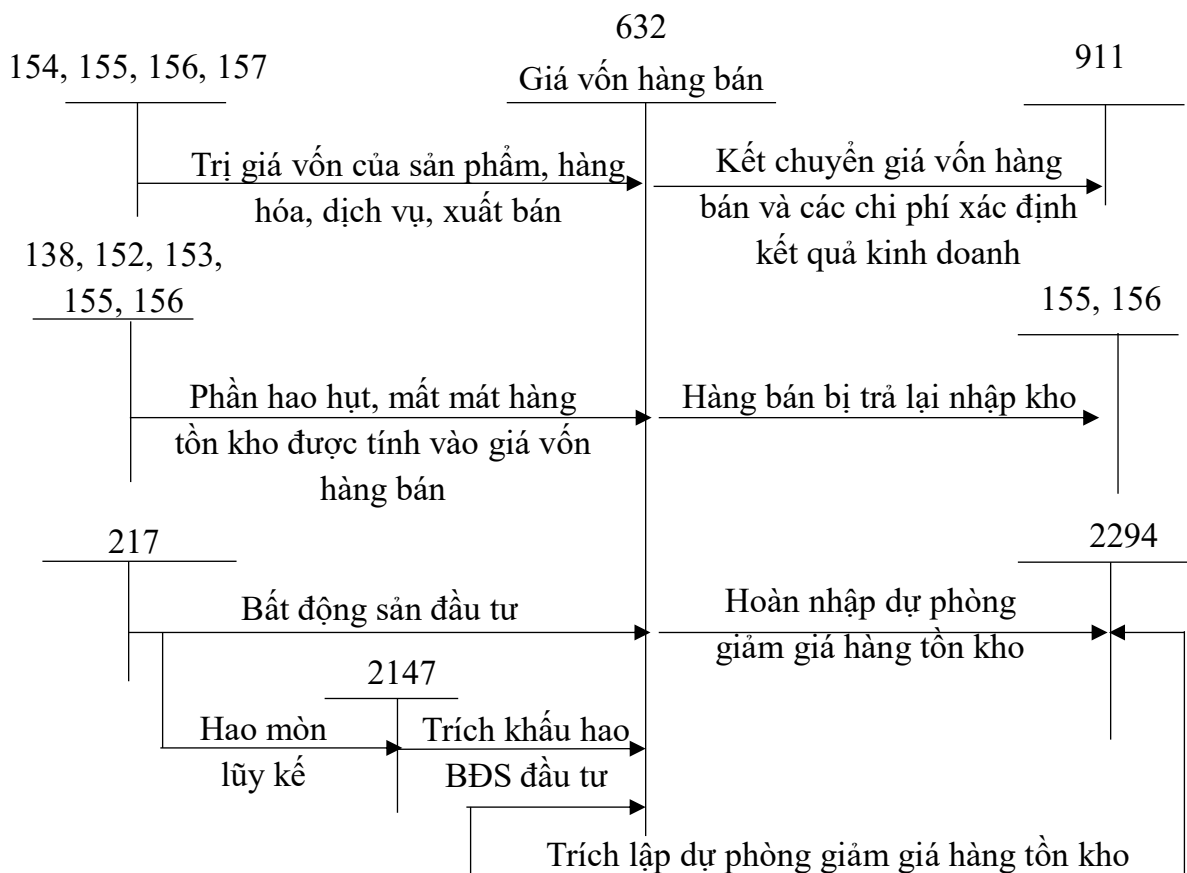
#### Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.</li> <li>- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.</li> <li>- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.</li> <li>- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).</li> <li>- Số khấu hao BĐSĐT dùng để cho thuê hoạt động trích trong kỳ.</li> <li>- Giá trị còn lại của BĐSĐT bán, thanh lý trong kỳ, Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐSĐT phát sinh trong kỳ.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911-Xác định kết quả kinh doanh.</li> <li>- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)</li> <li>- Trị giá hàng bán bị trả lại, Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh)</li> <li>- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.</li> </ul> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

**Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.**

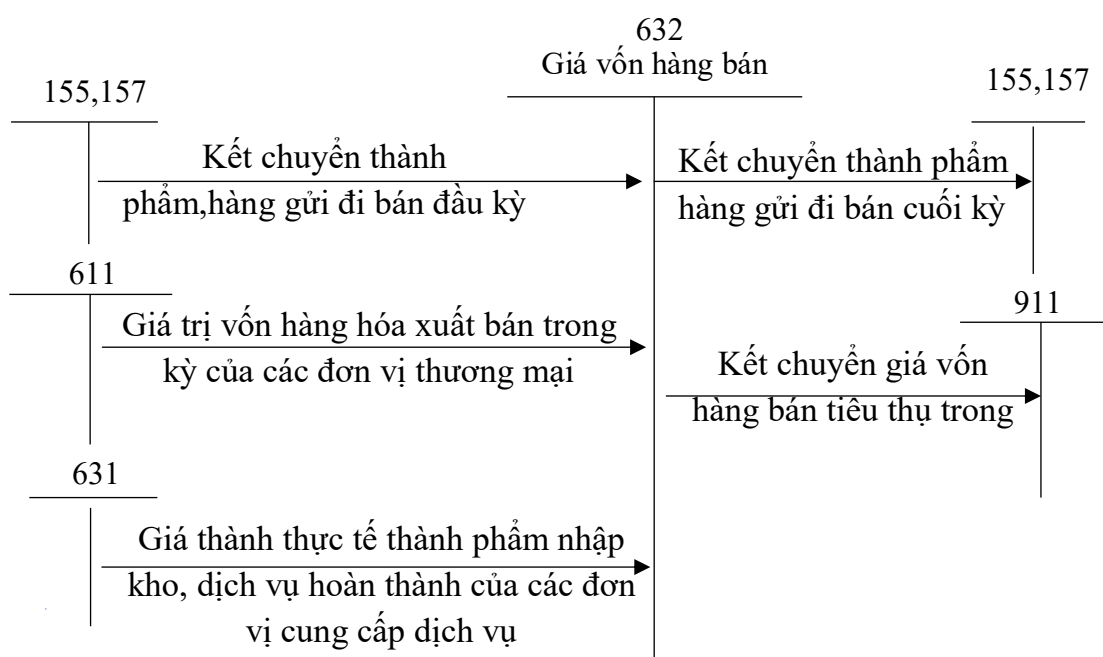
#### 1.3.1.4. Phương pháp hạch toán.

##### \* Hạch toán GVHB theo phương pháp kê khai thường xuyên



#### Sơ đồ 9. Trình tự hạch toán GVHB theo phương pháp kê khai thường xuyên

##### \* Hạch toán GVHB theo phương pháp kiểm kê định kỳ



#### Sơ đồ 10. Trình tự hạch toán GVHB theo phương pháp kiểm kê định kỳ

### 1.3.2. Kế toán chi phí tài chính.

#### 1.3.2.1. Đặc điểm.

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính. Chiết khấu thanh toán cho người mua. Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán. Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; Lỗ bán ngoại tệ. Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác. Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác. Các khoản chi phí tài chính khác.

#### 1.3.2.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng.

a. Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo Nợ của ngân hàng
- Phiếu chi
- Bảng tính lãi vay phải trả
- Hợp đồng vay vốn,...

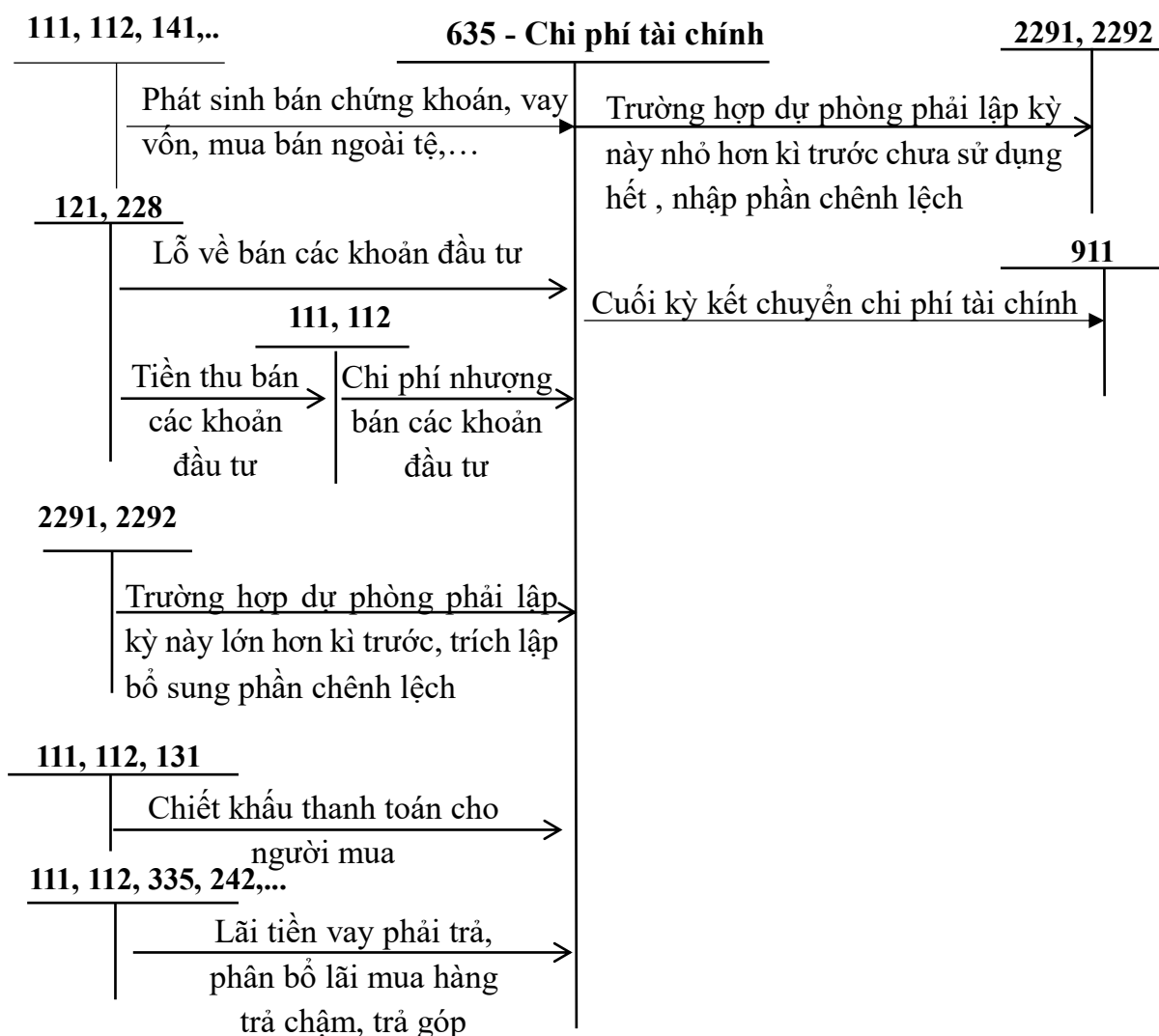
b. Tài khoản sử dụng.

#### **Tài khoản 635 – chi phí tài chính**

|                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| + Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ.                                                                                                                                         | + Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết). |
| + Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước). | + Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính.                                                                                                                                                             |
|                                                                                                                                                                                           | + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.                                                                                     |

**Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.**

### 1.3.2.3. Phương pháp hạch toán.



**Sơ đồ 11. Trình tự hạch toán chi phí tài chính**

### 1.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

#### 1.3.3.1. Đặc điểm.

Chi phí quản lý kinh doanh phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

a) Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ,... Nói cách khác, chi phí bán hàng là tổng hợp tất cả các khoản chi liên quan đến quá trình đưa sản phẩm, hàng hóa, hoặc dịch vụ đến tay khách hàng.

**Chi phí bán hàng bao gồm:** Chi phí nhân viên, Chi phí vật liệu, bao bì, Chi phí dụng cụ, đồ dùng, Chi phí khấu hao TSCĐ, Chi phí bảo hành, Chi phí dịch vụ mua ngoài, Chi phí bằng tiền khác.

b) Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

**Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm:** Chi phí nhân viên quản lý, Chi phí vật liệu quản lý, Chi phí đồ dùng văn phòng, Chi phí khấu hao TSCĐ, Thuế, phí và lệ phí, Chi phí dự phòng, Chi phí dịch vụ mua ngoài, Chi phí bằng tiền khác.

### **1.3.3.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng.**

a. Chứng từ sử dụng.

*Các chứng từ kế toán chủ yếu sử dụng trong hạch toán chi phí quản lý kinh doanh bao gồm:*

- Bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên.
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi
- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng liên quan đến chi phí bán hàng
- Phiếu xuất kho vật liệu, bao bì, công cụ dụng cụ phục vụ cho bán hàng
- Bảng phân bổ công cụ dụng cụ, TSCĐ,...
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan theo quy định của doanh nghiệp.

b. Tài khoản sử dụng.

#### **Tài khoản 642**

##### **Chi phí quản lý kinh doanh**

|                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.</li> <li>- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh.</li> <li>- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).</li> <li>- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911-Xác định kết quả kinh doanh.</li> </ul> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

**Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.**

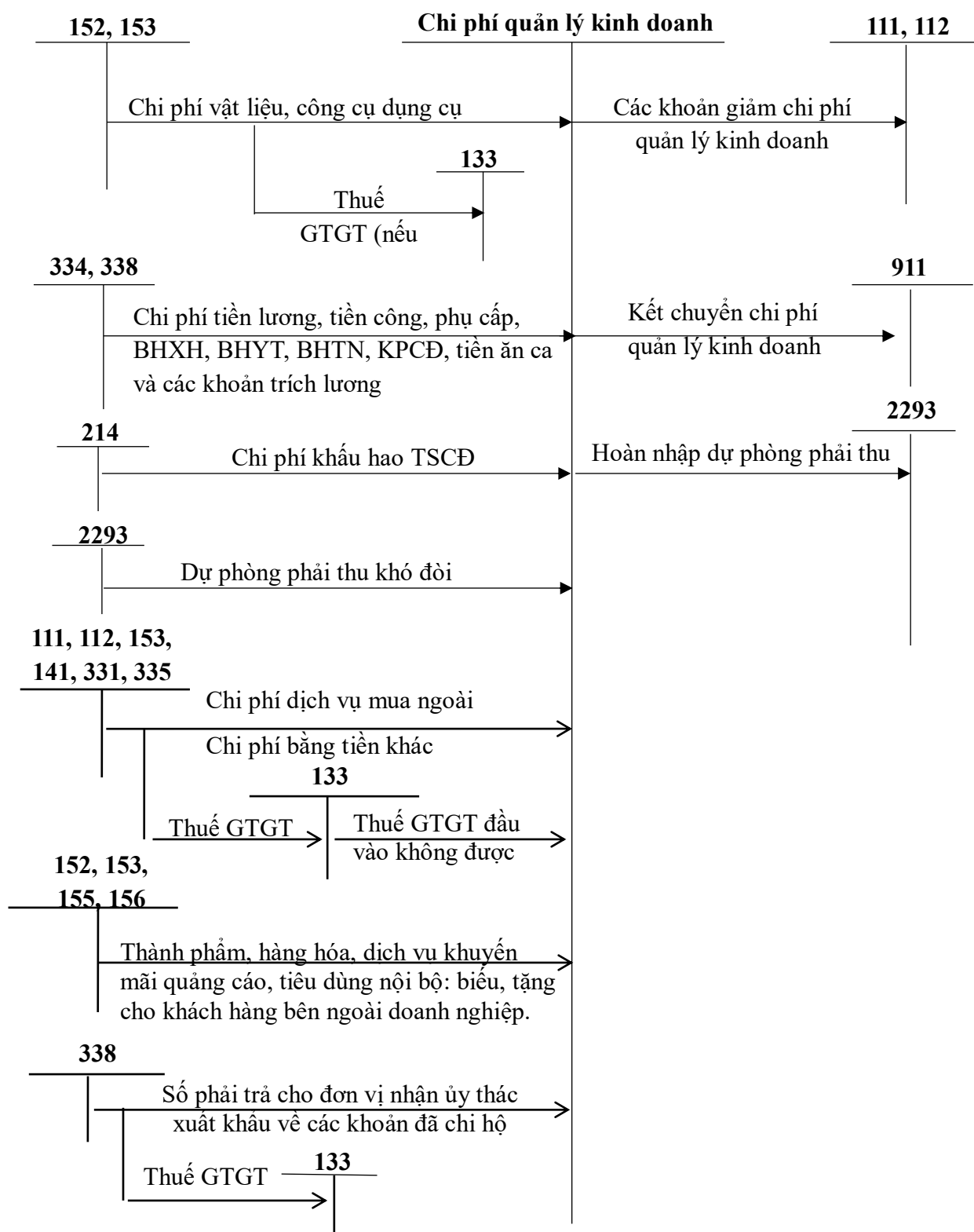
**Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:**

- *Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng:* Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp.
- *Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp:* Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

Việc phân loại và ghi nhận chi phí theo tài khoản 642 giúp doanh nghiệp theo dõi và quản lý các khoản chi phí một cách hiệu quả, đồng thời đảm bảo việc báo cáo tài chính được thực hiện chính xác và tuân thủ quy định kế toán.

### 1.3.3.3. Phương pháp hạch toán.

642



Sơ đồ 12. Trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

### 1.3.4. Kế toán chi phí khác.

#### 1.3.4.1. Đặc điểm.

Chi phí khác dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Nói cách khác, chi phí khác là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Các chi phí khác của doanh nghiệp gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ.
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác.
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính,...

#### 1.3.4.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng.

a. Chứng từ sử dụng.

- Ủy nhiệm chi / Giấy báo Nợ ngân hàng
- Biên bản thanh lý tài sản cố định
- Hóa đơn dịch vụ liên quan đến thanh lý tài sản
- Biên bản xử phạt vi phạm hợp đồng hoặc quyết định xử phạt
- Biên bản xác nhận tổn thất tài sản
- Các chứng từ liên quan khác,...

b. Tài khoản sử dụng.

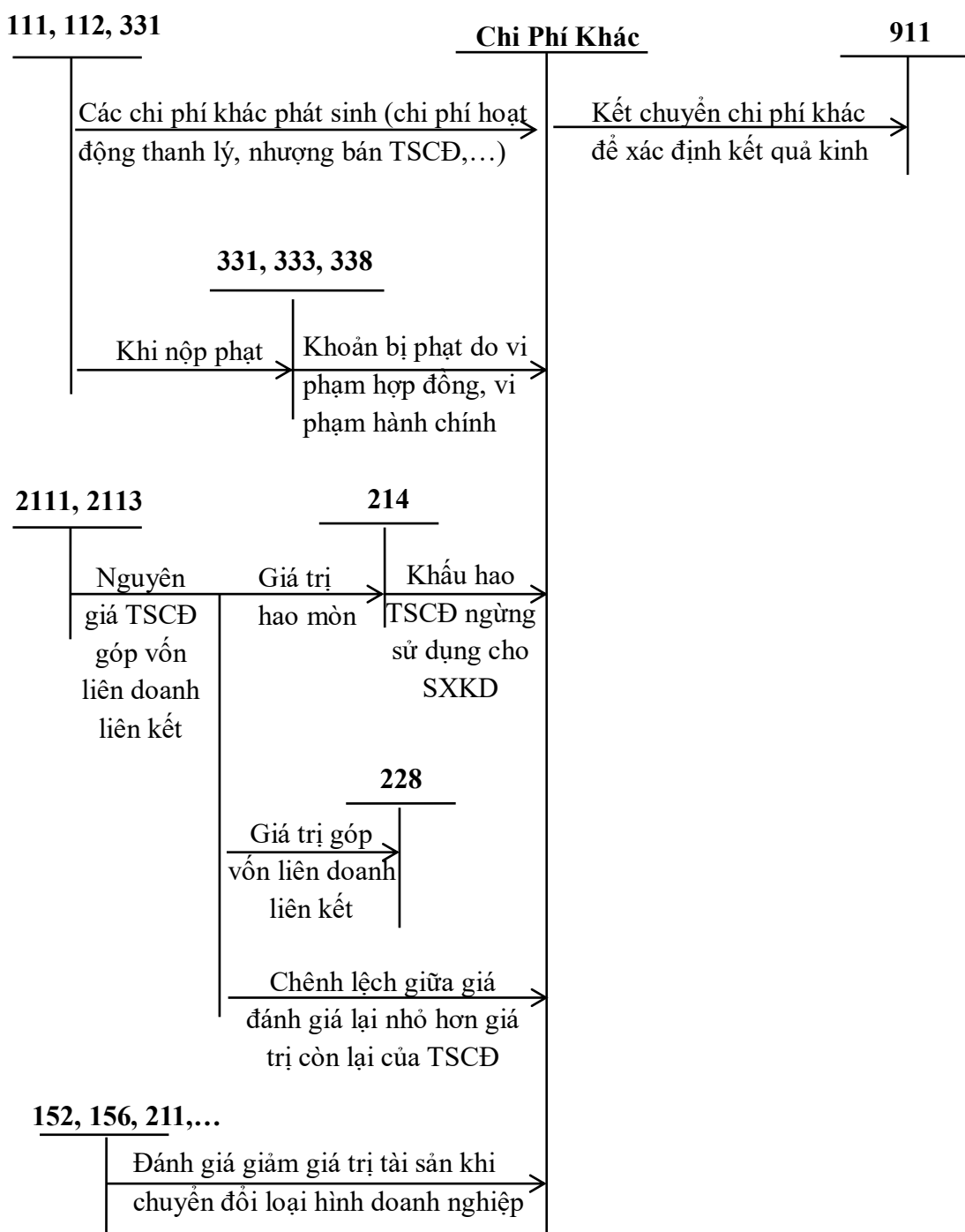
#### Tài khoản 811 - Chi phí khác

|                                            |                                                                                                                               |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Phản ánh các khoản chi phí khác phát sinh. | Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911-Xác định kết quả kinh doanh. |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

**Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.**

### 1.3.4.3. Phương pháp hạch toán.

811



Sơ đồ 13. Trình tự hạch toán chi phí khác

### 1.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

#### 1.3.5.1. Đặc điểm.

Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào tài khoản này là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tháng/quý, kế toán căn cứ vào chứng từ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp để ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán phải kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh vào tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh để xác định lợi nhuận sau thuế trong kỳ kế toán.

Cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định như sau:

$$\text{Chi phí thuế TNDN} = \text{Chi phí thuế TNDN hiện hành} + \text{Chi phí thuế TNDN hoãn lại} - \text{Thu nhập thuế TNDN hoãn lại}$$

$$\text{Chi phí thuế TNDN hiện hành} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Thu nhập tính thuế được xác định theo công thức:

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \text{Thu nhập miễn thuế} - \text{Chuyển lỗ và bù trừ lãi lỗ}$$

Thu nhập chịu thuế được xác định theo công thức:

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \text{Lợi nhuận kế toán trước thuế} + \text{Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế} - \text{Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế}$$

#### **1.3.5.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng.**

a. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu thu/chi
- Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp
- Bảng kê các khoản ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp
- Bảng kê doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp, ..

b. Tài khoản sử dụng.

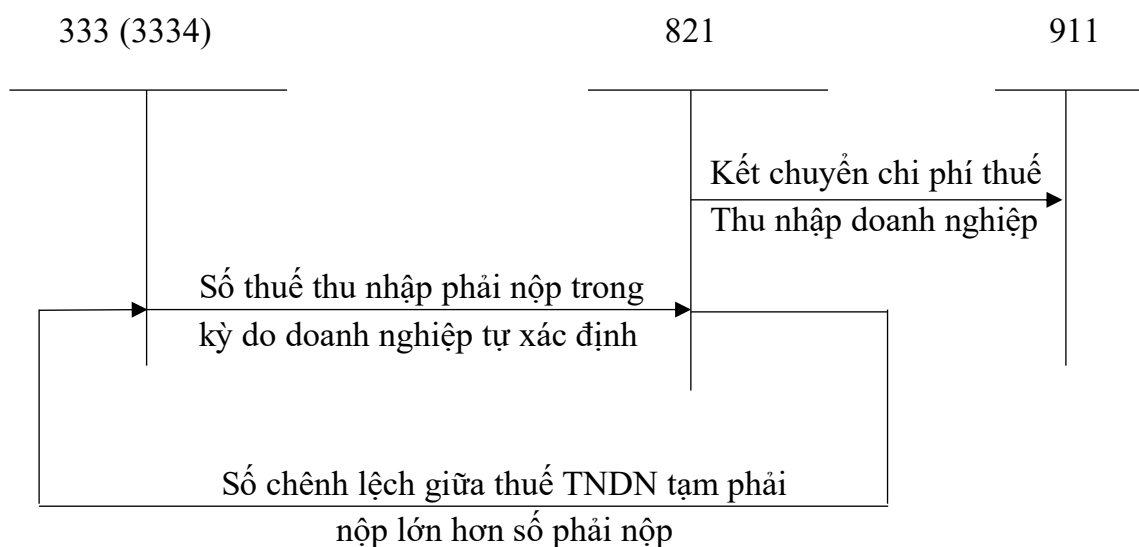
## Tài khoản 821

## Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

|                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm.</p> <p>- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.</p> | <p>- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm.</p> <p>- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại.</p> <p>- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.</p> |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

**Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ**

#### 1.3.5.3. Phương pháp hạch toán.



**Sơ đồ 14. Trình tự hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### 1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

### 1.4.1. Đặc điểm.

- Trích theo Điều 68, Thông tư 133/2016/TT-BTC.

Kế toán xác định kết quả kinh doanh dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết

quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

#### **1.4.2. Chứng từ - Tài khoản sử dụng.**

##### **a. Chứng từ sử dụng.**

- Hóa đơn bán hàng/hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Có/giấy báo Nợ ngân hàng
- Bảng tính lương và bảng phân bổ tiền lương
- Bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Bảng phân bổ công cụ dụng cụ
- Các chứng từ khác liên quan đến chi phí và thu nhập.

##### **b. Tài khoản sử dụng**

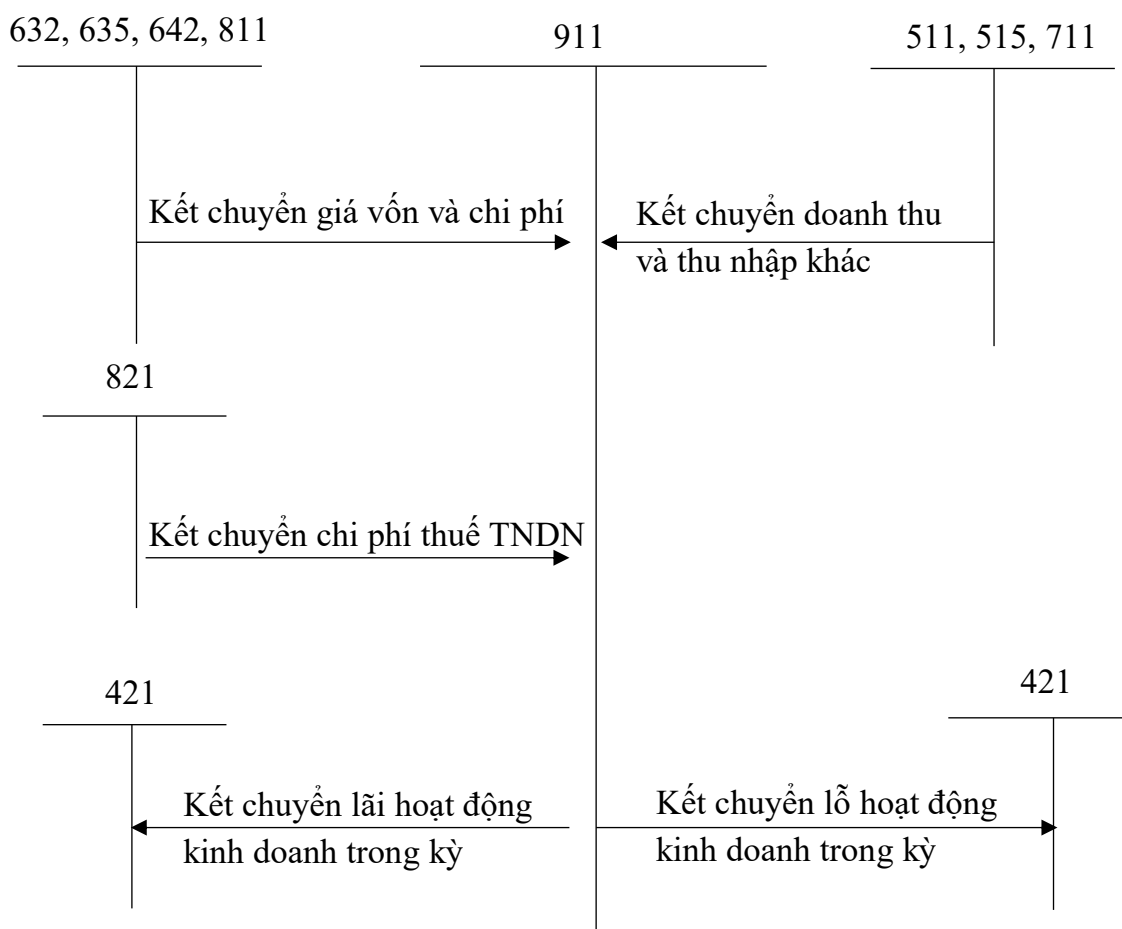
#### **Tài khoản 911**

#### **Xác định kết quả kinh doanh**

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"><li>- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.</li><li>- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.</li><li>- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.</li><li>- Kết chuyển lãi.</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.</li><li>- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.</li><li>- Kết chuyển lỗ.</li></ul> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

**Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.**

### 1.4.3. Phương pháp hạch toán.



**Sơ đồ 15. Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh**

## CHƯƠNG II

### THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM&DV AN ĐỒNG THỊNH MT.

#### 2.1. Giới thiệu khái quát về Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT.

##### 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.

###### *a. Giới thiệu về Công ty.*

- Tên công ty: Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT.
- Địa chỉ: Lô 46, B2-19 Khu đô thị Phước Lý, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng.
- Đại diện pháp luật: Huỳnh Thanh An.
- Mã số thuế: 0401840976
- Ngày hoạt động: 10/7/2017
- Điện thoại: 0934797661
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên ngoài NN.

###### *b. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty.*

Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ An Đồng Thịnh MT, được thành lập ngày 10/07/2017 với vốn điều lệ 500.000.000 đồng, đánh dấu bước khởi đầu trong hành trình phát triển và khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ. Ngay từ những ngày đầu hoạt động, công ty tập trung vào lĩnh vực bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, đồng thời mở rộng sang nhiều ngành nghề khác như bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng, dịch vụ vận tải bằng đường bộ và nhiều dịch vụ khác như đào tạo kế toán. Với mô hình kinh doanh thương mại – dịch vụ linh hoạt, An Đồng Thịnh MT từng bước xây dựng được mạng lưới khách hàng ổn định, duy trì hoạt động hiệu quả và ngày càng mở rộng quy mô.

Trải qua quá trình phát triển lâu dài, đáng tin cậy, công ty đã khẳng định sự hiện diện vững chắc trên địa bàn Đà Nẵng và khu vực lân cận, góp phần cung cấp nguồn hàng và dịch vụ đáp ứng nhu cầu của thị trường.

##### **2.1.1.1. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty**

###### *a. Chức năng của Công ty*

- Công ty là 1 doanh nghiệp hoạch toán độc lập, tự chủ về mặt tài chính và vốn trong hoạt động kinh doanh của mình.
- Hiện nay thị trường cạnh tranh hết sức gay gắt, vì vậy công ty luôn thay đổi các hình thức kinh doanh, tìm kiếm nguồn hàng và thị trường tiêu thụ góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Chức năng của công ty là kinh doanh các nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, cung ứng – vận chuyển – giao nhận nhiên liệu cho khách hàng.

### *b. Nhiệm vụ của Công ty*

- Tổ chức tốt việc mua bán hàng hóa, đảm bảo kiểm soát nguồn hàng từ nhà cung cấp và kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi giao cho khách hàng.
- Đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng.
- Tuân thủ pháp luật về kinh doanh nhiên liệu – hóa chất
- Quản lý tài chính – kế toán minh bạch.
- Tuân thủ nghiêm chỉnh nghĩa vụ đối với nhà nước thông qua nộp thuế vào ngân sách nhà nước và tuân thủ các luật lệ chính sách của nhà nước.

### **2.1.1.2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty.**

- Ngành nghề chính: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn xăng, dầu nhớt các loại và dịch vụ khác như hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán,...

### **2.1.2. Phương thức bán hàng và thanh toán của Công ty.**

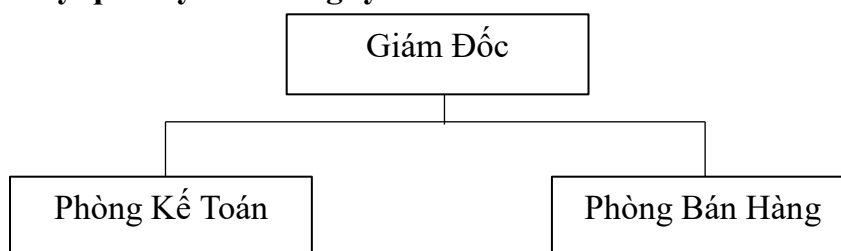
#### *a. Phương thức bán hàng của Công ty.*

- Phương thức bán hàng của công ty là bán hàng theo đơn đặt hàng, hợp đồng đã kí trong đó quy định rõ quy cách, loại sản phẩm, số lượng, giá cả sản phẩm, thời hạn thanh toán, phương thức giao hàng và các điều khoản khác giữ hai bên.
- Phương thức bán dịch vụ của công ty là bán trực tiếp hoặc trực tuyến dịch vụ, Doanh nghiệp tiếp nhận nhu cầu của khách hàng, tư vấn nội dung và thỏa thuận chi phí dịch vụ. Sau khi thống nhất, doanh nghiệp trực tiếp cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Sau khi hoàn thành dịch vụ, doanh nghiệp lập hóa đơn và thu tiền theo thỏa thuận.
- Phương thức tiêu thụ sản phẩm chủ yếu của công ty là phương thức giao hàng tại kho của khách hàng không lưu đơn đặt hàng tại kho của công ty mà trực tiếp chuyển từ kho của nhà cung cấp qua cho khách hàng.

#### *b. Phương thức thanh toán của Công ty.*

- Hình thức thanh toán: Thu bằng tiền mặt, thu bằng tiền gửi ngân hàng, thanh toán sau.
- Thời hạn thanh toán: Thanh toán theo thời hạn ghi trên hợp đồng. Công ty chủ yếu áp dụng thanh toán là 30 ngày kể từ ngày giao hàng.

### **2.1.3. Bộ máy quản lý của Công ty.**



**Sơ đồ 16. Bộ máy quản lý tại Công ty**

- Chức năng các phòng ban như sau:

+ Giám Đốc: Là người đứng đầu Công ty, chịu trách nhiệm quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Giám đốc có nhiệm vụ xây dựng chiến lược phát triển, ban hành các quyết định quản lý, giám sát hoạt động của các phòng ban và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Công ty.

+ Phòng Kế Toán: Có chức năng tổ chức công tác hạch toán kế toán và quản lý tài chính của Công ty. Phòng chịu trách nhiệm thu thập, xử lý và ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tổng hợp kết quả hoạt động kinh doanh, lập và trình bày các báo cáo tài chính theo quy định. Đồng thời, phòng Kế toán thực hiện phân tích tình hình tài chính, kiểm soát chi phí và tham mưu cho Ban Giám đốc trong công tác quản lý tài chính của Công ty.

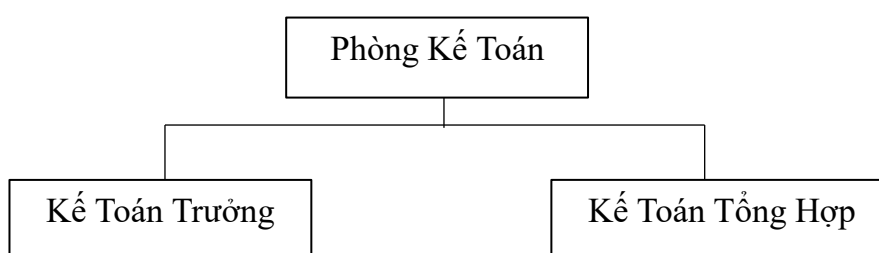
+ Phòng Bán Hàng: Phòng Bán hàng có chức năng tổ chức và thực hiện các hoạt động bán hàng của Công ty. Phòng chịu trách nhiệm tìm kiếm, phát triển và duy trì mối quan hệ với khách hàng, tiếp nhận đơn đặt hàng, lập hợp đồng mua bán, theo dõi quá trình giao nhận hàng hóa và thu hồi công nợ. Đồng thời, phòng Bán hàng phối hợp với phòng Kế toán trong việc cung cấp chứng từ bán hàng, đối chiếu doanh thu và công nợ khách hàng, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### **2.1.4. Bộ máy kế toán của Công ty.**

- Cơ cấu bộ máy kế toán của Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT.

Khi nhu cầu tiêu thụ nhiên các nhiên liệu như dầu, nhớt,... và các sản phẩm liên quan ngày càng phát triển, công tác kế toán càng trở nên quan trọng và trở thành công cụ không thể thiếu trong quản lý kinh tế của một công ty. Để đảm bảo công tác kinh doanh đạt hiệu quả và phù hợp với sự biến động của thị trường, việc sắp xếp một đội ngũ cán bộ kế toán lành nghề, năng động, tinh thông nghiệp vụ là hết sức cần thiết. Nhận thức được vấn đề này, ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện bộ máy kế toán phù hợp với chức năng và quyền hạn chuyên môn của từng bộ phận trong Công ty.

Có thể khái quát bộ máy kế toán của Công ty TNHH TM & DV An Đồng Thịnh MT như sau:



**Sơ đồ 17. Bộ máy kế toán tại Công ty**

- Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán như sau:

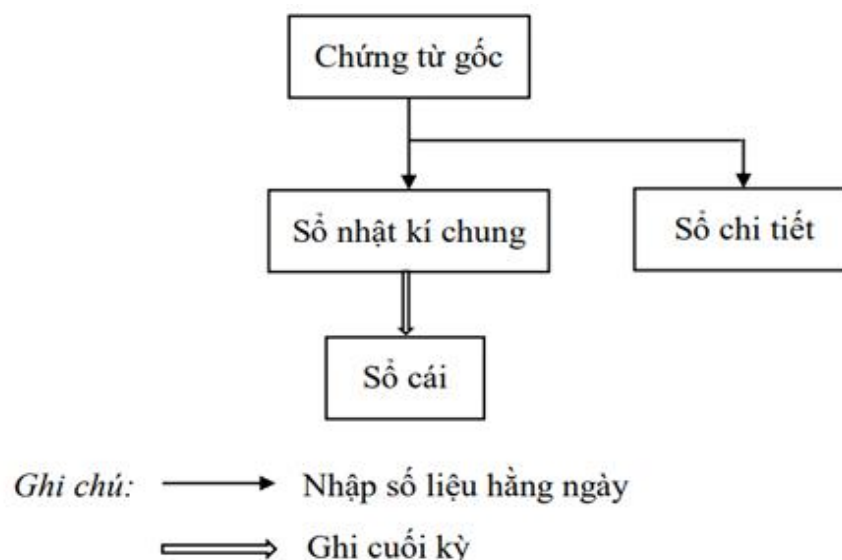
- + Kế Toán Trưởng: Là người đứng đầu bộ máy kế toán trong Công ty, có trách nhiệm giúp đỡ Ban giám đốc trong công tác quản lý tài chính. Có nhiệm vụ chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, ký duyệt chứng từ và kiểm tra toàn bộ công tác kế toán tại Công ty.
- + Kế Toán Tổng Hợp: Thu thập, kiểm tra và tổng hợp toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty, thực hiện ghi chép, tổng hợp nghiệp vụ kế toán hàng ngày, công nợ, lập báo cáo nội bộ và gửi số liệu cho kế toán trưởng. Đồng thời, kế toán tổng hợp có trách nhiệm đối chiếu số liệu giữa các phần hành kế toán, đảm bảo tính chính xác và trung thực của báo cáo tài chính và các báo cáo phục vụ công tác quản lý của Ban giám đốc.

#### **2.1.5. Chính sách kế toán áp dụng.**

- Chế độ kế toán: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài chính.
- Niên độ kế toán: Niên độ kế toán năm của Công ty là mười hai tháng, được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”, ký hiệu quốc tế là “VND”).
- Phương pháp tính giá xuất kho: Công ty áp dụng phương pháp bình quân cuối kì để tính giá xuất kho hàng hóa.
- Ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng.
- Hạch toán thuế giá trị gia tăng: Công ty thực hiện hạch toán thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

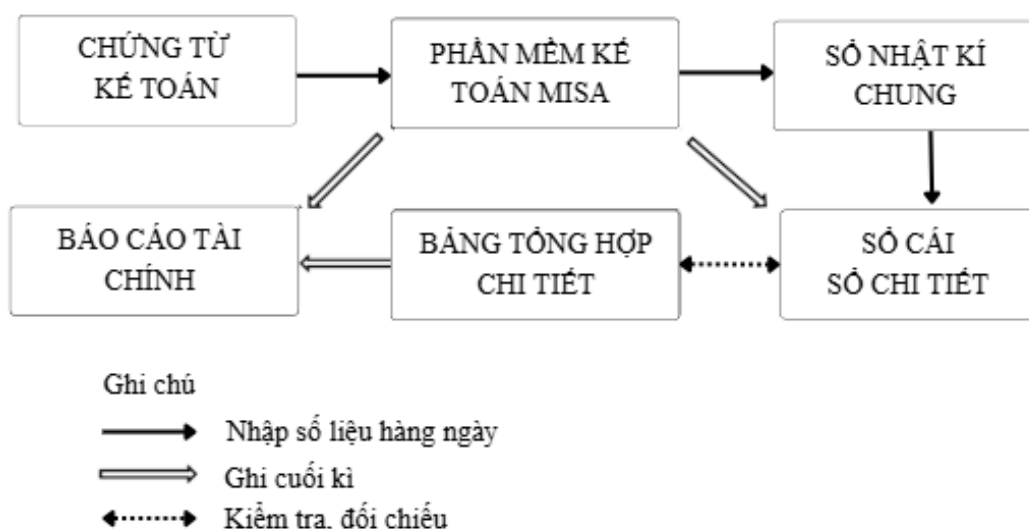
#### **2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán.**

- Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT áp dụng hình thức ghi sổ: Nhật ký chung
- Trình tự ghi sổ kế toán:



### Sơ đồ 18. Trình tự ghi sổ kế toán

- Trình tự ghi sổ tại Công ty



### Sơ đồ 19. Trình tự ghi sổ tại Công ty

+ Nhập số liệu hàng ngày: Hàng ngày, kế toán theo dõi thu thập chứng từ kế toán bao gồm hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, Phiếu thu và các chứng từ liên quan khác. Nếu nhiều chứng từ cùng loại, kế toán sẽ lập bảng tổng hợp chứng từ để dễ kiểm tra và theo dõi.

+ Ghi cuối kì: Cuối kì kế toán tổng hợp thực hiện các thao tác khóa sổ, cộng sổ, lập báo cáo tài chính kiểm tra đối chiếu dữ liệu, chứng từ. Việc này nhằm đảm bảo tính chính xác, trung thực trong việc nhập liệu trong kỳ và sau đó đối chiếu với dữ liệu được in ra sổ sách báo cáo tài chính.

+ Kiểm tra, đối chiếu: Phần mềm Misa có vai trò cung cấp dữ liệu in các mẫu sổ và báo cáo cuối kỳ để đảm bảo tính chính xác, trung thực của việc nhập liệu trong kỳ.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết được dùng làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.

- Phần mềm kế toán sử dụng tại công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT.



**Hình 1. Giao diện phần mềm kế toán Misa**

## **2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT.**

### **2.2.1. Kế toán các khoản doanh thu và thu nhập tại Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT.**

#### **2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty.**

##### **a. Đặc điểm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty.**

Hàng hóa kinh doanh chủ yếu của công ty bao gồm các loại dầu, nhớt, mỡ bôi trơn và các sản phẩm liên quan phục vụ cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của khách hàng.

Ngoài các mặt hàng nhiên liệu và vật tư, công ty còn kinh doanh một số loại máy móc, thiết bị, lốp xe, mô tơ,.. nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường. Các mặt hàng này được công ty mua vào từ các nhà cung cấp và bán lại cho khách hàng, không qua quá trình sản xuất.

Bên cạnh hoạt động bán hàng hóa, công ty còn cung cấp dịch vụ như hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán. Các dịch vụ của công ty mang tính chất vô hình, không lưu kho và được cung cấp theo nhu cầu của khách hàng.

Nhìn chung, hàng hóa và dịch vụ của Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT có tính chất đa dạng, phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp thương mại – dịch

vụ, góp phần tạo nguồn doanh thu ổn định và đáp ứng nhu cầu ngày càng phong phú của khách hàng.

*b. Chứng từ - Sổ sách - Tài khoản sử dụng.*

- **Chứng từ kế toán sử dụng:** Hóa đơn GTGT và các chứng từ có liên quan như: Hợp đồng, biên bản bàn giao, phiếu xuất kho, phiếu thu, bảng kê hàng hóa - dịch vụ,...
- **Sổ sách kế toán sử dụng:** Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511, sổ chi tiết TK 5111, sổ chi tiết TK 5113, bảng cân đối tài khoản, báo cáo tài chính.

- **Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán, không bao gồm các khoản thuế gián thu phải nộp theo quy định.

Do đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty chủ yếu là thương mại và dịch vụ, doanh thu được hạch toán chi tiết trên các tài khoản cấp 2 như sau:

+ Tài khoản 5111 “Doanh thu bán hàng hoá”: Doanh thu bán hàng chủ yếu của công ty như bán dầu nhớt Total Azolla ZS 32, dầu nhớt Total Azolla ZS 68, lốp đặt phonenix, lốp phoenix 650-10 v-lug, nhớt Total Carter ep 220,...

+ Tài khoản 5113 “Doanh thu cung cấp dịch vụ”: Doanh thu dịch vụ chủ yếu của công ty là về hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán misa,...

*c. Quy trình hạch toán.*

- *Quy trình luân chuyển nghiệp vụ bán hàng*

+ Tiếp nhận đơn hàng: Bộ phận bán hàng tiếp nhận thông tin đặt hàng từ khách hàng (số lượng, loại hàng hóa, giá bán, hình thức thanh toán).

+ Đặt hàng nhà cung cấp: Căn cứ vào đơn đặt hàng của khách hàng, doanh nghiệp tiến hành đặt mua hàng hóa từ nhà cung cấp. Mặc dù hàng hóa được giao trực tiếp từ kho nhà cung cấp đến khách hàng, doanh nghiệp vẫn thực hiện theo dõi hàng hóa thông qua kho trên phần mềm kế toán.

+ Lập chứng từ nhập kho trên phần mềm: Căn cứ hóa đơn mua hàng, kế toán lập chứng từ nhập kho hàng hóa trên phần mềm kế toán nhằm mục đích quản lý và theo dõi số lượng, giá trị hàng hóa, mặc dù thực tế doanh nghiệp không phát sinh kho vật chất.

+ Giao hàng và vận chuyển: Nhà cung cấp tiến hành xuất hàng từ kho và giao trực tiếp cho khách hàng theo đúng nội dung đã thỏa thuận. Khách hàng ký xác nhận đã nhận đủ hàng hóa theo quy định.

+ Lập và xuất hóa đơn bán hàng: Kế toán lập hóa đơn bán hàng là hóa đơn GTGT và gửi cho khách hàng theo quy định.

- + Ghi sổ kế toán: Kế toán nhập và kiểm tra chứng từ bán hàng trên phần mềm, phần mềm tự động hạch toán doanh thu, giá vốn và công nợ liên quan.
- + Lưu trữ chứng từ: Toàn bộ chứng từ liên quan được lưu trữ đầy đủ dưới dạng bản giấy và dữ liệu điện tử theo quy định của pháp luật kế toán.
- *Quy trình luân chuyển nghiệp vụ cung cấp dịch vụ*
- + Tiếp nhận nhu cầu dịch vụ: Bộ phận bán hàng tiếp nhận yêu cầu của khách hàng về nội dung, phạm vi và thời gian cung cấp dịch vụ thông qua hợp đồng, các hình thức liên hệ khác.
- + Tư vấn và ký kết hợp đồng dịch vụ: Căn cứ nhu cầu của khách hàng, doanh nghiệp tiến hành tư vấn chi tiết về nội dung dịch vụ, thời gian thực hiện và chi phí dịch vụ. Sau khi hai bên thống nhất, hợp đồng dịch vụ hoặc thỏa thuận cung cấp dịch vụ được ký kết.
- + Thực hiện cung cấp dịch vụ: Doanh nghiệp cử nhân viên chuyên môn trực tiếp thực hiện dịch vụ theo nội dung đã cam kết trong hợp đồng, có thể thực hiện trực tiếp tại doanh nghiệp của khách hàng hoặc thông qua hình thức trực tuyến.
- + Lập và xuất hóa đơn dịch vụ: Sau khi hoàn thành dịch vụ, kế toán lập hóa đơn là hóa đơn GTGT cung cấp dịch vụ cho khách hàng theo quy định.
- + Ghi sổ kế toán: Kế toán nhập liệu và kiểm tra chứng từ dịch vụ trên phần mềm. Phần mềm tự động hạch toán doanh thu cung cấp dịch vụ và các khoản công nợ liên quan.
- + Lưu trữ chứng từ: Các chứng từ liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ được lưu trữ đầy đủ dưới dạng bản giấy và dữ liệu điện tử theo quy định của pháp luật kế toán.

*d. Nghiệp vụ minh họa.*

- Nghiệp vụ 1: Bán hàng hóa chủ yếu: Dầu nhờn
- Nghiệp vụ 2: Bán hàng hóa bổ sung: lốp xe
- Nghiệp vụ 3: Doanh thu cung cấp dịch vụ

**Nghiệp vụ 1:** Bán hàng hóa chủ yếu.

Căn cứ vào hóa đơn ký hiệu C25TMT số 92 ngày 22/12/2025, Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT bán hàng cho Công ty cổ phần WEI XERN SIN Việt Nam với số tiền 7.500.000 chưa bao gồm thuế GTGT 8% trong đó:

- Dầu nhờn GM Gear Oil 140 GL-1 – số lượng: 10 Xô – Đơn giá: 750.000 Đồng

Dựa vào nghiệp vụ phát sinh, kế toán tiến hành nhập số liệu vào phần mềm để lập chứng từ kế toán và xuất hóa đơn GTGT cho Công ty cổ phần WEI XERN SIN Việt Nam.



Mẫu số 1  
Ký hiệu: C25TMT  
Số: 92

## HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2025

MCCQT: 0086785AF364344CC99184DBE2FACA3DAC

Tên người bán: CÔNG TY TNHH TM&DV AN ĐỒNG THỊNH MT

Mã số thuế: 0401840976

Mã cửa hàng:

Tên cửa hàng:

Địa chỉ: Lô 46, B2-19 Khu đô thị Phước Lý, Phường Hoà Khánh, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0934797661

Số tài khoản: 000000264090 Ngân hàng Việt Nam Thương Tín - PGD Thanh Khê - Đà Nẵng

Tên người mua: CÔNG TY CỔ PHẦN WEI XERN SIN VIỆT NAM

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 4000353845

Mã ĐVCQHVNSSN:

CCCD người mua:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ: Thôn Hòa Đông, Xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

| STT | Tính chất            | Loại hàng hoá<br>đặc trưng | Tên hàng hóa,<br>dịch vụ             | Đơn vị<br>tính | Số<br>lượng | Đơn<br>giá | Chiết<br>khấu | Thuế<br>suất | Thành tiền chưa có<br>thuế GTGT |
|-----|----------------------|----------------------------|--------------------------------------|----------------|-------------|------------|---------------|--------------|---------------------------------|
| 1   | Hàng hóa,<br>dịch vụ |                            | Dầu nhớt GM<br>Gear Oil 140 GL-<br>1 | Xô             | 10          | 750.000    |               | 8%           | 7.500.000                       |

| STT | Tên loại phí | Tiền phí |
|-----|--------------|----------|
| 1   | Phí khác     | 0        |

| Thuế suất | Tổng tiền chưa thuế | Tổng tiền thuế |
|-----------|---------------------|----------------|
| 8%        | 7.500.000           | 600.000        |

|                                                            |                               |
|------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| Tổng tiền chưa thuế<br>(Tổng cộng thành tiền chưa có thuế) | 7.500.000                     |
| Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)                       | 600.000                       |
| Tổng tiền phí                                              |                               |
| Tổng tiền chiết khấu thương mại                            |                               |
| Tổng tiền thanh toán bằng số                               | 8.100.000                     |
| Tổng tiền thanh toán bằng chữ                              | Tám triệu một trăm nghìn đồng |

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid  
Ký bởi CÔNG TY TNHH  
TM&DV AN ĐỒNG THỊNH MT  
Ký ngày: 2025-12-22 16:56:31

Hình 2. Trích hóa đơn GTGT số 92

**Nhập hóa đơn GTGT vào phần mềm kế toán Misa để công ty kiểm soát hàng hóa chặt chẽ hơn:**

**Chứng từ bán hàng** 1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước ☒ Kiểm phiếu xuất kho ☒ Lập kèm hóa đơn

Nhập số báo giá  Chưa thu tiền ☐ Thu tiền ngay ☐ Tiền mặt

**Thông tin chung**

Khách hàng: WEXERN CÔNG TY CỔ PHẦN WEXERN SIN VIỆT NAM

Địa chỉ: Thôn Hòa Đông, Xã Núi Thành, TP Đà Nẵng, Việt Nam.

Mã số thuế: 4000353845 TK ngân hàng:

Người mua hàng:  Hình thức TT: TMICK

Tham chiếu: BH00092

**Hóa đơn**

Mẫu số HD:

Ký hiệu HD:

Số hóa đơn: 92

Ngày hóa đơn: 22/12/2025

Điều khoản TT:  Số ngày được nợ:  (ngày) Hạn thanh toán:

| Mã hàng             | Tên hàng                      | TK công nợ/chí phí | TK doanh thu | ĐVT | Số lượng             | Đơn giá    | Thành tiền | Tỷ lệ CK (%) |
|---------------------|-------------------------------|--------------------|--------------|-----|----------------------|------------|------------|--------------|
| VT00035             | Dầu nhớt GM GEAR OIL 140 GL-1 | 131                | 5111         | Xô  | 10,00                | 750.000,00 | 7.500.000  | 0,           |
| Số dòng = 1         |                               |                    |              |     | 10,00                |            | 7.500.000  |              |
| Phân bổ chiết khấu: |                               |                    |              |     | Tổng tiền hàng       |            | 7.500.000  |              |
| Xem công nợ         |                               |                    |              |     | Tiền thuế GTGT       |            | 600.000    |              |
| Thêm nhắc việc...   |                               |                    |              |     | Tiền chiết khấu      |            | 0          |              |
|                     |                               |                    |              |     | Tổng tiền thanh toán |            | 8.100.000  |              |

**Hình 3. Giao diện hóa đơn số 92 trên phần mềm Misa**

### **Nhiệm vụ 2:** Bán hàng hóa bổ sung.

Căn cứ vào hóa đơn ký hiệu C25TMT số 98 ngày 30/12/2025, Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT bán hàng cho Công ty TNHH Công nghệ bảo hộ KANGLONGDA Việt Nam với số tiền 32.800.000 chưa bao gồm thuế GTGT 8% trong đó:

- Lớp Phoenix 650-10 V-Lug – số lượng: 10 Chiếc – Đơn giá: 2.900.000 Đồng
- Lớp Phoenix 6.00-9 V-Lug – số lượng: 1 Chiếc – Đơn giá: 3.800.000 Đồng

Dựa vào nghiệp vụ phát sinh, kế toán tiến hành nhập số liệu vào phần mềm để lập chứng từ kế toán và xuất hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH Công nghệ bảo hộ KANGLONGDA Việt Nam.



Mẫu số 1  
Ký hiệu: C25TMT  
Số: 98

## HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 30 tháng 12 năm 2025

MCCQT: 00CBC65A8E64C1482CB8FEF32E0EAAD22C

Tên người bán: CÔNG TY TNHH TM&DV AN ĐỒNG THỊNH MT

Mã số thuế: 0401840976

Mã cửa hàng:

Tên cửa hàng:

Địa chỉ: Lô 46, B2-19 Khu đô thị Phước Lý, Phường Hoà Khánh, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0934797661

Số tài khoản: 000000264090 Ngân hàng Việt Nam Thương Tín - PGD Thanh Khê - Đà Nẵng

Tên người mua: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ BẢO HỘ KANGLONGDA VIỆT NAM

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 3301661538

Mã ĐVCQHVNSNN:

CCCD người mua:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ: Lô CN 05, Khu Công nghiệp Phong Điền - Viglacera, Phường Phong Dinh, Thành Phố Huế, Việt Nam

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

| STT | Tính chất         | Loại hàng hoá đặc trưng | Tên hàng hóa, dịch vụ    | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá   | Chiết khấu | Thuế suất | Thành tiền chưa có thuế GTGT |
|-----|-------------------|-------------------------|--------------------------|-------------|----------|-----------|------------|-----------|------------------------------|
| 1   | Hàng hóa, dịch vụ |                         | Lốp Phoenix 650-10 V-Lug | Chiếc       | 10       | 2.900.000 |            | 8%        | 29.000.000                   |
| 2   | Hàng hóa, dịch vụ |                         | Lốp Phoenix 6.00-9 V-Lug | Chiếc       | 1        | 3.800.000 |            | 8%        | 3.800.000                    |

| STT       | Tên loại phí        | Tiền phí       | Tổng tiền chưa thuế<br>(Tổng cộng thành tiền chưa có thuế) | 32.800.000                                         |
|-----------|---------------------|----------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 1         | Phí khác            | 0              | Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)                       | 2.624.000                                          |
| Thuế suất | Tổng tiền chưa thuế | Tổng tiền thuế | Tổng tiền phí                                              |                                                    |
| 8%        | 32.800.000          | 2.624.000      | Tổng tiền chiết khấu thương mại                            |                                                    |
|           |                     |                | Tổng tiền thanh toán bằng số                               | 35.424.000                                         |
|           |                     |                | Tổng tiền thanh toán bằng chữ                              | Ba mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng |

Hình 4. Trích hóa đơn GTGT số 98

**Nhập hóa đơn GTGT vào phần mềm kế toán Misa để công ty kiểm soát hàng hóa chặt chẽ hơn:**

**Chứng từ bán hàng**

1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước

Thông tin chung:

Khách hàng: BAO HỘ KANGLONGDA  
 Địa chỉ: Lũ CN 05, Khu Công nghiệp Phong Điền - Viglacera, Phường Phong Dinh, TP Huế, Việt Nam.  
 Mã số thuế: 3301661538  
 Người mua hàng:   
 Tham chiếu: BH00098

Hóa đơn:

Mẫu số HĐ:   
 Ký hiệu HĐ:   
 Số hóa đơn: 98  
 Ngày hóa đơn: 30/12/2025

| Mã hàng | Tên hàng                  | TK công nợ/chi phí | TK doanh thu | ĐVT   | Số lượng | Đơn giá      | Thành tiền | Tỷ lệ CK (%) |
|---------|---------------------------|--------------------|--------------|-------|----------|--------------|------------|--------------|
| VT00044 | Lốp PHOENIX 6.50-10 V-Lug | 131                | 5111         | Chiếc | 10,00    | 2.900.000,00 | 29.000.000 | 0            |
| VT00053 | Lốp PHOENIX 6.00-9 V-Lug  | 131                | 5111         | Chiếc | 1,00     | 3.800.000,00 | 3.800.000  | 0            |
|         |                           |                    |              |       | 11,00    |              | 32.800.000 |              |

Tổng tiền hàng: 32.800.000  
 Tiền thuế GTGT: 2.624.000  
 Tổng tiền thanh toán: 35.424.000

**Hình 5. Giao diện hóa đơn số 98 trên phần mềm Misa**

**Căn cứ vào dữ liệu chứng từ đã ghi nhận vào phần mềm Misa khi xuất hóa đơn, hệ thống sẽ tự động cập nhật ghi vào các sổ có liên quan theo trình tự thời gian phát sinh nghiệp vụ, bao gồm:**

## SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

**Tài khoản: 5111; Năm 2025**

| NGÀY HOẠCH TOÁN | NGÀY CHỨNG TỪ | SỐ CHỨNG TỪ | DIỄN GIẢI                                         | TÀI KHOẢN | TK ĐỐI ỨNG | PHÁT SINH NỢ  | PHÁT SINH CÓ  |
|-----------------|---------------|-------------|---------------------------------------------------|-----------|------------|---------------|---------------|
|                 |               |             | SỐ DƯ ĐẦU KÌ                                      |           |            |               |               |
|                 |               |             | ...                                               |           |            |               |               |
| 22/12/2025      | 22/12/2025    | BH00092     | Dầu nhớt GM GEAR OIL 140 GL-1                     | 5111      | 131        | 0             | 7.500.000     |
| 23/12/2025      | 23/12/2025    | BH00093     | DẦU BÔI TRƠN SHL GEAR 150 (200L/Phuy)             | 5111      | 131        | 0             | 28.372.222    |
| 26/12/2025      | 26/12/2025    | BH00094     | Dầu nhớt Mobil Vactra No.2/20L                    | 5111      | 131        | 0             | 4.320.000     |
|                 |               |             | ...                                               |           |            |               |               |
| 30/12/2025      | 30/12/2025    | BH00098     | Lốp PHOENIX 6.50-10 V-Lug                         | 5111      | 131        | 0             | 29.000.000    |
| 30/12/2025      | 30/12/2025    | BH00098     | Lốp PHOENIX 6.00-9 V-Lug                          | 5111      | 131        | 0             | 3.800.000     |
|                 |               |             | ...                                               |           |            |               |               |
| 31/12/2025      | 31/12/2025    | NVK00030    | Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 5111      | 911        | 2.061.966.780 | 0             |
|                 |               |             | CỘNG                                              | 5111      |            | 2.061.966.780 | 2.061.966.780 |
|                 |               |             | SỐ DƯ CUỐI KỲ                                     | 5111      |            |               |               |

**Hình 6. Trích sổ chi tiết tài khoản 5111**

**Nghiệp vụ 3:** Cung cấp dịch vụ, Căn cứ vào hóa đơn ký hiệu C25TMT số 96 ngày 30/12/2025, Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT bán dịch vụ cho Công ty TNHH Thiết Bị Điện Sinh Phúc với số tiền 1.900.000 chưa bao gồm thuế GTGT 8% trong đó: - Hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán – Số Lượng : 1 Lần – Đơn giá: 1.900.000 Đồng.

Dựa vào nghiệp vụ phát sinh, kế toán tiến hành nhập số liệu vào phần mềm để lập chứng từ kế toán và xuất hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH Thiết Bị Điện Sinh Phúc.



Mẫu số 1  
Ký hiệu: C25TMT  
Số: 96

## HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 30 tháng 12 năm 2025  
MCCQT: 0087E8812B9A784CE1A0D0BB39BAE7F593

---

Tên người bán: CÔNG TY TNHH TM&DV AN ĐỒNG THỊNH MT  
Mã số thuế: 0401840976  
Mã cửa hàng:  
Tên cửa hàng:  
Địa chỉ: Lô 46, B2-19 Khu đô thị Phước Lý, Phường Hoà Khánh, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam  
Điện thoại: 0934797661  
Số tài khoản: 000000264090 Ngân hàng Việt Nam Thương Tín - PGD Thanh Khê - Đà Nẵng

---

Tên người mua: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN SINH PHÚC  
Họ tên người mua hàng:  
Mã số thuế: 0402245539  
Mã ĐVCQHVSNN:  
CCCD người mua:  
Số hộ chiếu:  
Địa chỉ: 37 Trần Can, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam  
Số tài khoản:  
Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản  
Đơn vị tiền tệ: VND  
Số bảng kê: Ngày bảng kê:

| STT | Tính chất         | Loại hàng hoá đặc trưng | Tên hàng hóa, dịch vụ              | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá   | Chiết khấu | Thuế suất | Thành tiền chưa có thuế GTGT |
|-----|-------------------|-------------------------|------------------------------------|-------------|----------|-----------|------------|-----------|------------------------------|
| 1   | Hàng hóa, dịch vụ |                         | Hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán | Lần         | 1        | 1.900.000 |            | 8%        | 1.900.000                    |

| STT | Tên loại phí | Tiền phí |
|-----|--------------|----------|
| 1   | Phí khác     | 0        |

|                                                         |                                              |
|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế) | 1.900.000                                    |
| Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)                    | 152.000                                      |
| Tổng tiền phí                                           |                                              |
| Tổng tiền chiết khấu thương mại                         |                                              |
| Tổng tiền thanh toán bằng số                            | 2.052.000                                    |
| Tổng tiền thanh toán bằng chữ                           | Hai triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng |

**Hình 7. Trích hóa đơn GTGT số 96**

**Nhập hóa đơn GTGT vào phần mềm kế toán Misa để công ty kiểm soát hàng hóa chặt chẽ hơn:**

**Chứng từ bán hàng**

1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước ☐ Kiểm phiếu xuất kho ☐ Lập kèm hóa đơn

☐ Chưa thu tiền ☐ Thu tiền ngay ☐ Tiền mặt

**Thông tin chung**

Khách hàng: SINH PHÚC  
 Địa chỉ: 37 Trần Cao, Phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng, Việt Nam.  
 Mã số thuế: 0402245539  
 Người mua hàng:   
 Tham chiếu: BH00096

**Hóa đơn**

Mẫu số HĐ:   
 Ký hiệu HĐ: 96  
 Ngày hóa đơn: 30/12/2025

**Điều khoản**

Số ngày được nợ: (ngày) Hạn thanh toán:

| Mã hàng | Tên hàng                           | TK công nợ/chí phí | TK doanh thu | ĐVT | Số lượng           | Đơn giá      | Thành tiền       | Tỷ lệ CK (%) |
|---------|------------------------------------|--------------------|--------------|-----|--------------------|--------------|------------------|--------------|
| VT00049 | Hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán | 131                | 5113         | Lần | 1.00               | 1.900.000,00 | 1.900.000        | 0            |
|         |                                    |                    |              |     | <b>Số dòng = 1</b> | <b>1.00</b>  | <b>1.900.000</b> |              |

**Tổng tiền hàng** 1.900.000 **Tiền thuế GTGT** 152.000 **Tổng tiền thanh toán** 2.052.000

**Hình 8. Giao diện hóa đơn số 96 trên phần mềm Misa**

Căn cứ vào dữ liệu chứng từ đã được ghi nhận vào phần mềm kế toán Misa khi xuất hóa đơn, hệ thống sẽ tự động cập nhật ghi vào các sổ có liên quan theo trình tự thời gian phát sinh nghiệp vụ, bao gồm:

## SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

**Tài khoản: 5113; Năm 2025**

| NGÀY HOẠCH TOÁN | NGÀY CHỨNG TỪ | SỐ CHỨNG TỪ | DIỄN GIẢI                                         | TÀI KHOẢN | TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG | PHÁT SINH NỢ | PHÁT SINH CÓ |
|-----------------|---------------|-------------|---------------------------------------------------|-----------|-------------------|--------------|--------------|
|                 |               |             | SỐ DƯ ĐẦU KÌ                                      |           |                   |              |              |
| 26/04/2025      | 26/04/2025    | BH00025     | Hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán                | 5113      | 131               | 0            | 1.500.000    |
| 09/08/2025      | 09/08/2025    | BH00053     | Hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán                | 5113      | 131               | 0            | 1.700.000    |
| 10/12/2025      | 10/12/2025    | BH00086     | Hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán                | 5113      | 131               | 0            | 5.555.556    |
| 30/12/2025      | 30/12/2025    | BH00096     | Hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán                | 5113      | 131               | 0            | 1.900.000    |
| 31/12/2025      | 31/12/2025    | NVK00030    | Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 5113      | 911               | 10.655.556   | 0            |
|                 |               |             | CỘNG                                              | 5113      |                   | 10.655.556   | 10.655.556   |
|                 |               |             | SỐ DƯ CUỐI KÌ                                     | 5113      |                   |              |              |

**Hình 9. Trích sổ chi tiết tài khoản 5113**

- Tiếp đó, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ nhật ký chung theo đúng trình tự kế toán

### SỔ NHẬT KÝ CHUNG NĂM 2025

| Ngày hạch toán | Ngày chứng từ | Số chứng từ | Diễn giải                                                                  | Tài khoản | TK đối ứng | Phát sinh Nợ   | Phát sinh Có   |
|----------------|---------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------|------------|----------------|----------------|
|                |               |             | ...                                                                        |           |            |                |                |
| 22/12/2025     | 22/12/2025    | BH00092     | Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN WEI XERN SIN VIỆT NAM theo hóa đơn 92             | 131       | 5111       | 7.500.000      | 0              |
| 22/12/2025     | 22/12/2025    | BH00092     | Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN WEI XERN SIN VIỆT NAM theo hóa đơn 92             | 5111      | 131        | 0              | 7.500.000      |
| 22/12/2025     | 22/12/2025    | BH00092     | Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN WEI XERN SIN VIỆT NAM theo hóa đơn 92             | 131       | 33311      | 600.000        | 0              |
| 22/12/2025     | 22/12/2025    | BH00092     | Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN WEI XERN SIN VIỆT NAM theo hóa đơn 92             | 33311     | 131        | 0              | 600.000        |
| 22/12/2025     | 22/12/2025    | NK00078     | Mua hàng của CÔNG TY TNHH TRƯỜNG SÁNG theo hóa đơn 4869                    | 331       | 1331       | 0              | 2.021.333      |
|                |               |             | ...                                                                        |           |            |                |                |
| 30/12/2025     | 30/12/2025    | BH00096     | Bán hàng CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN SINH PHÚC theo hóa đơn 96              | 131       | 5113       | 1.900.000      | 0              |
| 30/12/2025     | 30/12/2025    | BH00096     | Bán hàng CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN SINH PHÚC theo hóa đơn 96              | 5113      | 131        | 0              | 1.900.000      |
| 30/12/2025     | 30/12/2025    | BH00096     | Bán hàng CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN SINH PHÚC theo hóa đơn 96              | 131       | 33311      | 152.000        | 0              |
| 30/12/2025     | 30/12/2025    | BH00096     | Bán hàng CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN SINH PHÚC theo hóa đơn 96              | 33311     | 131        | 0              | 152.000        |
| 30/12/2025     | 30/12/2025    | BH00097     | Bán hàng CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ BẢO HỘ KANGLONGĐA VIỆT NAM theo hóa đơn 97 | 131       | 5111       | 16.500.000     | 0              |
|                |               |             | ...                                                                        |           |            |                |                |
| 30/12/2025     | 30/12/2025    | BH00098     | Bán hàng CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ BẢO HỘ KANGLONGĐA VIỆT NAM theo hóa đơn 98 | 131       | 5111       | 32.800.000     | 0              |
| 30/12/2025     | 30/12/2025    | BH00098     | Bán hàng CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ BẢO HỘ KANGLONGĐA VIỆT NAM theo hóa đơn 98 | 5111      | 131        | 0              | 32.800.000     |
| 30/12/2025     | 30/12/2025    | BH00098     | Bán hàng CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ BẢO HỘ KANGLONGĐA VIỆT NAM theo hóa đơn 98 | 131       | 33311      | 2.624.000      | 0              |
| 30/12/2025     | 30/12/2025    | BH00098     | Bán hàng CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ BẢO HỘ KANGLONGĐA VIỆT NAM theo hóa đơn 98 | 33311     | 131        | 0              | 2.624.000      |
|                |               |             | ...                                                                        |           |            |                |                |
| Số dòng = 1776 |               |             |                                                                            |           |            | 17.445.757.785 | 17.445.757.785 |

**Hình 10. Trích sổ nhật ký chung**

**- Cuối kỳ, kế toán thực hiện công tác kết chuyển số liệu, hệ thống tự động tổng hợp số liệu trên sổ chi tiết các tài khoản liên quan và nhật ký chung để lên sổ cái TK 511**

## SỔ CÁI NĂM 2025

**Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| NGÀY,<br>THÁNG<br>GHI SỐ | CHỨNG TỪ |             | DIỄN GIẢI                                                                  | NHẬT KÝ CHUNG |          | SỐ HIỆU TK ĐỐI ỨNG | SỐ TIỀN       |               |
|--------------------------|----------|-------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|--------------------|---------------|---------------|
|                          | SỐ HIỆU  | NGÀY, THÁNG |                                                                            | TRANG SỐ      | STT DÒNG |                    | NỢ            | CÓ            |
|                          |          |             | SỐ DƯ ĐẦU KÌ                                                               |               |          |                    |               |               |
|                          |          |             | SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ                                                      |               |          |                    |               |               |
|                          |          |             | ....                                                                       |               |          |                    |               |               |
| 22/12//2025              | BH00092  | 22/12//2025 | Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN WEI XERN SIN VIỆT NAM theo hóa đơn 92             |               |          | 131                |               | 7.500.000     |
|                          |          |             | ....                                                                       |               |          |                    |               |               |
| 30/12/2025               | BH00096  | 30/12/2025  | Bán hàng CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN SINH PHÚC theo hóa đơn 96              |               |          | 131                |               | 1.900.000     |
| 30/12/2025               | BH00097  | 30/12/2025  | Bán hàng CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ BẢO HỘ KANGLONGDA VIỆT NAM theo hóa đơn 97 |               |          | 131                |               | 16.500.000    |
| 30/12/2025               | BH00098  | 30/12/2025  | Bán hàng CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ BẢO HỘ KANGLONGDA VIỆT NAM theo hóa đơn 98 |               |          | 131                |               | 32.800.000    |
|                          |          |             | ...                                                                        |               |          |                    |               |               |
| 31/12/2025               | NVK00030 | 31/12/2025  | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025                                      |               |          | 911                | 2.072.622.336 |               |
|                          |          |             | <b>CỘNG SỐ PHÁT SINH</b>                                                   |               |          |                    | 2.072.622.336 | 2.072.622.336 |
|                          |          |             | <b>SỐ DƯ CUỐI KỲ</b>                                                       |               |          |                    |               |               |
|                          |          |             | <b>CỘNG LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM</b>                                              |               |          |                    | 2.072.622.336 | 2.072.622.336 |

**Hình 11. Trích sổ cái tài khoản 511**

### **2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.**

( Không phát sinh )

### **2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.**

#### **a. Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính.**

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng do công ty mở tài khoản giao dịch và duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng. Các khoản doanh thu này phát sinh không liên tục, phụ thuộc vào số dư tiền gửi và các giao dịch tài chính thực tế trong kỳ.

#### **b. Chứng từ - Sổ sách - Tài khoản sử dụng.**

##### **+ Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu tiền gửi
- Sao kê ngân hàng

##### **+ Sổ sách sử dụng**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK 515
- Sổ cái TK 515

##### **+ Tài khoản sử dụng**

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

#### **c. Quy trình hạch toán.**

- + Phát sinh tiền gửi: Doanh nghiệp sử dụng nguồn tiền nhàn rỗi để gửi vào ngân hàng.
- + Ngân hàng tính và xác định lãi: Căn cứ số dư tiền gửi và kỳ hạn, ngân hàng tiến hành tính lãi theo thỏa thuận.
- + Nhận thông tin từ ngân hàng: Doanh nghiệp nhận sao kê thể hiện khoản lãi tiền gửi phát sinh.
- + Ghi nhận doanh thu tài chính: Kế toán căn cứ chứng từ ngân hàng để ghi nhận khoản lãi vào doanh thu hoạt động tài chính.
- + Theo dõi và trình bày: Khoản doanh thu này được theo dõi riêng biệt nhằm đảm bảo phân loại rõ ràng giữa hoạt động tài chính và hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp.

#### **d. Nghiệp vụ minh họa.**

Nghiệp vụ: Ngày 25/12/2025 công ty thu lãi tiền gửi ngân hàng với số tiền là 38.107 đồng.

|            |            |                                                                              |                |               |                |
|------------|------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------|----------------|
| 18/12/2025 | 18/12/2025 | IBFT-IN: CT TNHH TM VÀ DV AN DONG THINH MT. DEWOO TT TIEN HD 88;112002686151 | 0.00           | 22,910,580.00 | 214,919,209.00 |
| 23/12/2025 | 23/12/2025 | AN DONG THINH MT CHUYEN TIEN MINH HUNG LOI                                   | 7,100,000.00   | 0.00          | 207,819,209.00 |
| 23/12/2025 | 23/12/2025 | THU PHI DV CHUYEN TIEN NHT MON 7.100.000D MIN 11.000D NGAY 23.12.2025        | 10,000.00      | 0.00          | 207,809,209.00 |
| 23/12/2025 | 23/12/2025 | THUE GTGT 10%                                                                | 1,000.00       | 0.00          | 207,808,209.00 |
| 25/12/2025 | 25/12/2025 | CHI LAI TK SO 000000264090                                                   | 0.00           | 38,107.00     | 207,846,316.00 |
| 26/12/2025 | 26/12/2025 | AN DONG THINH MT CHUYEN TIEN HOANG LAN                                       | 37,700,000.00  | 0.00          | 170,146,316.00 |
| 26/12/2025 | 26/12/2025 | AN DONG THINH MT CHUYEN TIEN HOANG LAN                                       | 10,000.00      | 0.00          | 170,136,316.00 |
| 26/12/2025 | 26/12/2025 | AN DONG THINH MT CHUYEN TIEN HOANG LAN                                       | 1,000.00       | 0.00          | 170,135,316.00 |
| 26/12/2025 | 26/12/2025 | AN DONG THINH MT CHUYEN TIEN TRUONG SANG                                     | 50,009,184.00  | 0.00          | 120,126,132.00 |
| 26/12/2025 | 26/12/2025 | AN DONG THINH MT CHUYEN TIEN TRUONG SANG                                     | 10,000.00      | 0.00          | 120,116,132.00 |
| 26/12/2025 | 26/12/2025 | AN DONG THINH MT CHUYEN TIEN TRUONG SANG                                     | 1,000.00       | 0.00          | 120,115,132.00 |
| 26/12/2025 | 26/12/2025 | HUYNH THANH AN 049087001101 RUT TIEN MAT                                     | 110,000,000.00 | 0.00          | 10,115,132.00  |
| 26/12/2025 | 26/12/2025 | AN DONG THINH CHUYEN TIEN CHEMLURE VN                                        | 4,082,400.00   | 0.00          | 6,032,732.00   |

**Hình 12. Trích sao kê ngân hàng**

- Căn cứ vào sao kê ngân hàng, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lệ và hợp pháp của chứng từ. Sau đó, kế toán nhập phiếu thu tiền gửi vào phần mềm kế toán MISA dựa trên các thông tin ghi sao kê ngân hàng.

Thu tiền gửi - CÔNG TY TNHH TM&DV AN ĐỒNG THINH MT

Trước Sau Thêm Sửa Sửa nhanh Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Nạp Tiện ích Mẫu In Góp ý Giúp Đóng

**Thu tiền gửi**

**Thông tin chung**

Đối tượng: NGÂN HÀNG THƯƠNG TÍN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Địa chỉ: Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, TP Cần Thơ, Việt Nam.

Nộp vào TK: 000000264090 Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Lý do thu: Thu khác thu lãi tiền gửi

Nhân viên thu:

Tham chiếu:

**Chứng từ**

Ngày hạch toán: 25/12/2025

Ngày chứng từ: 25/12/2025

Số chứng từ: NTTK00072

**1. Hạch toán**

| Diễn giải        | TK Nợ | TK Có | Số tiền | Nghiệp vụ | Đối tượng   | Tên đối tượng |
|------------------|-------|-------|---------|-----------|-------------|---------------|
| thu lãi tiền gửi | 1121  | 515   | 38.107  |           | NGÂN HÀNG T | NGÂN HÀNG     |
|                  |       |       |         |           |             |               |
|                  |       |       |         |           |             |               |
|                  |       |       |         |           |             |               |
|                  |       |       |         |           |             |               |
|                  |       |       |         |           |             |               |
|                  |       |       |         |           |             |               |
|                  |       |       |         |           |             |               |
|                  |       |       |         |           |             |               |
| Số dòng = 1      |       |       | 38.107  |           |             |               |

**Hình 13. Phiếu thu tiền gửi**

- Sau khi nhập liệu, hệ thống sẽ tự động cập nhật số liệu vào các sổ có liên quan theo trình tự, bao gồm:

## SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

*Tài khoản: 515; Năm 2025*

| NGÀY HOẠCH TOÁN | NGÀY CHỨNG TỪ | SỐ CHỨNG TỪ | DIỄN GIẢI                                | TÀI KHOẢN | TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG | PHÁT SINH NỢ | PHÁT SINH CÓ |
|-----------------|---------------|-------------|------------------------------------------|-----------|-------------------|--------------|--------------|
|                 |               |             | SỐ DƯ ĐẦU KÌ                             |           |                   |              |              |
|                 |               |             | ...                                      |           |                   |              |              |
| 25/09/2025      | 25/09/2025    | NTTK00055   | thu lãi tiền gửi                         | 515       | 1121              | 0            | 68.826       |
| 25/10/2025      | 25/10/2025    | NTTK00060   | thu lãi tiền gửi                         | 515       | 1121              | 0            | 41.145       |
| 25/11/2025      | 25/11/2025    | NTTK00066   | thu lãi tiền gửi                         | 515       | 1121              | 0            | 32.547       |
| 25/12/2025      | 25/12/2025    | NTTK00072   | thu lãi tiền gửi                         | 515       | 1121              | 0            | 38.107       |
| 31/12/2025      | 31/12/2025    | NVK00030    | Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính | 515       | 911               | 477.347      | 0            |
|                 |               |             | CỘNG                                     | 515       |                   | 477.347      | 477.347      |
|                 |               |             | SỐ DƯ CUỐI KỲ                            | 515       |                   |              |              |

**Hình 14. Trích sổ chi tiết TK 515**

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG NĂM 2025

| Ngày hạch toán | Ngày chứng từ | Số chứng từ | Diễn giải                                                                    | Tài khoản | TK đối ứng | Phát sinh Nợ   | Phát sinh Có   |
|----------------|---------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------|----------------|----------------|
|                |               |             | ...                                                                          |           |            |                |                |
| 23/12/2025     | 23/12/2025    | UNC00109    | phí dịch vụ chuyển tiền                                                      | 6422      | 1121       | 11.000         | 0              |
| 23/12/2025     | 23/12/2025    | UNC00109    | phí dịch vụ chuyển tiền                                                      | 1121      | 6422       | 0              | 11.000         |
| 25/12/2025     | 25/12/2025    | NTTK00072   | thu lãi tiền gửi                                                             | 1121      | 515        | 38.107         | 0              |
| 25/12/2025     | 25/12/2025    | NTTK00072   | thu lãi tiền gửi                                                             | 515       | 1121       | 0              | 38.107         |
| 26/12/2025     | 26/12/2025    | BH00094     | Bán hàng CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LIXIL VIỆT NAM TẠI QUẢNG NAM theo hóa đơn 94 | 131       | 5111       | 4.320.000      | 0              |
|                |               |             | ...                                                                          |           |            |                |                |
| Số dòng = 1776 |               |             |                                                                              |           |            | 17.445.757.785 | 17.445.757.785 |

**Hình 15. Trích sổ Nhật ký chung**

**- Cuối kỳ, kế toán thực hiện công tác kết chuyển số liệu, hệ thống tự động tổng hợp số liệu trên sổ chi tiết các tài khoản liên quan và nhật ký chung để lên sổ cái TK 515**

## SỔ CÁI NĂM 2025

### Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

| NGÀY,<br>THÁNG<br>GHI SỔ | CHỨNG TỪ  |                | DIỄN GIẢI                             | NHẬT KÝ CHUNG |             | SỐ HIỆU<br>TK ĐỐI<br>ỨNG | SỐ TIỀN |         |
|--------------------------|-----------|----------------|---------------------------------------|---------------|-------------|--------------------------|---------|---------|
|                          | SỐ HIỆU   | NGÀY,<br>THÁNG |                                       | SỐ            | STT<br>DÒNG |                          | NỢ      | CÓ      |
|                          |           |                | SỐ DƯ ĐẦU KÌ                          |               |             |                          |         |         |
|                          |           |                | SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ                 |               |             |                          |         |         |
|                          |           |                | ...                                   |               |             |                          |         |         |
| 25/10/2025               | NTTK00060 | 25/10/2025     | thu lãi tiền gửi                      |               |             | 1121                     |         | 41.145  |
| 25/11/2025               | NTTK00066 | 25/11/2025     | thu lãi tiền gửi                      |               |             | 1121                     |         | 32.547  |
| 25/12/2025               | NTTK00072 | 25/12/2025     | thu lãi tiền gửi                      |               |             | 1121                     |         | 38.107  |
| 31/12/2025               | NVK00030  | 31/12/2025     | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 |               |             | 911                      | 477.347 |         |
|                          |           |                | CỘNG SỐ PHÁT SINH                     |               |             |                          | 477.347 | 477.347 |
|                          |           |                | SỐ DƯ CUỐI KỲ                         |               |             |                          |         |         |
|                          |           |                | CỘNG LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM                |               |             |                          | 477.347 | 477.347 |

**Hình 16. Trích sổ cái tài khoản 515**

#### 2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác.

( Không phát sinh )

#### 2.2.2. Kế toán các khoản chi phí tại Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT.

##### 2.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán.

##### a. Đặc điểm giá vốn hàng hóa.

- Giá vốn hàng bán của doanh nghiệp là toàn bộ giá trị thực tế của hàng hóa đã xuất bán cho khách hàng trong kỳ, bao gồm giá mua các mặt hàng như dầu nhớt, lốp xe,... của nhà cung cấp cùng các chi phí liên quan trực tiếp đến quá trình mua hàng. Do

hàng hóa không qua lưu kho nên giá vốn hàng bán chủ yếu phản ánh trị giá mua thực tế của hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ.

*b. Chứng từ - Sổ sách - Tài khoản sử dụng.*

**+ Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn bán hàng
- Phiếu xuất kho

**+ Sổ sách sử dụng**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái 632
- Sổ chi tiết 632

**+ Tài khoản sử dụng**

- TK 632: Giá vốn hàng bán

*c. Quy trình hạch toán.*

*- Quy trình luân chuyển giá vốn bán hàng*

+ Phát sinh và kiểm tra chứng từ: Khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán tiếp nhận các chứng từ liên quan như hóa đơn bán hàng và phiếu xuất kho, đồng thời kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp và đối chiếu số liệu giữa các chứng từ.

+ Xác định giá vốn hàng bán: Căn cứ vào phương pháp bình quân cuối kỳ để tính giá xuất kho hàng hóa, kế toán xác định trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán tương ứng.

+ Ghi nhận vào sổ kế toán: Sau khi xác định giá vốn, kế toán sử dụng chứng từ đã kiểm tra để ghi vào sổ Nhật ký chung và các bảng tổng hợp chi tiết có liên quan theo đúng trình tự thời gian. Cuối kỳ, số liệu từ sổ Nhật ký chung được tổng hợp để ghi vào sổ Cái tài khoản giá vốn hàng bán.

*d. Nghiệp vụ minh họa.*

Nghiệp vụ 1: Hóa đơn bán hàng hóa chủ yếu: Dầu nhớt

Nghiệp vụ 2: Hóa đơn bán hàng hóa bổ sung: Lốp xe

**Nghiệp vụ 1:** Hóa đơn bán hàng hóa chủ yếu

Vào ngày 22/12/2025 công ty xuất bán hàng hóa cho Công ty cổ phần WEI XERN SIN Việt Nam hóa đơn ký hiệu C25TMT số 92 với số tiền 7.500.000 đồng (chưa có thuế GTGT), thuế GTGT 8%. Giá vốn hàng bán là 6.574.074 đồng. Lệnh xuất kho XK00087.

**- Căn cứ vào chứng từ bán hàng đã lập, kế toán viên cũng lập phiếu xuất kho tương ứng cho toàn bộ mặt hàng bán trong ngày.**

**Mẫu số: 02 - VT**  
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC  
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

*Ngày 22 tháng 12 năm 2025*

No: 632

Số: XK00087

Có: 156

- Họ tên người nhận hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN WEI XERN SIN VIỆT NAM  
 - Địa chỉ (bộ phận): Thôn Hòa Đông, Xã Núi Thành, TP Đà Nẵng, Việt Nam.  
 - Lý do xuất kho: .....  
 - Xuất tại kho (ngân lô): Kho hàng hóa Địa điểm: .....

Địa điểm: .....

| STT | Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa | Mã số   | Đơn vị tính | Số lượng |           | Đơn giá    | Thành tiền |
|-----|------------------------------------------------------------------------|---------|-------------|----------|-----------|------------|------------|
|     |                                                                        |         |             | Yêu cầu  | Thực xuất |            |            |
| A   | B                                                                      | C       | D           | 1        | 2         | 3          | 4          |
| 1   | Dầu nhớt GM GEAR OIL 140 GL-1                                          | VT00035 | Xô          | 10,00    |           | 657.407,40 | 6.574.074  |
|     | Cộng                                                                   |         |             |          |           |            | 6.574.074  |

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): *Sáu triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm bảy mươi bốn đồng chẵn.*
- Số chứng từ gốc kèm theo: .....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận hàng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Hoặc bộ phận có  
nhu cầu nhập)  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Hình 17. Phiếu xuất kho**

**Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước chưa thu tiền - CÔNG TY TNHH TM&DV AN ĐỒNG THỊNH MT**

Trước Sau Thêm Sửa Sửa nhanh Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Lập phiếu xuất Nạp Tiện ích Mẫu In Góp ý Giúp Đồng

### Chứng từ bán hàng

Nhập số báo giá

1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước ☒ Kiểm phiếu xuất kho ☒ Lập kèm hóa đơn  
☐ Chưa thu tiền ☐ Thu tiền ngay Tiền mặt

**ĐÃ LẬP HÓA ĐƠN**  
KT tình trạng hoạt động

Chứng từ ghi nợ **Phiếu xuất** Hóa đơn

**Thông tin chung:**

Khách hàng: WEI XERN CÔNG TY CỔ PHẦN WEI XERN SIN VIỆT NAM  
Người nhận:  
Địa chỉ: Thôn Hòa Đông, Xã Ngũ Thành, TP Đà Nẵng, Việt Nam.  
Lý do xuất:  
NV bán hàng: Kèm theo chứng từ gốc  
Tham chiếu: BH00092

**Chứng từ:**

Ngày hạch toán: 22/12/2025  
Ngày chứng từ: 22/12/2025  
Số phiếu xuất: XK00087

Điều khoản TT Số ngày được nợ (ngày) Hạn thanh toán

1. Hàng tiền 2. Thuế 3. Giá vốn 4. Thông kê 5. Khác

| Mã hàng | Tên hàng                      | Kho | TK giá vốn | TK kho | ĐVT | Số lượng | Đơn giá vốn | Tiền vốn |
|---------|-------------------------------|-----|------------|--------|-----|----------|-------------|----------|
| VT00035 | Dầu nhớt GM GEAR OIL 140 GL-1 | 156 | 632        | 156    | Xô  | 10.00    | 657.407.40  | 6.574.   |
|         |                               |     |            |        |     | 10.00    |             | 6.574.   |

Số dòng = 1

Phân bổ chiết khấu... Tổng tiền hàng 7.500.000 Tiền thuế GTGT 600.000  
Xem công nợ Thêm nhắc việc... Tiền chiết khấu 0 Tổng tiền thanh toán 8.100.000

**Hình 18. Giao diện phiếu xuất trên phần mềm Misa**

Vào ngày 30/12/2025 công ty xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH công nghệ bảo hộ KANGLONGDA Việt Nam hóa đơn ký hiệu C25TMT số 98 với số tiền 32.800.000 đồng (chưa có thuế GTGT), thuế GTGT 8%. Giá vốn hàng bán là 22.500.000 đồng. Lệnh xuất kho XK00091.

**Mẫu số: 02 - VT**

CÔNG TY TNHH TM&DV AN ĐỒNG THỊNH MT - GPSD đào tạo  
Lô 46, B2-19 Khu đô thị Phước Lý, Phường Hoà Minh, Quận Liên  
Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

*(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC  
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)*

*Ngày 30 tháng 12 năm 2025*

No: 632

Số: XK00091

Có: 156

- Họ tên người nhận hàng: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ BẢO HỘ KANGLONGDA VIỆT NAM  
- Địa chỉ (bộ phận): Lô CN 05, Khu Công nghiệp Phong Điền - Viglacera, Phường Phong Dinh, TP Huế, Việt Nam.  
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ BẢO HỘ KANGLONGDA VIỆT NAM theo hóa đơn 98  
- Xuất tại kho (ngân lô): Kho hàng hóa                      Địa điểm:

|             |                                                                        |         |             | Số lượng |           | Đơn giá      | Thành tiền           |
|-------------|------------------------------------------------------------------------|---------|-------------|----------|-----------|--------------|----------------------|
| STT         | Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa | Mã số   | Đơn vị tính | Yêu cầu  | Thực xuất |              |                      |
| A           | B                                                                      | C       | D           | 1        | 2         | 3            | 4                    |
| 1           | Lốp PHOENIX 6.50-10 V-Lug                                              | VT00044 | Chiếc       | 10,00    |           | 2.083.333,30 | 20.833.333,30        |
| 2           | Lốp PHOENIX 6.00-9 V-Lug                                               | VT00053 | Chiếc       | 1,00     |           | 1.666.667,00 | 1.666.667,00         |
| <b>Công</b> |                                                                        |         |             |          |           |              | <b>22.500.000,30</b> |

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): *Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.*

Ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận hàng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**                      **Giám đốc**  
(Hoặc bộ phận có                      (Ký, họ tên, đóng dấu)  
nhu cầu nhập)  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

**Hình 19. Phiếu xuất kho**

[illegible]

**Hình 20. Phiếu xuất kho**

- Sau khi nhập liệu, hệ thống sẽ tự động cập nhật số liệu vào các sổ có liên quan theo trình tự, bao gồm:

## SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

**Tài khoản: 632; Năm 2025**

| NGÀY HOẠCH TOÁN | NGÀY CHỨNG TỪ | SỐ CHỨNG TỪ | DIỄN GIẢI                                      | TÀI KHOẢN | TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG | PHÁT SINH NỢ  | PHÁT SINH CÓ  |
|-----------------|---------------|-------------|------------------------------------------------|-----------|-------------------|---------------|---------------|
|                 |               |             | <b>SỐ DƯ ĐẦU KÌ</b>                            |           |                   |               |               |
|                 |               |             | ...                                            |           |                   |               |               |
| 22/12/2025      | 22/12/2025    | XK00086     | Dầu nhớt<br>Total<br>AZOLLA ZS<br>68 (18L)     | 632       | 156               | 1.781.381     | Nghiệp vụ 1   |
| 22/12/2025      | 22/12/2025    | XK00087     | Dầu nhờn GM<br>GEAR OIL<br>140 GL-1            | 632       | 156               | 6.574.074     | 0             |
| 23/12/2025      | 23/12/2025    | XK00088     | DẦU BÔI<br>TRON SHL<br>GEAR 150<br>(200L/Phuy) | 632       | 156               | 25.266.668    | Nghiệp vụ 2   |
|                 |               |             | ...                                            |           |                   |               |               |
| 30/12/2025      | 30/12/2025    | XK00091     | Lớp<br>PHOENIX<br>6.50-10 V-<br>Lug            | 632       | 156               | 20.833.333    | 0             |
| 30/12/2025      | 30/12/2025    | XK00091     | Lớp<br>PHOENIX<br>6.00-9 V-Lug                 | 632       | 156               | 1.666.667     | 0             |
|                 |               |             | ...                                            |           |                   |               |               |
| 31/12/2025      | 31/12/2025    | NVK00030    | Kết chuyển<br>giá vốn hàng<br>bán              | 632       | 911               | 0             | 1.751.921.999 |
|                 |               |             | <b>Cộng</b>                                    | 632       |                   | 1.751.921.999 | 1.751.921.999 |
|                 |               |             | <b>Số dư cuối<br/>kỳ</b>                       | 632       |                   |               |               |

**Hình 21. Trích sổ chi tiết TK 632**

- Tiếp đó, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ nhật ký chung theo đúng trình tự kế toán

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG NĂM 2025

| Ngày<br>hạch toán | Ngày<br>chứng từ | Số chứng<br>từ | Diễn giải                                                                           | Tài<br>khoản | TK<br>đối<br>ứng | Phát sinh<br>Nợ | Phát sinh<br>Có |
|-------------------|------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------|-----------------|-----------------|
|                   |                  |                | ...                                                                                 |              |                  |                 |                 |
| 22/12/2025        | 22/12/2025       | BH00092        | Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN WEI XERN SIN VIỆT NAM theo hóa đơn 92                      | 33311        | 131              |                 |                 |
|                   |                  |                |                                                                                     |              |                  |                 | Nghiep vu 1     |
| 22/12/2025        | 22/12/2025       | XK00087        | Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN WEI XERN SIN VIỆT NAM theo hóa đơn 92             | 632          | 156              | 6.574.074       | 0               |
| 22/12/2025        | 22/12/2025       | XK00087        | Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN WEI XERN SIN VIỆT NAM theo hóa đơn 92             | 156          | 632              | 0               | 6.574.074       |
| 22/12/2025        | 22/12/2025       | NK00078        | Mua hàng của CÔNG TY TNHH TRƯỜNG SÁNG theo hóa đơn 4869                             | 156          | 331              | 25.266.667      | 0               |
|                   |                  |                | ...                                                                                 |              |                  |                 |                 |
| 30/12/2025        | 30/12/2025       | BH00098        | Bán hàng CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ BẢO HỘ KANGLONGDA VIỆT NAM theo hóa đơn 98          | 131          | 33311            | 2.624.000       | 0               |
| 30/12/2025        | 30/12/2025       | BH00098        | Bán hàng CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ BẢO HỘ KANGLONGDA VIỆT NAM theo hóa đơn 98          | 33311        | 131              |                 |                 |
|                   |                  |                |                                                                                     |              |                  |                 | Nghiep vu 2     |
| 30/12/2025        | 30/12/2025       | XK00091        | Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ BẢO HỘ KANGLONGDA VIỆT NAM theo hóa đơn 98 | 632          | 156              | 22.500.000      | 0               |
| 30/12/2025        | 30/12/2025       | XK00091        | Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ BẢO HỘ KANGLONGDA VIỆT NAM theo hóa đơn 98 | 156          | 632              | 0               | 22.500.000      |
|                   |                  |                | ...                                                                                 |              |                  |                 |                 |
| Số dòng = 1776    |                  |                |                                                                                     |              |                  | 17.445.757.785  | 17.445.757.785  |

**Hình 22. Trích sổ Nhật ký chung**

- Cuối kỳ, kế toán thực hiện công tác kết chuyển số liệu, hệ thống tự động tổng hợp số liệu trên sổ chi tiết các tài khoản liên quan và nhật ký chung để lên sổ cái TK 632.

## SỔ CÁI NĂM 2025

### Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán

| NGÀY,<br>THÁNG<br>GHỊ SỔ | CHỨNG TỪ     |                | DIỄN GIẢI                                                                                   | NHẬT KÝ<br>CHUNG |     | SỐ<br>HIỆU<br>TK<br>ĐỐI<br>ỨNG | SỐ TIỀN       |               |
|--------------------------|--------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----|--------------------------------|---------------|---------------|
|                          | SỐ<br>HIỆU   | NGÀY,<br>THÁNG |                                                                                             | SỐ               | STT |                                | NỢ            | CÓ            |
|                          |              |                | SỐ DƯ ĐẦU KÌ                                                                                |                  |     |                                |               |               |
|                          |              |                | SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ                                                                       |                  |     |                                |               |               |
|                          |              |                | ...                                                                                         |                  |     |                                |               |               |
| 22/12/2025               | XK0008<br>6  | 22/12/2025     | Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MÁY CÔNG TRÌNH KOBELCO theo hóa đơn 91 |                  |     | 156                            | 9.970.156     |               |
|                          |              |                |                                                                                             |                  |     |                                |               | Nghị quyết 1  |
| 22/12/2025               | XK0008<br>7  | 22/12/2025     | Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN WEI XERN SIN VIỆT NAM theo hóa đơn 92                     |                  |     | 156                            | 6.574.074     |               |
| 23/12/2025               | XK0008<br>8  | 23/12/2025     | Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN WEI XERN SIN VIỆT NAM theo hóa đơn 93                     |                  |     | 156                            | 25.266.668    |               |
|                          |              |                | ...                                                                                         |                  |     |                                |               | Nghị quyết 2  |
| 30/12/2025               | XK0009<br>1  | 30/12/2025     | Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ BẢO HỘ KANGLONGDA VIỆT NAM theo hóa đơn 98         |                  |     | 156                            | 22.500.000    |               |
|                          |              |                | ...                                                                                         |                  |     |                                |               |               |
| 31/12/2025               | NVK000<br>30 | 31/12/2025     | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025                                                       |                  |     | 911                            |               | 1.751.921.999 |
|                          |              |                | CỘNG SỐ PHÁT SINH                                                                           |                  |     |                                | 1.751.921.999 | 1.751.921.999 |
|                          |              |                | SỐ DƯ CUỐI KỲ                                                                               |                  |     |                                |               |               |
|                          |              |                | CỘNG LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM                                                                      |                  |     |                                | 1.751.921.999 | 1.751.921.999 |

**Hình 23. Trích sổ cái TK 632**

#### 2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính.

( Không phát sinh )

#### 2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

a. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh.

Chi phí quản lý kinh doanh tại công ty được chia thành hai loại chủ yếu là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong đó:

- *Chi phí bán hàng*: khoản chi phí phát sinh liên quan của công ty là các khoản trích theo lương của bộ phận bán hàng và đây là chi phí bán hàng chủ yếu của công ty.
- *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: bao gồm các khoản chi phí liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành chung của công ty như tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận văn phòng, chi phí văn phòng phẩm, phí dịch vụ chuyển tiền, chi phí tiếp khách, chi phí xăng xe.

*b. Chứng từ - Sổ sách - Tài khoản sử dụng.*

| <i>Kế toán chi phí bán hàng</i>                                                                                                                                                                                                        | <i>Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp</i>                                                                                                                                                                                                                                 |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>+ Chứng từ sử dụng</b><br>- Bảng chấm công<br>- Chứng Từ nghiệp vụ khác<br><b>+ Sổ sách sử dụng</b><br>- Sổ nhật ký chung<br>- Sổ chi tiết TK 6421<br>- Sổ cái TK 6421<br><b>+ Tài khoản sử dụng</b><br>- TK 6421: Chi phí bán hàng | <b>+ Chứng từ sử dụng</b><br>- Hóa đơn GTGT<br>- Phiếu mua dịch vụ<br>- Các chứng từ liên quan khác<br><b>+ Sổ sách sử dụng</b><br>- Sổ nhật ký chung<br>- Sổ chi tiết TK 6422<br>- Sổ cái TK 6422<br><b>+ Tài khoản sử dụng</b><br>- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp |

*c. Quy trình hạch toán.*

- *Quy trình hạch toán chi phí bán hàng*

- + Theo dõi và tổng hợp dữ liệu chấm công: Hàng ngày, các bộ phận thực hiện chấm công và lập bảng chấm công làm căn cứ xác định thời gian làm việc của người lao động.
- + Lập bảng tính lương: Cuối tháng, kế toán dựa trên dữ liệu chấm công để lập bảng tính lương, xác định tiền lương và các khoản phải trả cho người lao động.
- + Kiểm tra và phê duyệt: Bảng lương sau khi lập được kiểm tra và trình ký duyệt theo quy định của doanh nghiệp.
- + Thực hiện chi trả lương: Sau khi được phê duyệt, kế toán tiến hành chi trả lương cho nhân viên theo hình thức phù hợp.
- + Lập chứng từ và ghi nhận: Căn cứ vào bảng lương kế toán lập chứng từ nghiệp vụ khác để ghi nhận các khoản tiền lương đã chi trả.

+ Nhập liệu vào phần mềm: Các chứng từ sau khi được kiểm tra hợp lệ được nhập vào phần mềm kế toán, làm căn cứ ghi vào sổ Nhật ký chung và bảng tổng hợp chi tiết, Cuối kỳ, căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán thực hiện tổng hợp và ghi vào sổ Cái tài khoản liên quan.

**- Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

+ Phát sinh và tiếp nhận chứng từ: Khi phát sinh các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán tiếp nhận các chứng từ kế toán gốc như hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo nợ, bảng lương,...

+ Kiểm tra chứng từ: Kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ, đồng thời đối chiếu số liệu liên quan trước khi ghi nhận.

+ Ghi nhận vào sổ kế toán: Căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra, kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung và bảng tổng hợp chi tiết liên quan theo trình tự thời gian. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp.

**d. Nghiệp vụ minh họa.**

**- Kế toán chi phí bán hàng:**

Nghiệp Vụ : Dựa vào bảng chấm công Tháng 12 kế toán hạch toán lương cho nhân viên bộ phận bán hàng tháng 12 với số tiền là 7.130.000 Đồng.

| Bảng chấm công    |                    |                                 |      |      |       |       |       |        |       |      |      |       |       |       |        |       |      |      |       |       |       |        |       |      |      |       |       |       |        |       |      |      |           |
|-------------------|--------------------|---------------------------------|------|------|-------|-------|-------|--------|-------|------|------|-------|-------|-------|--------|-------|------|------|-------|-------|-------|--------|-------|------|------|-------|-------|-------|--------|-------|------|------|-----------|
| tháng 12 năm 2025 |                    |                                 |      |      |       |       |       |        |       |      |      |       |       |       |        |       |      |      |       |       |       |        |       |      |      |       |       |       |        |       |      |      |           |
| Nhân viên         | Chức danh          | Ngày trong tháng thứ trong tuần |      |      |       |       |       |        |       |      |      |       |       |       |        |       |      |      |       |       |       |        |       |      |      |       |       |       |        |       |      |      | Tổng công |
|                   |                    | 01                              | 02   | 03   | 04    | 05    | 06    | 07     | 08    | 09   | 10   | 11    | 12    | 13    | 14     | 15    | 16   | 17   | 18    | 19    | 20    | 21     | 22    | 23   | 24   | 25    | 26    | 27    | 28     | 29    | 30   | 31   |           |
|                   |                    | T.Hai                           | T.Ba | T.Tư | T.Năm | T.Sáu | T.Bảy | T.Ngày | T.Hai | T.Ba | T.Tư | T.Năm | T.Sáu | T.Bảy | T.Ngày | T.Hai | T.Ba | T.Tư | T.Năm | T.Sáu | T.Bảy | T.Ngày | T.Hai | T.Ba | T.Tư | T.Năm | T.Sáu | T.Bảy | T.Ngày | T.Hai | T.Ba | T.Tư |           |
| Bộ phận văn phòng |                    |                                 |      |      |       |       |       |        |       |      |      |       |       |       |        |       |      |      |       |       |       |        |       |      |      |       |       |       |        |       |      |      |           |
| Huỳnh Thanh An    | Giám đốc           | +                               | +    | +    | +     | +     | +     |        | +     | +    | +    | +     | +     | +     |        | +     | +    | +    | +     | +     | +     |        | +     | +    | +    | +     | +     | +     | +      | +     | +    | +    | 27        |
| Nguyễn Anh Phương | Kế toán            | +                               | +    | +    | +     | +     | +     |        | +     | +    | +    | +     | +     | +     |        | +     | +    | +    | +     | +     | +     |        | +     | +    | +    | +     | +     | +     | +      | +     | +    | +    | 27        |
| Bộ phận bán hàng  |                    |                                 |      |      |       |       |       |        |       |      |      |       |       |       |        |       |      |      |       |       |       |        |       |      |      |       |       |       |        |       |      |      | 0         |
| Ngô Thị Bắc       | Nhân viên bán hàng | +                               | +    | +    | +     | +     | +     |        | +     | +    | +    | +     | +     | +     |        | +     | +    | +    | +     | +     | +     |        | +     | +    | +    | +     | +     | +     | +      | +     | +    | +    | 27        |
| Tổng cộng         |                    |                                 |      |      |       |       |       |        |       |      |      |       |       |       |        |       |      |      |       |       |       |        |       |      |      |       |       |       |        |       |      |      | 81        |

**Hình 24. Trích bảng chấm công nhân viên Tháng 12**

| STT | Họ và Tên         | Chức vụ            | Ngày công | Lương thời gian | Phụ cấp      |              | Tổng phụ cấp | Tổng thu nhập | Tổng Lương Thực tế |
|-----|-------------------|--------------------|-----------|-----------------|--------------|--------------|--------------|---------------|--------------------|
|     |                   |                    |           |                 | Hỗ trợ nhà ở | Hỗ trợ ăn ca |              |               |                    |
| 1   | 2                 | 3                  | 5         | 4               | 5            | 6            |              | 7             | 9                  |
| A   | Bộ phận văn phòng |                    | 54        | 10.000.000      | 4.800.000    | 1.460.000    | 6.260.000    | 16.260.000    | 16.260.000         |
| 1   | Huỳnh Thanh An    | Giám đốc           | 27        | 5.500.000       | 3.300.000    | 730.000      | 4.030.000    | 9.530.000     | 9.530.000          |
| 2   | Nguyễn Anh Phương | Kế toán            | 27        | 4.500.000       | 1.500.000    | 730.000      | 2.230.000    | 6.730.000     | 6.730.000          |
| B   | Bộ phận bán hàng  |                    | 27        | 4.500.000       | 1.900.000    | 730.000      | 2.630.000    | 7.130.000     | 7.130.000          |
| 3   | Ngô Thị Bắc       | Nhân viên bán hàng | 27        | 4.500.000       | 1.900.000    | 730.000      | 2.630.000    | 7.130.000     | 7.130.000          |
|     | Tổng              |                    | 81        | 14.500.000      | 6.700.000    | 2.190.000    | 8.890.000    | 23.390.000    | 23.390.000         |

**Hình 25. Trích bảng thanh toán lương Tháng 12**

Chứng từ nghiệp vụ khác - CÔNG TY TNHH TM&DV AN ĐỒNG THINH MT

Trước Sau Thêm Sửa Sửa nhanh Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Nạp Tiện ích Mẫu In Góp ý Giúp Đóng

### Chứng từ nghiệp vụ khác

**Thông tin chung**

Diễn giải: Hạch toán lương tháng 12  
Hạn thanh toán:  
Tham chiếu:

**Chứng từ**

Ngày hạch toán: 31/12/2025  
Ngày chứng từ: 31/12/2025  
Số chứng từ: NVK00017

**1. Hạch toán** 2. Thuế

| Diễn giải                            | TK Nợ | TK Có | Số tiền    | Nghiệp vụ | Đối tượng Nợ |
|--------------------------------------|-------|-------|------------|-----------|--------------|
| Hạch toán lương bộ phận văn phòng th | 6422  | 334   | 16.260.000 |           |              |
| Hạch toán lương bộ phận bán hàng th  | 6421  | 334   | 7.130.000  |           |              |
| Số dòng = 2                          |       |       | 23.390.000 |           |              |

**Hình 26. Chứng từ nghiệp vụ khác hạch toán lương tháng 12 của bộ phận bán hàng.**

- Sau khi nhập liệu, hệ thống sẽ tự động cập nhật số liệu vào các sổ có liên quan theo trình tự, bao gồm:

### SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

**Tài khoản: 6421; Năm 2025**

| NGÀY HOẠCH TOÁN | NGÀY CHỨNG TỪ | SỐ CHỨNG TỪ | DIỄN GIẢI                                 | TÀI KHOẢN | TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG | PHÁT SINH NỢ | PHÁT SINH CÓ |
|-----------------|---------------|-------------|-------------------------------------------|-----------|-------------------|--------------|--------------|
|                 |               |             | SỐ DƯ ĐẦU KÌ                              |           |                   |              |              |
|                 |               |             | ...                                       |           |                   |              |              |
| 31/10/2025      | 31/10/2025    | NVK00015    | Hạch toán lương bộ phận bán hàng tháng 10 | 6421      | 334               | 7.130.000    | 0            |
| 30/11/2025      | 30/11/2025    | NVK00016    | Hạch toán lương bộ phận bán hàng tháng 11 | 6421      | 334               | 7.130.000    | 0            |
| 31/12/2025      | 31/12/2025    | NVK00017    | Hạch toán lương bộ phận bán hàng tháng 12 | 6421      | 334               | 7.130.000    | 0            |
| 31/12/2025      | 31/12/2025    | NVK00030    | Kết chuyển chi phí bán hàng               | 6421      | 911               | 0            | 85.560.000   |
|                 |               |             | CỘNG                                      | 6421      |                   | 85.560.000   | 85.560.000   |
|                 |               |             | SỐ DƯ CUỐI KỲ                             | 6421      |                   |              |              |

**Hình 27. Trích sổ chi tiết TK 6421**

**Nghiệp vụ 1:** Lương và các khoản trích theo lương.

Dựa vào bảng chấm công tháng 12 và bảng thanh toán lương tháng 12 trong hình 24 và hình 25, kế toán hạch toán các khoản lương và trích theo lương cho nhân viên bộ phận văn phòng tháng 12 với số tiền lương là 16.260.000 Đồng và tổng số tiền các khoản trích theo lương của nhân viên Nguyễn Anh Phương là 967.500 Đồng.

| Số TT | Họ và Tên                  | Chức vụ            | Ngày công | Tổng thu nhập     | Lương đóng BH    | Khoản trích tính vào chi phí | Các khoản phải trừ |           |          | Tổng cộng      | Còn lĩnh          |
|-------|----------------------------|--------------------|-----------|-------------------|------------------|------------------------------|--------------------|-----------|----------|----------------|-------------------|
|       |                            |                    |           |                   |                  | BHXH (21,5%)                 | BHXH (10,5%)       | Thuế TNCN | Tạm ứng  |                |                   |
| 1     | 2                          | 3                  | 5         | 7                 |                  | 10                           | 15                 |           | 16       | 17             | 7                 |
|       | <b>A Bộ phận văn phòng</b> |                    | <b>54</b> | <b>16.260.000</b> | <b>4.500.000</b> | <b>967.500</b>               | <b>472.500</b>     | <b>-</b>  | <b>-</b> | <b>472.500</b> | <b>15.787.500</b> |
| 1     | Huỳnh Thanh An             | Giám đốc           | 27        | 9.530.000         |                  |                              |                    |           |          | -              | 9.530.000         |
| 2     | Nguyễn Anh Phương          | Kế toán            | 27        | 6.730.000         | 4.500.000        | 967.500                      | 472.500            |           |          | 472.500        | 6.257.500         |
|       | <b>B Bộ phận bán hàng</b>  |                    | <b>27</b> | <b>7.130.000</b>  |                  | <b>-</b>                     | <b>-</b>           | <b>-</b>  | <b>-</b> | <b>-</b>       | <b>7.130.000</b>  |
| 3     | Ngô Thị Bắc                | Nhân viên bán hàng | 27        | 7.130.000         |                  |                              |                    |           |          | -              | 7.130.000         |
|       | <b>Tổng</b>                |                    | <b>81</b> | <b>23.390.000</b> | <b>4.500.000</b> | <b>967.500</b>               | <b>472.500</b>     | <b>-</b>  | <b>-</b> | <b>472.500</b> | <b>22.917.500</b> |

**Hình 28. Trích bảng chi tiết các khoản trích theo lương Tháng 12**

**Chứng từ nghiệp vụ khác**

**Thông tin chung:**

|                |                          |
|----------------|--------------------------|
| Diễn giải      | Hạch toán lương tháng 12 |
| Hạn thanh toán |                          |
| Tham chiếu     |                          |

**Chứng từ:**

|                |            |
|----------------|------------|
| Ngày hạch toán | 31/12/2025 |
| Ngày chứng từ  | 31/12/2025 |
| Số chứng từ    | NVK00017   |

**1. Hạch toán    2. Thuế**

| Diễn giải                            | TK Nợ | TK Có | Số tiền           | Nghiệp vụ | Đối tượng No |
|--------------------------------------|-------|-------|-------------------|-----------|--------------|
| Hạch toán lương bộ phận văn phòng th | 6422  | 334   | 16.260.000        |           |              |
| Hạch toán lương bộ phận bán hàng thá | 6421  | 334   | 7.130.000         |           |              |
| <b>Số dòng = 2</b>                   |       |       | <b>23.390.000</b> |           |              |

**Hình 29. Chứng từ nghiệp vụ khác hạch toán lương tháng 12 của bộ phận văn phòng.**

Chứng từ nghiệp vụ khác - CÔNG TY TNHH TM&DV AN ĐỒNG THỊNH MT

Trước Sau Thêm Sửa Sửa nhanh Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Nạp Tiện ích Mẫu In Góp ý Giúp Đóng

### Chứng từ nghiệp vụ khác

**Thông tin chung**

Diễn giải: Hạch toán BHXH tháng 12

Hạn thanh toán:

Tham chiếu:

**Chứng từ**

Ngày hạch toán: 03/12/2025

Ngày chứng từ: 03/12/2025

Số chứng từ: NVK00029

| Diễn giải                 | TK Nợ | TK Có | Số tiền   | Nghiệp vụ | Đối tượng Nợ |
|---------------------------|-------|-------|-----------|-----------|--------------|
| BHXH tính vào chi phí     | 6422  | 3383  | 967.500   |           |              |
| trích lương tham gia BHXH | 334   | 3383  | 472.500   |           |              |
|                           |       |       |           |           |              |
|                           |       |       |           |           |              |
|                           |       |       |           |           |              |
|                           |       |       |           |           |              |
|                           |       |       |           |           |              |
|                           |       |       |           |           |              |
|                           |       |       |           |           |              |
|                           |       |       |           |           |              |
| Số dòng = 2               |       |       | 1.440.000 |           |              |

**Hình 30. Chứng từ nghiệp vụ khác hạch toán các khoản trích theo lương tháng 12 của nhân viên Nguyễn Anh Phương**

**Nghiệp vụ 2:** Chi phí mua đồ dùng văn phòng.

Ngày 28/08/2025 công ty mua hàng hóa của chi nhánh Công ty cổ phần thế giới di động theo hóa đơn ký hiệu K25TDD số 544171 với số tiền 175.926 Đồng chưa bao gồm VAT 8%.



Mẫu số 1  
Ký hiệu: K25TDD  
Số: 544171

## HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 28 tháng 08 năm 2025

Tên người bán: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI DI ĐỘNG

Mã số thuế: 0303217354-005

Mã cửa hàng:

Tên cửa hàng:

Địa chỉ: 320 - 322 Lê Duẩn, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 1900232461

Số tài khoản:

Tên người mua: CÔNG TY TNHH TM&DV AN ĐỒNG THỊNH MT

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0401840976

Mã ĐVCQHVNSNN:

CCCD người mua:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ: Lô 46, B2-19 Khu đô thị Phước Lý, Phường Hoà Khánh, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: CK/TM/Cán trừ công nợ

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

| STT | Tính chất         | Loại hàng hoá đặc trưng | Tên hàng hóa, dịch vụ               | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Chiết khấu | Thuế suất | Thành tiền chưa có thuế GTGT |
|-----|-------------------|-------------------------|-------------------------------------|-------------|----------|---------|------------|-----------|------------------------------|
| 1   | Hàng hóa, dịch vụ |                         | Chuột Có Dây Silent Rapoo N1200 Đen | Cái         | 2        | 87.963  |            | 8%        | 175.926                      |

| STT | Tên loại phí | Tiền phí |
|-----|--------------|----------|
| 1   |              |          |

| Thuế suất | Tổng tiền chưa thuế | Tổng tiền thuế |
|-----------|---------------------|----------------|
| 8%        | 175.926             | 14.074         |

|                                                            |                                    |
|------------------------------------------------------------|------------------------------------|
| Tổng tiền chưa thuế<br>(Tổng cộng thành tiền chưa có thuế) | 175.926                            |
| Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)                       | 14.074                             |
| Tổng tiền phí                                              |                                    |
| Tổng tiền chiết khấu thương mại                            |                                    |
| Tổng tiền thanh toán bằng số                               | 190.000                            |
| Tổng tiền thanh toán bằng chữ                              | Một trăm chín mươi nghìn đồng chẵn |

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi CHI NHÁNH CÔNG TY  
CỔ PHẦN THẾ GIỚI DI ĐỘNG  
Ký ngày: 2025-08-28 09:43:52

Hình 31. Trích hóa đơn GTGT số 544171

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT, kế toán nhập chứng từ mua hàng hóa vào phần mềm kế toán MISA dựa trên các thông tin ghi trên hóa đơn GTGT.

Mua hàng trong nước không qua kho - Tiền mặt - CÔNG TY TNHH TM&DV AN ĐỒNG THINH MT

← Trước

Sau →

Thêm

Sửa

Sửa nhanh

Cắt

Xóa

Hoàn

Bỏ ghi

Nhận HĐ

Nạp

Tiện ích

Mẫu

In

Góp ý

Giúp

Đóng

Chứng từ mua hàng

2. Mua hàng trong nước không qua kho

☐ Chưa thanh toán

☒ Thanh toán ngay

Tiền mặt

Nhận kèm hóa đơn

ĐĂNG NHẬN HÓA ĐƠN

KT tình trạng hoạt động

Phiếu chỉ

Hóa đơn

Thông tin chung

Nhà cung cấp

DIỆN MÁY XANH

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

Người nhận

Địa chỉ

320 - 322 Lê Duẩn, Phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng, Việt Nam.

Lý do chi

Chi tiền mua hàng CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH theo hóa đơn 544171

NV mua hàng

Kèm theo

chứng từ gốc

Tham chiếu

Chứng từ

Ngày hạch toán

28/08/2025

Ngày chứng từ

28/08/2025

Số chứng từ

PC00002

1. Hàng tiền

2. Thuế

3. Thống kê

4. Chi phí

| Mã hàng             | Tên hàng                            | TK chi phí | TK tiền          | ĐVT     | Số lượng | Đơn giá   | Thành tiền | Tỷ |
|---------------------|-------------------------------------|------------|------------------|---------|----------|-----------|------------|----|
| VT00033             | Chuột Có Dây Silent Rapoo N1200 Đen | 6422       | 1111             | Cái     | 2.00     | 87.963,00 | 175.926    |    |
| Số dòng = 1         |                                     |            |                  |         | 2.00     |           | 175.926    |    |
| Phân bổ chiết khấu: | Tổng tiền hàng                      | 175.926    | Tiền thuế GTGT   | 14.074  |          |           |            |    |
| Xem công nợ         | Tiền chiết khấu                     | 0          | Chi phí mua hàng | 0       |          |           |            |    |
|                     | Tổng tiền thanh toán                | 190.000    | Tổng giá trị     | 175.926 |          |           |            |    |

**Hình 32. Phiếu chi mua hàng tại phần mềm misa**

Mua hàng trong nước không qua kho - Tiền mặt - CÔNG TY TNHH TM&DV AN ĐỒNG THỊNH MT

**Chứng từ mua hàng**

2. Mua hàng trong nước không qua kho

☐ Chưa thanh toán ☒ Thanh toán ngay

Tiền mặt Nhận kèm hóa đơn

**ĐÃ NHẬN HÓA ĐƠN**

Phiếu chỉ **Hóa đơn** KT tình trạng hoạt động

**Thông tin chung**

Nhà cung cấp ĐIỆN MÁY XANH CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

Địa chỉ 320 - 322 Lê Duẩn, Phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam.

Mã số thuế 0303217354-005

Tham chiếu

**Hóa đơn**

Mẫu số HD

Ký hiệu HD

Số hóa đơn 544171

Ngày hóa đơn 28/08/2025

| Mã hàng            | Tên hàng                            | TK chi phí | TK tiền | ĐVT | Số lượng    | Đơn giá   | Thành tiền     |
|--------------------|-------------------------------------|------------|---------|-----|-------------|-----------|----------------|
| VT00033            | Chuột Có Dây Silent Rapoo N1200 Đen | 6422       | 1111    | Cái | 2,00        | 87.963,00 | 175.926        |
|                    |                                     |            |         |     |             |           |                |
|                    |                                     |            |         |     |             |           |                |
|                    |                                     |            |         |     |             |           |                |
| <b>Số dòng = 1</b> |                                     |            |         |     | <b>2,00</b> |           | <b>175.926</b> |

Phân bố chiết khấu. Xem công nợ

|  | Tổng tiền hàng       | Tiền thuế GTGT   |
|--|----------------------|------------------|
|  | 175.926              | 14.074           |
|  | Tiền chiết khấu      | Chi phí mua hàng |
|  | 0                    | 0                |
|  | Tổng tiền thanh toán | Tổng giá trị     |
|  | 190.000              | 175.926          |

**Hình 33. Hóa đơn mua hàng hóa**

- Sau khi nhập liệu, hệ thống sẽ tự động cập nhật số liệu vào các sổ có liên quan theo trình tự, bao gồm:

## SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

**Tài khoản: 6422; Năm 2025**

| NGÀY HOẠCH TOÁN | NGÀY CHỨNG TỪ | SỐ CHỨNG TỪ | DIỄN GIẢI                                                              | TÀI KHOẢN | TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG | PHÁT SINH NỢ       | PHÁT SINH CÓ       |
|-----------------|---------------|-------------|------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------|--------------------|--------------------|
|                 |               |             | SỐ DƯ ĐẦU KỲ                                                           |           |                   |                    |                    |
|                 |               |             | ...                                                                    |           |                   |                    |                    |
| 20/08/2025      | 20/08/2025    | MDV00073    | THU PHI DV CHUYEN TIEN NHT MON 90.287.758D MIN 11.000D NGAY 20.08.2025 | 6422      | 331               | 10.000             | Nghiep vu 2        |
| 28/08/2025      | 28/08/2025    | PC00002     | Chuột Có Dây Silent Rapoo N1200 Đen                                    | 6422      | 1111              | 175.926            | 0                  |
| 31/08/2025      | 31/08/2025    | NVK00013    | Hạch toán lương bộ phận văn phòng tháng 8                              | 6422      | 334               | 16.260.000         | 0                  |
| 02/09/2025      | 02/09/2025    | UNC00075    | phí dịch vụ SMS                                                        | 6422      | 1121              | 22.000             | 0                  |
|                 |               |             | ...                                                                    |           |                   |                    |                    |
| 02/12/2025      | 02/12/2025    | UNC00104    | phí dịch vụ SMS                                                        | 6422      | 1121              |                    | Nghiep vu 1 0      |
| 03/12/2025      | 03/12/2025    | NVK00029    | BHXX tính vào chi phí                                                  | 6422      | 3383              | 967.500            | 0                  |
| 15/12/2025      | 15/12/2025    | UNC00107    | phí dịch vụ chuyển tiền nhanh                                          | 6422      | 1121              | 22.000             | 0                  |
|                 |               |             | ...                                                                    |           |                   |                    |                    |
| 30/12/2025      | 30/12/2025    | UNC00119    | phí dịch vụ chuyển tiền                                                | 6422      | 1121              |                    | Nghiep vu 1 0      |
| 31/12/2025      | 31/12/2025    | NVK00017    | Hạch toán lương bộ phận văn phòng tháng 12                             | 6422      | 334               | 16.260.000         | 0                  |
| 31/12/2025      | 31/12/2025    | PBCC00001   | Phân bổ chi phí CCDC tháng 12 năm 2025                                 | 6422      | 242               | 333.333            | 0                  |
| 31/12/2025      | 31/12/2025    | NVK00030    | Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp                                | 6422      | 911               | 0                  | 230.667.065        |
|                 |               |             | <b>CỘNG</b>                                                            | 6422      |                   | <b>230.667.065</b> | <b>230.667.065</b> |
|                 |               |             | SỐ DƯ CUỐI KỲ                                                          | 6422      |                   |                    |                    |

**Hình 34. Trích sổ chi tiết TK 6422**

- Các nghiệp vụ phát sinh của TK 6421 và TK 6422 được ghi vào sổ nhật ký chung theo quy trình kế toán.

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG NĂM 2025

| Ngày hạch toán    | Ngày chứng từ | Số chứng từ   | Diễn giải                                                                            | Tài khoản | TK đối ứng | Phát sinh Nợ   | Phát sinh Có   |
|-------------------|---------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------|----------------|----------------|
|                   |               |               | ...                                                                                  |           |            |                |                |
|                   |               |               |                                                                                      |           |            |                | Nghiep vu 2    |
| 28/08/2025        | 28/08/2025    | PC00002       | Chi tiền mua hàng CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH theo hóa đơn 544171 | 6422      | 1111       | 175.926        | 0              |
| 28/08/2025        | 28/08/2025    | PC00002       | Chi tiền mua hàng CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH theo hóa đơn 544171 | 1111      | 6422       | 0              | 175.926        |
| 28/08/2025        | 28/08/2025    | PC00002       | Chi tiền mua hàng CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH theo hóa đơn 544171 | 1331      | 1111       | 14.074         | 0              |
| 28/08/2025        | 28/08/2025    | PC00002       | Chi tiền mua hàng CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH theo hóa đơn 544171 | 1111      | 1331       | 0              | 14.074         |
| 29/08/2025        | 29/08/2025    | NTTK0005<br>1 | Thu tiền của CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MINH SƠN LONG theo hóa đơn 45               | 1121      | 131        | 28.979.738     | 0              |
|                   |               |               | ...                                                                                  |           |            |                | Nghiep vu 1    |
| 03/12/2025        | 03/12/2025    | NVK00029      | Hạch toán BHXH tháng 12                                                              | 6422      | 3383       | 967.500        | 0              |
| 03/12/2025        | 03/12/2025    | NVK00029      | Hạch toán BHXH tháng 12                                                              | 3383      | 6422       | 0              | 967.500        |
|                   |               |               | ...                                                                                  |           |            |                |                |
| 31/12/2025        | 31/12/2025    | NVK00017      | Hạch toán lương tháng 12                                                             | 6422      | 334        | 16.260.000     | 0              |
| 31/12/2025        | 31/12/2025    | NVK00017      | Hạch toán lương tháng 12                                                             | 334       | 6422       | 0              | 16.260.000     |
| 31/12/2025        | 31/12/2025    | NVK00017      | Hạch toán lương tháng 12                                                             | 6421      | 334        | 7.130.000      | 0              |
| 31/12/2025        | 31/12/2025    | NVK00017      | Hạch toán lương tháng 12                                                             | 334       | 6421       | 0              | 7.130.000      |
|                   |               |               | ...                                                                                  |           |            |                |                |
| Số dòng =<br>1776 |               |               |                                                                                      |           |            | 17.445.757.785 | 17.445.757.785 |

**Hình 35. Trích sổ Nhật ký chung**

- Kế toán thực hiện công tác kết chuyển số liệu từ TK 6421 và TK 6422, hệ thống tự động tổng hợp số liệu lên sổ cái TK 642

**SỔ CÁI**  
**NĂM 2025**

**Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý kinh doanh**

| NGÀY,<br>THÁNG<br>GHI SỔ | CHỨNG TỪ |                | DIỄN GIẢI                                                                            | NHẬT KÝ<br>CHUNG |     | SỐ<br>HIỆU<br>TK<br>ĐỐI<br>ỨNG | SỐ TIỀN     |             |
|--------------------------|----------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----|--------------------------------|-------------|-------------|
|                          | SỐ HIỆU  | NGÀY,<br>THÁNG |                                                                                      | SỐ               | STT |                                | NỢ          | CÓ          |
|                          |          |                | <b>SỐ DƯ ĐẦU KỲ</b>                                                                  |                  |     |                                |             |             |
|                          |          |                | <b>SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ</b>                                                         |                  |     |                                |             |             |
|                          |          |                | ...                                                                                  |                  |     |                                |             |             |
| 20/08/2025               | MDV00073 | 20/08/2025     | Mua dịch vụ của NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN                     |                  |     | 331                            |             |             |
|                          |          |                |                                                                                      |                  |     |                                |             |             |
| 28/08/2025               | PC00002  | 28/08/2025     | Chi tiền mua hàng CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH theo hóa đơn 544171 |                  |     | 1111                           | 175.926     |             |
| 31/08/2025               | NVK00013 | 31/08/2025     | Hạch toán lương tháng 8                                                              |                  |     | 334                            |             |             |
|                          |          |                | ...                                                                                  |                  |     |                                |             |             |
| 3/12/2025                | NVK00029 | 3/12/2025      | Hạch toán BHXH tháng 12                                                              |                  |     | 3383                           | 967.500     |             |
|                          |          |                | ...                                                                                  |                  |     |                                |             |             |
| 31/12/2025               | PBCC0001 | 31/12/2025     | Phân bổ chi phí CCDC tháng 12 năm 2025                                               |                  |     | 242                            | 333.333     |             |
| 31/12/2025               | NVK00017 | 31/12/2025     | Hạch toán lương tháng 12                                                             |                  |     | 334                            | 23.390.000  |             |
| 31/12/2025               | NVK00030 | 31/12/2025     | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025                                                |                  |     | 911                            |             | 316.227.065 |
|                          |          |                | <b>CỘNG SỐ PHÁT SINH</b>                                                             |                  |     |                                | 316.227.065 | 316.227.065 |
|                          |          |                | <b>SỐ DƯ CUỐI KỲ</b>                                                                 |                  |     |                                |             |             |
|                          |          |                | <b>CỘNG LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM</b>                                                        |                  |     |                                | 316.227.065 | 316.227.065 |

**Hình 36. Trích sổ cái tài khoản 642**

#### **2.2.2.4. Kế toán chi phí khác.**

##### **a. Đặc điểm chi phí khác.**

Tại công ty, các khoản chi phí khác thường là những khoản chi phí nộp chậm thuế và phí lãi vay ngân hàng công ty vay ngoài không sử dụng cho mục đích kinh doanh của công ty. Các khoản chi này không mang tính thường xuyên, thường chỉ phát sinh trong những trường hợp đặc biệt.

##### **b. Chứng từ - Sổ sách - Tài khoản sử dụng.**

###### **+ Chứng từ sử dụng**

- Ủy nhiệm chi
- Phiếu báo nợ/có ngân hàng

###### **+ Sổ sách sử dụng**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK 811
- Sổ cái TK 811

###### **+ Tài khoản sử dụng**

- TK 811: chi phí khác

##### **c. Quy trình hạch toán.**

+ Phát sinh nghĩa vụ: Khi doanh nghiệp phát sinh khoản chậm nộp thuế, cơ quan thuế ban hành thông báo hoặc quyết định xử phạt theo quy định.

+ Tiếp nhận chứng từ: Kế toán tiếp nhận thông báo hoặc quyết định xử phạt từ cơ quan thuế liên quan đến khoản tiền chậm nộp.

+ Kiểm tra và xác định chi phí: Kế toán kiểm tra nội dung, số tiền phải nộp và xác định đây là khoản chi phí khác của doanh nghiệp.

+ Ghi nhận vào sổ kế toán: Căn cứ vào chứng từ đã kiểm tra, kế toán ghi nhận nghiệp vụ vào sổ chi tiết và sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái tài khoản chi phí khác.

##### **d. Nghiệp vụ minh họa.**

Nghiệp vụ: Ngày 21/01/2025 công ty chi tiền nộp chậm thuế Thu nhập doanh nghiệp với số tiền là 1.289.772 Đồng.

CỤC THUẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
CHI CỤC THUẾ KHU VỰC  
THANH KHÊ - LIÊN CHIẾU  
Số: 4796 /TB-CCTKV-KDT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Khê, ngày 21 tháng 01 năm 2025

**THÔNG BÁO**  
**Tiền thuế nợ**

Cơ quan thuế thông báo đến: Công Ty TNHH Tm&dv An Đồng Thịnh Mt  
Mã số thuế: 0401840976  
Địa chỉ nhận thông báo: Lô 46, B2-19 Khu đô thị Phước Lý, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng  
Căn cứ dữ liệu tại cơ quan thuế về tình hình kê khai và nộp thuế vào ngân sách nhà nước, Công Ty TNHH Tm&dv An Đồng Thịnh Mt chưa nộp đủ số tiền thuế nợ như sau:

- Tổng số tiền thuế nợ chưa nộp NSNN là 9.199.851 đồng. Cụ thể như sau:
  - Số tiền thuế và các khoản thu khác tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 7.501.090 đồng;
  - Số tiền chậm nộp tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 1.698.761 đồng (trong đó Tiền chậm nộp tính trên các khoản nợ chưa thanh toán là: 1.559.397 đồng).

**Trong đó số tiền thuế nợ phát sinh trong tháng 12 năm 2024 là: 8.040.081 đồng.** Cụ thể như sau:

- Số tiền thuế và các khoản thu khác phát sinh từ ngày 01 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 6.341.320 đồng;
- Số tiền chậm nộp phát sinh từ ngày 01 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 1.698.761 đồng (trong đó Tiền chậm nộp tính trên các khoản nợ chưa thanh toán là: 1.559.397 đồng);

- Số tiền quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế nợ thuế là: 7.640.454 đồng.

Đề nghị người nộp thuế nộp ngay số tiền nêu tại điểm 1 vào ngân sách nhà nước.

Nếu có vướng mắc, người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế theo địa chỉ: 273-275 Hải Phòng, Tân Chính, Thanh Khê, Đà Nẵng  
Bộ phận liên hệ: Đội Quản lý nợ & Cưỡng chế nợ thuế

**Hình 37. Thông báo của cơ quan thuế**

- Căn cứ vào Thông báo của cơ quan thuế, kế toán lập phiếu ủy nhiệm chi vào phần mềm kế toán MISA.

Ủy nhiệm chi - CÔNG TY TNHH TM&DV AN ĐỒNG THỊNH MT

Thông tin chung

|                |              |                                         |
|----------------|--------------|-----------------------------------------|
| Tài khoản chi  | 000000264090 | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín      |
| Đối tượng      | KBNN         | KHO BẠC NHÀ NƯỚC - LIÊN CHIẾU - ĐÀ NẴNG |
| Địa chỉ        |              |                                         |
| Tài khoản nhận |              |                                         |
| Nội dung TT    | Chi khác     | tiền nộp chậm thuế TNDN                 |
| Nhân viên      |              | Tham                                    |

Chứng từ

|                |            |
|----------------|------------|
| Ngày hạch toán | 21/01/2025 |
| Ngày chứng từ  | 21/01/2025 |
| Số chứng từ    | UNC00017   |

| Diễn giải               | TK Nợ | TK Có | Số tiền   | Nghiệp vụ | Đối tượng | Tên đối tượng    |
|-------------------------|-------|-------|-----------|-----------|-----------|------------------|
| tiền nộp chậm thuế TNDN | 811   | 1121  | 1.289.772 |           | KBNN      | KHO BẠC NHÀ NƯỚC |
|                         |       |       |           |           |           |                  |
|                         |       |       |           |           |           |                  |
|                         |       |       |           |           |           |                  |
|                         |       |       |           |           |           |                  |
|                         |       |       |           |           |           |                  |
|                         |       |       |           |           |           |                  |
|                         |       |       |           |           |           |                  |
|                         |       |       |           |           |           |                  |
|                         |       |       |           |           |           |                  |
| Số dòng = 1             |       |       | 1.289.772 |           |           |                  |

**Hình 38. Phiếu ủy nhiệm chi**

- Sau khi nhập liệu, hệ thống sẽ tự động cập nhật số liệu vào các sổ có liên quan theo trình tự, bao gồm:

### SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 811; Năm 2025

| NGÀY HOẠCH TOÁN | NGÀY CHỨNG TỪ | SỐ CHỨNG TỪ | DIỄN GIẢI                                  | TÀI KHOẢN | TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG | PHÁT SINH NỢ      | PHÁT SINH CÓ      |
|-----------------|---------------|-------------|--------------------------------------------|-----------|-------------------|-------------------|-------------------|
|                 |               |             | SỐ DƯ ĐẦU KÌ                               |           |                   |                   |                   |
| 21/01/2025      | 21/01/2025    | UNC00013    | nộp tiền thuế TNDN đợt ktra thuế           | 811       | 1121              | 6.513.999         | 0                 |
| 21/01/2025      | 21/01/2025    | UNC00015    | tiền nộp chậm thuế gtgt                    | 811       | 1121              | 567.723           | 0                 |
| 21/01/2025      | 21/01/2025    | UNC00017    | tiền nộp chậm thuế TNDN                    | 811       | 1121              | 1.289.772         | 0                 |
| 03/03/2025      | 03/03/2025    | UNC00034    | tiền nộp chậm thuế TNDN                    | 811       | 1121              | 62.479            | 0                 |
|                 |               |             | ...                                        |           |                   |                   |                   |
| 31/12/2025      | 31/12/2025    | NVK00030    | Kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ | 811       | 911               | 0                 | 29.297.436        |
|                 |               |             | <b>CỘNG</b>                                | 811       |                   | <b>29.297.436</b> | <b>29.297.436</b> |
|                 |               |             | <b>SỐ DƯ CUỐI KỲ</b>                       | 811       |                   |                   |                   |

Hình 39. Trích sổ chi tiết TK 811

- Tiếp đó, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ nhật ký chung theo đúng trình tự kế toán

### SỔ NHẬT KÝ CHUNG

NĂM 2025

| Ngày hạch toán | Ngày chứng từ | Số chứng từ | Diễn giải               | Tài khoản | TK đối ứng | Phát sinh Nợ | Phát sinh Có |
|----------------|---------------|-------------|-------------------------|-----------|------------|--------------|--------------|
|                |               |             | ...                     |           |            |              |              |
| 21/01/2025     | 21/01/2025    | UNC00015    | tiền nộp chậm thuế gtgt | 811       | 1121       | 567.723      | 0            |
| 21/01/2025     | 21/01/2025    | UNC00015    | tiền nộp chậm thuế gtgt | 1121      | 811        | 0            | 567.723      |
| 21/01/2025     | 21/01/2025    | UNC00016    | phí dịch vụ chuyển tiền | 6422      | 1121       | 11.000       | 0            |
| 21/01/2025     | 21/01/2025    | UNC00016    | phí dịch vụ chuyển tiền | 1121      | 6422       | 0            | 11.000       |
| 21/01/2025     | 21/01/2025    | UNC00017    | tiền nộp chậm thuế TNDN | 811       | 1121       | 1.289.772    | 0            |

|                |            |          |                               |      |      |                |                |
|----------------|------------|----------|-------------------------------|------|------|----------------|----------------|
| 21/01/2025     | 21/01/2025 | UNC00017 | tiền nộp chậm thuế TNDN       | 1121 | 811  | 0              | 1.289.772      |
| 21/01/2025     | 21/01/2025 | UNC00018 | phí dịch vụ chuyển tiền       | 6422 | 1121 | 11.000         | 0              |
| 21/01/2025     | 21/01/2025 | UNC00018 | phí dịch vụ chuyển tiền       | 1121 | 6422 | 0              | 11.000         |
| 21/01/2025     | 21/01/2025 | UNC00019 | phí dịch vụ chuyển tiền nhanh | 6422 | 1121 | 22.000         | 0              |
|                |            |          | ...                           |      |      |                |                |
| Số dòng = 1776 |            |          |                               |      |      | 17.445.757.785 | 17.445.757.785 |

**Hình 40. Trích sổ Nhật ký chung**

**- Cuối kỳ, kế toán thực hiện công tác kết chuyển số liệu, hệ thống tự động tổng hợp số liệu trên sổ chi tiết các tài khoản liên quan và nhật ký chung để lên sổ cái TK 811**

## SỔ CÁI NĂM 2025

### Tài khoản: 811 – Chi phí khác

| NGÀY,<br>THÁNG<br>GHI SỔ | CHỨNG TỪ |             | DIỄN GIẢI                             | NHẬT KÝ CHUNG |     | SỐ HIỆU TK ĐỐI ỨNG | SỐ TIỀN    |            |
|--------------------------|----------|-------------|---------------------------------------|---------------|-----|--------------------|------------|------------|
|                          | SỐ HIỆU  | NGÀY, THÁNG |                                       | SỐ            | STT |                    | NỢ         | CÓ         |
|                          |          |             | <b>SỐ DƯ ĐẦU KÌ</b>                   |               |     |                    |            |            |
|                          |          |             | <b>SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ</b>          |               |     |                    |            |            |
| 21/01/2025               | UNC00013 | 21/01/2025  | nộp tiền thuế TNDN đợt ktra thuế      |               |     | 1121               | 6.513.999  |            |
| 21/01/2025               | UNC00015 | 21/01/2025  | tiền nộp chậm thuế ggt                |               |     | 1121               | 567.723    |            |
| 21/01/2025               | UNC00017 | 21/01/2025  | tiền nộp chậm thuế TNDN               |               |     | 1121               | 1.289.772  |            |
| 03/03/2025               | UNC00034 | 03/03/2025  | tiền nộp chậm thuế TNDN               |               |     | 1121               | 62.479     |            |
| 03/03/2025               | UNC00036 | 03/03/2025  | tiền nộp chậm thuế ggt                |               |     | 1121               | 137.913    |            |
|                          |          |             | ...                                   |               |     |                    |            |            |
| 31/12/2025               | NVK00030 | 31/12/2025  | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 |               |     | 911                |            | 29.297.436 |
|                          |          |             | <b>CỘNG SỐ PHÁT SINH</b>              |               |     |                    | 29.297.436 | 29.297.436 |
|                          |          |             | <b>SỐ DƯ CUỐI KỲ</b>                  |               |     |                    |            |            |
|                          |          |             | <b>CỘNG LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM</b>         |               |     |                    | 29.297.436 | 29.297.436 |

**Hình 41. Trích sổ cái TK 811**

### **2.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.**

#### **a. Đặc điểm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí mà doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Tại công ty chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để tập hợp chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và cuối kỳ được kết chuyển sang TK 911 để tính lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp.

#### **b. Chứng từ - Sổ sách - Tài khoản sử dụng.**

##### **+ Chứng từ sử dụng**

- Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp
- Chứng từ nghiệp vụ khác

##### **+ Sổ sách sử dụng**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK 821
- Sổ cái TK 821

##### **+ Tài khoản sử dụng**

- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

#### **c. Quy trình hạch toán.**

- + Lập và nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN: Cuối kỳ, doanh nghiệp lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định và thực hiện nộp cho cơ quan thuế.
- + Kiểm tra và xác định chi phí thuế: Kế toán kiểm tra số liệu trên tờ khai, xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cần ghi nhận.
- + Ghi nhận vào sổ kế toán: Căn cứ vào tờ khai và các tài liệu liên quan, kế toán ghi nhận vào sổ chi tiết và sổ Nhật ký chung theo đúng trình tự thời gian. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái tài khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

#### **d. Nghiệp vụ minh họa.**

Nghiệp vụ: Ngày 31/12/2025 công ty ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ với số tiền là 990.124 Đồng.

**TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)**

*(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)*

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: [ ]

tu số 80/2021/TT-BTC,  
ngày 29 tháng 9 năm 2021  
của Bộ trưởng Bộ Tài  
chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G46 - Bán buôn

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH TM&DV AN ĐỒNG THỊNH MT

[07] Mã số thuế: 0401840976

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT      | Chỉ tiêu                                                                                               | Mã chỉ tiêu | Số tiền      |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------|
| (1)      | (2)                                                                                                    | (3)         | (4)          |
| <b>A</b> | <b>Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính</b>                                              | <b>A</b>    |              |
| 1        | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp                                                | A1          | (24.346.817) |
| <b>B</b> | <b>Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp</b>                                | <b>B</b>    |              |
| 1        | Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)                | B1          | 29.297.436   |
| 1.1      | Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu                                                                    | B2          | 0            |
| 1.2      | Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm                                                             | B3          | 0            |
| 1.3      | Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế                                           | B4          | 29.297.436   |
| 1.4      | Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài                                          | B5          | 0            |
| 1.5      | Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết                        | B6          | 0            |
| 1.6      | Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác                                                | B7          | 0            |
| 2        | Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)                    | B8          | 0            |
| 2.1      | Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước                                                    | B9          | 0            |
| 2.2      | Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng                                                             | B10         | 0            |
| 2.3      | Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết | B11         | 0            |
| 2.4      | Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác                                                | B12         | 0            |
| 3        | Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)                                                                 | B13         | 4.950.619    |
| 3.1      | Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh                                                    | B14         | 4.950.619    |
| 3.2      | Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS                                                      | B15         | 0            |
| <b>C</b> | <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>                     |             |              |
| 1        | Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)                                                                          | C1          | 4.950.619    |
| 2        | Thu nhập miễn thuế                                                                                     | C2          | 0            |
|          |                                                                                                        |             | 0            |
|          | Loại thu nhập miễn thuế                                                                                |             |              |
| 3        | Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)                                                               | C3          | 0            |
|          | Trong đó:                                                                                              |             |              |
| 3.1      | + Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ                                                            | C3a         | 0            |
| 3.2      | + Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD                                       | C3b         | 0            |
| 4        | Thu nhập tính thuế (TN TT) (C4=C1-C2-C3)                                                               | C4          | 4.950.619    |
| 5        | Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)                                                              | C5          | 0            |
| 6        | TN TT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)                                     | C6          | 4.950.619    |
|          | Trong đó:                                                                                              |             |              |
| 6.1      | + Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%                                                             | C7          | 4.950.619    |
| 6.2      | + Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác                                             | C8          | 0            |
| 6.3      | + Thuế suất không ưu đãi khác (%)                                                                      | C8a         | 0            |

|          |                                                                                                                                                          |                          |          |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------|
| 7        | Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi( $C9 = (C7 \times 20\%) + (C8 \times C8a)$ )                                                | C9                       | 990.124  |
| 8        | Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN( $C10 = C11 + C12 + C13$ )                                                                                     | C10                      | 0        |
|          | Trong đó:                                                                                                                                                |                          |          |
| 8.1      | + Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi                                                                                                   | C11                      | 0        |
| 8.2      | + Thuế TNDN được miễn trong kỳ                                                                                                                           | C12                      | 0        |
| 8.3      | + Thuế TNDN được giảm trong kỳ                                                                                                                           | C13                      | 0        |
| 9        | Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế                                                                                                            | C14                      | 0        |
| 10       | Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ                                                                                                              | C15                      | 0        |
| 11       | Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế                                                                                            | C16                      | 0        |
| 12       | Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh( $C17 = C9 - C10 - C14 - C15 - C16$ )                                                               | C17                      | 990.124  |
| <b>D</b> | <b>Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS</b>                                                                                                 | <b>D</b>                 |          |
| 1        | Thu nhập chịu thuế ( $D1 = B15$ )                                                                                                                        | D1                       | 0        |
| 2        | Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ                                                                                                   | D2                       | 0        |
| 3        | Thu nhập tính thuế ( $D3 = D1 - D2$ )                                                                                                                    | D3                       | 0        |
| 4        | Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)                                                                                                                | D4                       | 0        |
| 5        | TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ( $D5 = D3 - D4$ )                                                                                      | D5                       | 0        |
| 6        | Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ                                                                                              | D6                       | 0        |
| 7        | Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua | D7                       | 0        |
| 8        | Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này ( $D8 = D6 - D7$ )                                                                         | D8                       | 0        |
| <b>E</b> | <b>Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (<math>E = E1 + E2 + E5</math>)</b>                                                                         | <b>E</b>                 | <b>0</b> |
| 1        | Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh                                                                                                              | E1                       | 0        |
| 2        | Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ( $E2 = E3 + E4$ )                                                                                     | E2                       | 0        |
| 2.1      | Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản                                                                                                        | E3                       | 0        |
| 2.2      | Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ                                                                         | E4                       | 0        |
| 3        | Thuế TNDN nhai nộp khác (nếu có)                                                                                                                         | E5                       | 0        |
| 3.1      | Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ                                                                                            | E6                       | 0        |
| <b>G</b> | <b>Số thuế TNDN đã tạm nộp (<math>G = G1 + G2 + G3 + G4 + G5</math>)</b>                                                                                 | <b>G</b>                 | <b>0</b> |
| 1        | Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh                                                                                                   |                          | 0        |
| 1.1      | Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này                                                                                                           | G1                       | 0        |
| 1.2      | Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm                                                                                                                           | G2                       | 0        |
| 2        | Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS                                                                                                     |                          | 0        |
| 2.1      | Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS                                                                           | G3                       | 0        |
| 2.2      | Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS                                                                                           | G4                       | 0        |
| 2.3      | Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ                        | G5                       | 0        |
| <b>H</b> | <b>Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp</b>                                                                                            | <b>H</b>                 |          |
| 1        | Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ( $H1 = E1 + E5 - G2$ )                               | H1                       | 0        |
| 2        | Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ( $H2 = E3 - G4$ )                                      | H2                       | 0        |
| 3        | Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ( $H3 = E4 - G5$ )        | H3                       | 0        |
| <b>I</b> | <b>Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (<math>I = E - G = I1 + I2</math>)</b>                                          | <b>I</b>                 | <b>0</b> |
| 1        | Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh                                                                                                 | $I1 = E1 + E5 - G1 - G2$ | 0        |
| 2        | Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS                                                                                                   | $I2 = E2 - G3 - G4 - G5$ | 0        |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

**Hình 42. Trích tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp**

- Căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, sau đó kế toán lập phiếu chứng từ nghiệp vụ khác vào phần mềm kế toán MISA dựa trên các thông tin ghi trên tờ khai về thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

**Hình 43. Chứng từ nghiệp vụ khác hạch toán thuế TNDN**

- Sau khi nhập liệu, hệ thống sẽ tự động cập nhật số liệu vào các sổ có liên quan theo trình tự, bao gồm:

## SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

**Tài khoản: 821; Năm 2025**

| NGÀY HOẠCH TOÁN | NGÀY CHỨNG TỪ | SỐ CHỨNG TỪ | DIỄN GIẢI                    | TÀI KHOẢN | TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG | PHÁT SINH NỢ | PHÁT SINH CÓ |
|-----------------|---------------|-------------|------------------------------|-----------|-------------------|--------------|--------------|
|                 |               |             | SỐ DƯ ĐẦU KÌ                 |           |                   |              |              |
| 31/12/2025      | 31/12/2025    | NVK00030    | Kết chuyển chi phí thuế TNDN | 821       | 911               | 0            | 990.124      |
| 31/12/2025      | 31/12/2025    | NVK00031    | Hạch toán thuế TNDN          | 821       | 3334              | 990.124      | 0            |
|                 |               |             | Cộng                         | 821       |                   | 990.124      | 990.124      |
|                 |               |             | Số dư cuối kỳ                | 821       |                   |              |              |

**Hình 44. Trích sổ chi tiết TK 821**

- Tiếp đó, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ nhật ký chung theo đúng trình tự kế toán

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG NĂM 2025

| Ngày<br>hạch toán | Ngày<br>chứng từ | Số chứng<br>từ | Diễn giải                             | Tài<br>khoản | TK đối<br>ứng | Phát sinh Nợ   | Phát sinh Có   |
|-------------------|------------------|----------------|---------------------------------------|--------------|---------------|----------------|----------------|
|                   |                  |                | ...                                   |              |               |                |                |
| 31/12/2025        | 31/12/2025       | NVK00030       | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 | 6422         | 911           | 0              | 230.667.065    |
| 31/12/2025        | 31/12/2025       | NVK00030       | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 | 911          | 811           | 29.297.436     | 0              |
| 31/12/2025        | 31/12/2025       | NVK00030       | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 | 811          | 911           | 0              | 29.297.436     |
| 31/12/2025        | 31/12/2025       | NVK00030       | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 | 911          | 821           | 990.124        | 0              |
| 31/12/2025        | 31/12/2025       | NVK00030       | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 | 821          | 911           | 0              | 990.124        |
| 31/12/2025        | 31/12/2025       | NVK00030       | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 | 4212         | 911           | 25.336.941     | 0              |
| 31/12/2025        | 31/12/2025       | NVK00030       | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 | 911          | 4212          | 0              | 25.336.941     |
|                   |                  |                | ...                                   |              |               |                |                |
| Số dòng =<br>1776 |                  |                |                                       |              |               | 17.445.757.785 | 17.445.757.785 |

**Hình 45. Trích sổ Nhật ký chung**

- Cuối kỳ, kế toán thực hiện công tác kết chuyển số liệu, hệ thống tự động tổng hợp số liệu trên sổ chi tiết các tài khoản liên quan và nhật ký chung để lên sổ cái TK 821

## SỔ CÁI NĂM 2025

### Tài khoản: 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

| NGÀY,<br>THÁNG<br>GHI SỐ | CHỨNG TỪ |                | DIỄN GIẢI                             | NHẬT KÝ CHUNG |             | SỐ<br>HIỆU<br>TK ĐỐI<br>ỨNG | SỐ TIỀN |         |
|--------------------------|----------|----------------|---------------------------------------|---------------|-------------|-----------------------------|---------|---------|
|                          | SỐ HIỆU  | NGÀY,<br>THÁNG |                                       | TRANG<br>SỐ   | STT<br>DÒNG |                             | NỢ      | CÓ      |
|                          |          |                | SỐ DƯ ĐẦU KÌ                          |               |             |                             |         |         |
|                          |          |                | SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ                 |               |             |                             |         |         |
| 31/12/2025               | NVK00030 | 31/12/2025     | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 |               |             | 911                         |         | 990.124 |
| 31/12/2025               | NVK00031 | 31/12/2025     | Hạch toán thuế TNDN                   |               |             | 3334                        | 990.124 |         |
|                          |          |                | CỘNG SỐ PHÁT SINH                     |               |             |                             | 990.124 | 990.124 |

|  |  |  |                           |  |  |  |         |         |
|--|--|--|---------------------------|--|--|--|---------|---------|
|  |  |  | SỐ DƯ CUỐI KỲ             |  |  |  |         |         |
|  |  |  | CỘNG LŨY KẾ<br>TỪ ĐẦU NĂM |  |  |  | 990.124 | 990.124 |

**Hình 46. Trích sổ cái TK 821**

### 2.2.3. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

#### a. Đặc điểm kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Xác định kết quả kinh doanh tại công ty là quá trình tổng hợp doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí phát sinh trong kỳ để xác định doanh nghiệp lãi hay lỗ. Kết quả kinh doanh của công ty bao gồm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, cùng các khoản chi phí như giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí tài chính, chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Cuối kỳ, kế toán thực hiện kết chuyển toàn bộ doanh thu và chi phí sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh. Nếu doanh thu lớn hơn chi phí thì công ty có lãi, ngược lại là lỗ.

#### b. Chứng từ - Sổ sách - Tài khoản sử dụng.

##### + Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

##### + Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết TK 911
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 911
- Báo cáo KQHĐKD

##### + Tài khoản sử dụng

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

#### c. Quy trình hạch toán.

- + Tổng hợp doanh thu: Cuối kỳ, kế toán tập hợp toàn bộ doanh thu phát sinh trong kỳ từ hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính.
- + Tổng hợp chi phí: Kế toán tiến hành tổng hợp các khoản chi phí phát sinh trong kỳ như giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- + Kết chuyển doanh thu và chi phí: Các khoản doanh thu và chi phí được thực hiện kết chuyển theo quy định để phục vụ cho việc xác định kết quả kinh doanh.
- + Đối chiếu và kiểm tra số liệu: Kế toán tiến hành đối chiếu giữa sổ chi tiết và sổ tổng hợp, đảm bảo số liệu chính xác, đầy đủ và thống nhất.

- + Xác định kết quả kinh doanh: Căn cứ vào số liệu đã tổng hợp, kế toán xác định chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí trong kỳ để xác định lãi hoặc lỗ của doanh nghiệp.
- + Lập báo cáo tài chính: Kết quả kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo tài chính, làm cơ sở để thực hiện nghĩa vụ thuế và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.
- + Hoàn thiện và trình bày báo cáo: Toàn bộ số liệu được kiểm tra, hoàn thiện và trình bày theo đúng chế độ kế toán hiện hành, đảm bảo tính trung thực, hợp lý và chính xác trước khi nộp báo cáo tài chính.

*d. Nghiệp vụ minh họa.*

**- Ngày 31/12 kế toán tiến hành kết chuyển toàn bộ các khoản doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.**

| Kết chuyển lãi, lỗ - CÔNG TY TNHH TM&DV AN ĐỒNG THỊNH MT |       |       |               |                            |  |  |
|----------------------------------------------------------|-------|-------|---------------|----------------------------|--|--|
| Thông tin chung                                          |       |       |               | Chứng từ                   |  |  |
| Diễn giải                                                | TK Nợ | TK Có | Số tiền       | Ngày hạch toán: 31/12/2025 |  |  |
| Tham chiếu                                               |       |       |               | Ngày chứng từ: 31/12/2025  |  |  |
|                                                          |       |       |               | Số chứng từ: NVK00030      |  |  |
| <b>1. Hạch toán</b>                                      |       |       |               |                            |  |  |
| Diễn giải                                                | TK Nợ | TK Có | Số tiền       | Mã thống kê                |  |  |
| Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ        | 5111  | 911   | 2.061.966.780 |                            |  |  |
| Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ        | 5113  | 911   | 10.655.556    |                            |  |  |
| Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính                 | 515   | 911   | 477.347       |                            |  |  |
| Kết chuyển giá vốn hàng bán                              | 911   | 632   | 1.751.921.999 |                            |  |  |
| Kết chuyển chi phí bán hàng                              | 911   | 6421  | 85.560.000    |                            |  |  |
| Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp                  | 911   | 6422  | 230.667.065   |                            |  |  |
| Kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ               | 911   | 811   | 29.297.436    |                            |  |  |
| Kết chuyển chi phí thuế TNDN                             | 911   | 821   | 990.124       |                            |  |  |
| Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ         | 4212  | 911   | 25.336.941    |                            |  |  |
| Số dòng = 9                                              |       |       | 4.196.873.248 |                            |  |  |

**Hình 47. Chứng từ nghiệp vụ khác**

**- Sau khi nhập liệu, hệ thống sẽ tự động cập nhật số liệu vào các sổ có liên quan theo trình tự, bao gồm:**

## SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

**Tài khoản: 911; Năm 2025**

| NGÀY HOẠCH TOÁN | NGÀY CHỨNG TỪ | SỐ CHỨNG TỪ | DIỄN GIẢI                                         | TÀI KHOẢN N | TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG | PHÁT SINH NỢ | PHÁT SINH CÓ  |
|-----------------|---------------|-------------|---------------------------------------------------|-------------|-------------------|--------------|---------------|
|                 |               |             | SỐ DƯ ĐẦU KÌ                                      |             |                   |              |               |
| 31/12/2025      | 31/12/2025    | NVK00030    | Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 911         | 5111              | 0            | 2.061.966.780 |
| 31/12/2025      | 31/12/2025    | NVK00030    | Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 911         | 5113              | 0            | 10.655.556    |

|            |            |          |                                                  |     |      |                      |                      |
|------------|------------|----------|--------------------------------------------------|-----|------|----------------------|----------------------|
| 31/12/2025 | 31/12/2025 | NVK00030 | Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính         | 911 | 515  | 0                    | 477.347              |
| 31/12/2025 | 31/12/2025 | NVK00030 | Kết chuyển giá vốn hàng bán                      | 911 | 632  | 1.751.921.999        | 0                    |
| 31/12/2025 | 31/12/2025 | NVK00030 | Kết chuyển chi phí bán hàng                      | 911 | 6421 | 85.560.000           | 0                    |
| 31/12/2025 | 31/12/2025 | NVK00030 | Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp          | 911 | 6422 | 230.667.065          | 0                    |
| 31/12/2025 | 31/12/2025 | NVK00030 | Kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ       | 911 | 811  | 29.297.436           | 0                    |
| 31/12/2025 | 31/12/2025 | NVK00030 | Kết chuyển chi phí thuế TNDN                     | 911 | 821  | 990.124              | 0                    |
| 31/12/2025 | 31/12/2025 | NVK00030 | Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ | 911 | 4212 | 0                    | 25.336.941           |
|            |            |          | <b>CỘNG</b>                                      | 911 |      | <b>2.098.436.624</b> | <b>2.098.436.624</b> |
|            |            |          | <b>SỐ DƯ CUỐI KỲ</b>                             | 911 |      |                      |                      |

**Hình 48. Trích sổ chi tiết TK 911**

**- Tiếp đó, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ nhật ký chung theo đúng trình tự kế toán**

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG NĂM 2025

| Ngày hạch toán | Ngày chứng từ | Số chứng từ | Diễn giải                             | Tài khoản | TK đối ứng | Phát sinh Nợ  | Phát sinh Có  |
|----------------|---------------|-------------|---------------------------------------|-----------|------------|---------------|---------------|
|                |               |             | ...                                   |           |            |               |               |
| 31/12/2025     | 31/12/2025    | PC00024     | Thanh toán lương tháng 12             | 334       | 1111       | 22.917.500    | 0             |
| 31/12/2025     | 31/12/2025    | PC00024     | Thanh toán lương tháng 12             | 1111      | 334        | 0             | 22.917.500    |
| 31/12/2025     | 31/12/2025    | NVK00030    | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 | 5111      | 911        | 2.061.966.780 | 0             |
| 31/12/2025     | 31/12/2025    | NVK00030    | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 | 911       | 5111       | 0             | 2.061.966.780 |
| 31/12/2025     | 31/12/2025    | NVK00030    | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 | 5113      | 911        | 10.655.556    | 0             |
| 31/12/2025     | 31/12/2025    | NVK00030    | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 | 911       | 5113       | 0             | 10.655.556    |
| 31/12/2025     | 31/12/2025    | NVK00030    | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 | 515       | 911        | 477.347       | 0             |
| 31/12/2025     | 31/12/2025    | NVK00030    | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 | 911       | 515        | 0             | 477.347       |
| 31/12/2025     | 31/12/2025    | NVK00030    | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 | 911       | 632        | 1.751.921.999 | 0             |
| 31/12/2025     | 31/12/2025    | NVK00030    | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 | 632       | 911        | 0             | 1.751.921.999 |
| 31/12/2025     | 31/12/2025    | NVK00030    | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 | 911       | 6421       | 85.560.000    | 0             |
| 31/12/2025     | 31/12/2025    | NVK00030    | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 | 6421      | 911        | 0             | 85.560.000    |
| 31/12/2025     | 31/12/2025    | NVK00030    | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 | 911       | 6422       | 230.667.065   | 0             |

|                |            |          |                                       |      |      |                |                |
|----------------|------------|----------|---------------------------------------|------|------|----------------|----------------|
| 31/12/2025     | 31/12/2025 | NVK00030 | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 | 6422 | 911  | 0              | 230.667.065    |
| 31/12/2025     | 31/12/2025 | NVK00030 | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 | 911  | 811  | 29.297.436     | 0              |
| 31/12/2025     | 31/12/2025 | NVK00030 | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 | 811  | 911  | 0              | 29.297.436     |
| 31/12/2025     | 31/12/2025 | NVK00030 | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 | 911  | 821  | 990.124        | 0              |
| 31/12/2025     | 31/12/2025 | NVK00030 | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 | 821  | 911  | 0              | 990.124        |
| 31/12/2025     | 31/12/2025 | NVK00030 | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 | 4212 | 911  | 25.336.941     | 0              |
| 31/12/2025     | 31/12/2025 | NVK00030 | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 | 911  | 4212 | 0              | 25.336.941     |
| Số dòng = 1776 |            |          |                                       |      |      | 17.445.757.785 | 17.445.757.785 |

**Hình 49. Trích sổ Nhật ký chung.**

**- Cuối kỳ, kế toán thực hiện công tác kết chuyển số liệu, hệ thống tự động tổng hợp số liệu trên sổ chi tiết các tài khoản liên quan và nhật ký chung để lên sổ cái TK 911**

## SỔ CÁI NĂM 2025

**Tài khoản: 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

| NGÀY,<br>THÁNG<br>GHI SỔ | CHỨNG TỪ |             | DIỄN GIẢI                             | NHẬT KÝ CHUNG |     | SỐ HIỆU TK ĐỐI ỨNG | SỐ TIỀN       |               |
|--------------------------|----------|-------------|---------------------------------------|---------------|-----|--------------------|---------------|---------------|
|                          | SỐ HIỆU  | NGÀY, THÁNG |                                       | SỐ            | STT |                    | NỢ            | CÓ            |
|                          |          |             | SỐ DƯ ĐẦU KÌ                          |               |     |                    |               |               |
|                          |          |             | SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ                 |               |     |                    |               |               |
| 31/12/2025               | NVK00030 | 31/12/2025  | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 |               |     | 4212               |               | 25.336.941    |
| 31/12/2025               | NVK00030 | 31/12/2025  | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 |               |     | 5111               |               | 2.061.966.780 |
| 31/12/2025               | NVK00030 | 31/12/2025  | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 |               |     | 5113               |               | 10.655.556    |
| 31/12/2025               | NVK00030 | 31/12/2025  | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 |               |     | 515                |               | 477.347       |
| 31/12/2025               | NVK00030 | 31/12/2025  | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 |               |     | 632                | 1.751.921.999 |               |
| 31/12/2025               | NVK00030 | 31/12/2025  | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 |               |     | 6421               | 85.560.000    |               |
| 31/12/2025               | NVK00030 | 31/12/2025  | Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025 |               |     | 6422               | 230.667.065   |               |

|            |          |            |                                             |  |     |               |               |
|------------|----------|------------|---------------------------------------------|--|-----|---------------|---------------|
| 31/12/2025 | NVK00030 | 31/12/2025 | Kết chuyển lãi lỗ<br>đến ngày<br>31/12/2025 |  | 811 | 29.297.436    |               |
| 31/12/2025 | NVK00030 | 31/12/2025 | Kết chuyển lãi lỗ<br>đến ngày<br>31/12/2025 |  | 821 | 990.124       |               |
|            |          |            | CỘNG SỐ PHÁT<br>SINH                        |  |     | 2.098.436.624 | 2.098.436.624 |
|            |          |            | SỐ DƯ CUỐI<br>KỲ                            |  |     |               |               |
|            |          |            | CỘNG LŨY KẾ<br>TỪ ĐẦU NĂM                   |  |     | 2.098.436.624 | 2.098.436.624 |

**Hình 50. Trích sổ cái tài khoản 911**

**- Cuối cùng, số liệu từ các sổ kế toán được tổng hợp để lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ**

**PHỤ LỤC**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**Năm 2025**

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH TM&DV AN ĐỒNG THỊNH MT

[03] Mã số thuế: 0401840976

Mẫu số: **B02 - DNN**  
(Ban hành theo Thông  
tư số 133/2016/TT-BTC  
ngày 26/8/2016 của Bộ  
Tài chính)

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU                                                            | Mã số | Thuyết minh | Năm nay       | Năm trước     |
|---------------------------------------------------------------------|-------|-------------|---------------|---------------|
| 1                                                                   | 2     | 3           | 4             | 5             |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                           | 01    | VI.1        | 2.072.622.336 | 1.907.753.227 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                                     | 02    | VI.2        | 0             | 0             |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)      | 10    |             | 2.072.622.336 | 1.907.753.227 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                                 | 11    | VI.3        | 1.751.921.999 | 1.642.523.290 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)         | 20    |             | 320.700.337   | 265.229.937   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                                    | 21    | VI.4        | 477.347       | 284.188       |
| 7. Chi phí tài chính                                                | 22    | VI.5        | 0             | 0             |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay                                         | 23    |             | 0             | 0             |
| 8. Chi phí quản lý kinh doanh                                       | 24    | VI.6        | 316.227.065   | 365.620.931   |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24) | 30    |             | 4.950.619     | (100.106.806) |
| 10. Thu nhập khác                                                   | 31    | VI.7        | 0             | 0             |
| 11. Chi phí khác                                                    | 32    | VI.8        | 29.297.436    | 1.036         |
| 12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)                                   | 40    |             | (29.297.436)  | (1.036)       |
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)                | 50    |             | (24.346.817)  | (100.107.842) |
| 14. Chi phí thuế TNDN                                               | 51    | VI.9        | 990.124       | 0             |
| 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)           | 60    |             | (25.336.941)  | (100.107.842) |

**Hình 51. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh**

### **CHƯƠNG III**

## **NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM&DV AN ĐỒNG THỊNH MT**

### **3.1. Nhận xét về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT.**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh luôn chú trọng đến công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm phản ánh chính xác tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

#### **3.1.1. Ưu điểm.**

##### **- Về bộ máy kế toán:**

- + Công ty tổ chức bộ máy kế toán tương đối gọn nhẹ, phù hợp với quy mô hoạt động của doanh nghiệp.
- + Các nhân viên kế toán được phân công công việc cụ thể, giúp nâng cao hiệu quả xử lý công việc.
- + Đội ngũ kế toán có tinh thần trách nhiệm và phối hợp tương đối tốt trong quá trình làm việc.
- + Công ty sử dụng phần mềm kế toán MISA hỗ trợ cho việc ghi chép, tổng hợp và xử lý số liệu nhanh chóng, góp phần hạn chế sai sót trong quá trình hạch toán.

##### **- Về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:**

- + Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty được tổ chức tương đối đầy đủ, khoa học và phù hợp với đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp thương mại – dịch vụ
- + Hệ thống chứng từ, sổ sách và tài khoản kế toán được công ty sử dụng tương đối đầy đủ và phù hợp với quy định của chế độ kế toán hiện hành. Các nghiệp vụ phát sinh đều được phản ánh thông qua những chứng từ hợp lệ như hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho, phiếu thu, bảng kê hàng hóa – dịch vụ, sao kê ngân hàng,... trước khi tiến hành ghi nhận vào sổ kế toán. Đồng thời, công ty sử dụng hệ thống tài khoản chi tiết và việc mở tài khoản chi tiết giúp kế toán dễ dàng theo dõi từng khoản doanh thu, chi phí phát sinh, từ đó phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý và phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- + Bên cạnh đó, quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán kế toán tại công ty được thực hiện tương đối chặt chẽ và hợp lý. Đối với hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, các bước từ tiếp nhận nhu cầu khách hàng, lập chứng từ, xuất hóa đơn, ghi sổ kế toán đến lưu trữ chứng từ đều được thực hiện rõ ràng, đảm bảo tính đầy đủ và chính xác của thông tin kế toán. Đặc biệt, mặc dù hàng hóa được giao trực tiếp từ nhà cung cấp đến khách hàng, doanh nghiệp vẫn thực hiện theo dõi nhập – xuất hàng hóa trên

phần mềm kế toán nhằm đảm bảo kiểm soát tốt số lượng và giá trị hàng hóa phát sinh trong kỳ. Điều này cho thấy công ty có sự chú trọng trong công tác quản lý hàng hóa và kiểm soát số liệu kế toán.

+ Đối với công tác kế toán giá vốn hàng bán và chi phí quản lý kinh doanh, doanh nghiệp thực hiện ghi nhận trên cơ sở các chứng từ hợp lệ và có sự kiểm tra, đối chiếu trước khi hạch toán. Công ty áp dụng phương pháp bình quân cuối kỳ để tính giá xuất kho, phù hợp với đặc điểm kinh doanh thương mại của doanh nghiệp. Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đều được tập hợp và theo dõi riêng biệt theo từng nội dung chi phí phát sinh. Điều này giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt các khoản chi phí trong quá trình hoạt động kinh doanh và tạo cơ sở cho việc xác định kết quả kinh doanh được chính xác.

+ Công tác xác định kết quả kinh doanh tại công ty được thực hiện theo đúng trình tự kế toán. Cuối kỳ, kế toán tiến hành tổng hợp doanh thu, chi phí và thực hiện kết chuyển toàn bộ sang TK 911 để xác định lãi hoặc lỗ của doanh nghiệp. Các số liệu trước khi lập báo cáo tài chính đều được kiểm tra và đối chiếu giữa sổ chi tiết với sổ tổng hợp nhằm đảm bảo tính trung thực, hợp lý và chính xác của thông tin kế toán. Qua đó cho thấy công ty đã tổ chức tương đối tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, đáp ứng yêu cầu quản lý cũng như cung cấp thông tin phục vụ cho việc đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

### **3.1.2. Hạn chế.**

- Mặc dù công ty đã tổ chức tương đối tốt công tác kế toán doanh thu, tuy nhiên việc theo dõi giá vốn hiện nay chủ yếu tập trung vào hoạt động bán hàng hóa, trong khi đối với hoạt động cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp chưa thực hiện tập hợp và phân bổ riêng giá vốn dịch vụ phát sinh trong kỳ. Điều này làm cho chi phí thực tế của hoạt động dịch vụ chưa được phản ánh đầy đủ, từ đó ảnh hưởng đến độ chính xác trong việc xác định kết quả kinh doanh của từng lĩnh vực hoạt động cũng như gây khó khăn trong công tác phân tích hiệu quả kinh doanh.

### **3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT.**

*- Một số ý kiến nhằm hoàn thiện giá vốn cung cấp dịch vụ:*

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ, công ty hiện chưa thực hiện tập hợp riêng các khoản chi phí trực tiếp để xác định giá vốn dịch vụ phát sinh trong kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là do hoạt động dịch vụ tại công ty có quy mô nhỏ, phần lớn hoạt động cung cấp dịch vụ và hỗ trợ khách hàng sử dụng phần mềm kế toán do giám đốc trực tiếp thực hiện. Do đó, các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ hiện chưa được theo dõi và tập hợp riêng để xác định giá vốn dịch vụ.

Để phản ánh đầy đủ chi phí thực tế phát sinh của hoạt động cung cấp dịch vụ và xác định chính xác kết quả kinh doanh, công ty nên thực hiện tập hợp riêng các khoản chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ vào TK 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang. Việc tập hợp và theo dõi riêng các khoản chi phí này sẽ giúp doanh nghiệp xác định chính xác giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong kỳ, đồng thời làm cơ sở để kết chuyển sang TK 632 – Giá vốn hàng bán khi dịch vụ hoàn thành và được ghi nhận doanh thu.

***\*Bảng đề xuất hoàn thiện công tác kế toán giá vốn dịch vụ tại doanh nghiệp***

| <b>Khoản mục chi phí phát sinh</b>                                                                                | <b>Thực trạng hạch toán tại doanh nghiệp</b>                                                                      | <b>Đề xuất hoàn thiện</b>                                                                                                                                                                                     |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Chi phí tiền lương của Giám đốc trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ.<br>( Phân bổ )                             | - Được hạch toán vào TK 6422:<br>Nợ TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp<br>Có TK 334 – Phải trả người lao động | - Hạch toán vào TK 154:<br>Nợ TK 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang<br>Có TK 334 – Phải trả người lao động                                                                                            |
| - Chi phí phần mềm phục vụ trực tiếp hoạt động hướng dẫn, đào tạo.                                                | Chưa phát sinh trong năm nghiên cứu do tài sản đã được khấu hao hết.                                              | - Hạch toán vào TK 154:<br>Nợ TK 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang<br>Có TK 111, 112, 331,...                                                                                                        |
| - Chi phí văn phòng phẩm, tài liệu, giấy in, mực in sử dụng trực tiếp cho hoạt động cung cấp dịch vụ. ( Phân bổ ) | Chưa được theo dõi riêng cho từng hoạt động dịch vụ.                                                              | - Hạch toán vào TK 154:<br>Nợ TK 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang<br>Có TK 111, 112, 152, 331,...                                                                                                   |
| <b>Xác định giá vốn dịch vụ</b>                                                                                   | Doanh nghiệp chưa xác định giá vốn dịch vụ                                                                        | - Thực hiện tập hợp chi phí trên TK 154 và kết chuyển sang TK 632 khi dịch vụ hoàn thành nhằm xác định chính xác giá vốn:<br>Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán<br>Có TK 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang |

## KẾT LUẬN

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Qua quá trình nghiên cứu tại Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT, có thể thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty cơ bản đã tuân thủ các quy định hiện hành và đáp ứng yêu cầu quản lý. Tuy nhiên, công ty vẫn còn một số hạn chế như chưa tập hợp riêng các khoản chi phí liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ để xác định giá vốn dịch vụ phát sinh trong kỳ.

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng, khóa luận đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, góp phần nâng cao chất lượng thông tin kế toán và hiệu quả quản lý tài chính.

Do thời gian thực tập và kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của quý Thầy, Cô để đề tài được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn cô Lê Thị Cẩm Giang đã tận tình hướng dẫn trong suốt quá trình thực hiện khóa luận. Đồng thời, em xin gửi lời cảm ơn đến Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT đã tạo điều kiện thuận lợi cho em trong thời gian thực tập và thu thập số liệu. Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn quý Thầy, Cô Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã truyền đạt những kiến thức quý báu trong suốt quá trình học tập.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- 1. Bộ Tài chính (2016), Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hà Nội.**
- 2. Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT (2025), Báo cáo tài chính năm 2025.**
- 3. Giáo trình Kế toán tài chính, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.**
- 4. Các tài liệu khác trên Internet**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC  
ĐÀ NẴNG  
KHOA KINH TẾ  
BỘ MÔN ..... KẾ TOÁN .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2026

## MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm

Tôi, ..... Nguyễn Thị Cẩm Linh ....., cam đoan rằng tôi đã sử dụng có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình chuẩn bị Khoá luận này.

Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

### 1. Khai báo sử dụng AI

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- ☒ Có, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
- ☐ Không, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

### 2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

- Các công cụ AI đã sử dụng:

Chat GPT  
Gemini

- Mục đích sử dụng AI (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):

Kiểm tra, sửa lỗi chính tả, tóm tắt nội dung và dẫn dắt  
nội dung lại cho dễ hiểu và chuyên nghiệp

- Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:

Sửa lỗi chính tả khoá luận  
Hệ thống dẫn dắt lại phần nội dung trong khoá luận

- Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.

☒ Có

### 3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.
- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.
- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.
- Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

**Cam kết**

- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khoá luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký:                     2<sup>th</sup>                     Ngày:                     01/06/2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP

### 1. Thông tin chung

- Họ tên sinh viên: Nguyễn Thị Cẩm Linh
- Trường: Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
- Chuyên ngành: Kế toán
- MSSV: 2254010049
- Đơn vị thực tập: Công ty TNHH TM&DV An Đồng Thịnh MT

### 2. Nhận xét của đơn vị về quá trình thực tập của sinh viên

- Sinh viên có thái độ làm việc nghiêm túc, hòa đồng với mọi người trong công ty. Trong thời gian thực tập, sinh viên chủ động học hỏi để hoàn thành tốt công việc được giao.
- Nhìn chung, sinh viên hoàn thành tốt quá trình thực tập tại đơn vị.

Người nhận xét

(Ghi rõ họ và tên, ký và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC  
Huỳnh Thanh An